

Số: /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới;

Căn cứ Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí

cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng;

Căn cứ Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 701/QĐ-BGTVT ngày 09/6/2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh ban hành quy chế phối hợp giữa Văn phòng UBND tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong việc công bố, cập nhật, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 81/TTr-SGTVT ngày 02/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Giao thông vận tải, được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Trung tâm kiểm định phương tiện cơ giới đường bộ, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước (*phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1797/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Giao thông vận tải được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công, trung tâm kiểm định phương tiện xe cơ giới đường bộ, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Các phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI
QUYẾT CỦA NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
BÌNH PHƯỚC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Phần I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI VÀ THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Trang	Mức DVC
LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ				
01	1.001322. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	11	Một phần
02	1.001296. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	14	Một phần

B- THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

**B1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
ĐƯỢC TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ
HÀNH CHÍNH CÔNG**

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Trang	Mức DVC
I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ				
03	1.000703. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	18	Toàn trình
04	2.002285. 000.00.00.H10	Đăng ký khai thác tuyến	23	Toàn trình
05	2.002288. 000.00.00.H10	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	28	Toàn trình
06	2.002289. 000.00.00.H10	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng	32	Toàn trình

		công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)		
07	2.002287. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	37	Toàn trình
08	2.002286. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng	40	Toàn trình
09	1.002856. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	45	Toàn trình
10	1.002852. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	50	Toàn trình
11	1.002063. 000.00.00.H10	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	55	Toàn trình
12	1.001023. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	58	Toàn trình
13	1.001577. 000.00.00.H10	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia.	61	Toàn trình
14	1.000660. 000.00.00.H10	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	64	Một phần
15	1.000672. 000.00.00.H10	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác	70	Một phần
16	1.002877. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	76	Toàn trình
17	1.002869. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	81	Toàn trình
18	1.002268. 000.00.00.H10	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	86	Toàn trình
19	1.002889. 000.00.00.H10	Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác	91	Một phần
20	1.002883. 000.00.00.H10	Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác	96	Một phần
21	1.002286. 000.00.00.H10	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	102	Toàn trình
22	1.010707. 000.00.00.H10	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	105	Toàn trình
23	1.010708. 000.00.00.H10	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và	108	Toàn

		Campuchia		trình
24	1.010709. 000.00.00.H10	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	113	Toàn trình
25	1.010710. 000.00.00.H10	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia	116	Toàn trình
26	1.010711. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	119	Toàn trình
27	1.002861. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	122	Toàn trình
28	1.002859. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	127	Toàn trình
29	1.002835. 000.00.00.H10	Cấp mới Giấy phép lái xe	132	Toàn trình
30	1.002809. 000.00.00.H10	Đổi giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp	138	Toàn trình
31	1.002801. 000.00.00.H10	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp	142	Một phần
32	1.002804. 000.00.00.H10	Đổi giấy phép lái xe Quân sự do Bộ Quốc phòng cấp	146	Một phần
33	1.002796. 000.00.00.H10	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp	149	Một phần
34	1.002793. 000.00.00.H10	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam	154	Một phần
35	1.002820. 000.00.00.H10	Cấp lại giấy phép lái xe	157	Một phần
36	1.001777. 000.00.00.H10	Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô	161	Một phần
37	1.001648. 000.00.00.H10	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo	165	Một phần
38	1.005210. 000.00.00.H10	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác	169	Toàn trình
39	1.001765. 000.00.00.H10	Cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	171	Một phần
40	1.004993. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe)	174	Một phần

41	1.004995. 000.00.00.H10	Cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động	177	Một phần
42	1.004987. 000.00.00.H10	Cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động	179	Một phần
43	1.001735. 000.00.00.H10	Cấp giấy phép xe tập lái	181	Một phần
44	1.001751. 000.00.00.H10	Cấp lại giấy phép xe tập lái	184	Một phần
45	1.001001. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo	187	Toàn trình
46	1.002030. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu	190	Một phần
47	2.000881. 000.00.00.H10	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố	196	Một phần
48	2.000847. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất	201	Toàn trình
49	1.002007. 000.00.00.H10	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	205	Một phần
50	1.001994. 000.00.00.H10	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến	208	Một phần
51	1.001826. 000.00.00.H10	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	212	Một phần
52	2.000872. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng, nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn	215	Một phần
53	1.001919. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	220	Toàn trình
54	1.001896. 000.00.00.H10	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	224	Một phần
55	2.001921. 000.00.00.H10	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác.	229	Toàn trình
56	2.001963. 000.00.00.H10	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác.	234	Toàn trình
57	2.001919. 000.00.00.H10	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao	239	Toàn trình

		quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác.		
58	2.001915. 000.00.00.H10	Gia hạn Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác.	244	Toàn trình
59	1.009620. 000.00.00.H10	Chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác.	248	Toàn trình
60	1.001035. 000.00.00.H10	Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác.	252	Toàn trình
61	1.001046. 000.00.00.H10	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh.	256	Toàn trình
62	1.001061. 000.00.00.H10	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh.	260	Toàn trình
63	1.000583. 000.00.00.H10	Gia hạn Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh.	264	Toàn trình
64	1.001087. 000.00.00.H10	Cấp phép thi công công trình quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác.	268	Toàn trình
65	1.000314. 000.00.00.H10	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút đầu nối tạm thời có thời hạn vào quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh.	272	Toàn trình
66	1.000028. 000.00.00.H10	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.	277	Toàn trình
67	1.009972. 000.00.00.H10	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.	282	Toàn trình
68	1.009973. 000.00.00.H10	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.	290	Toàn trình

II. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA				
69	1.004047. 000.00.00.H10	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	299	Toàn trình
70	1.004002. 000.00.00.H10	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	303	Toàn trình
71	1.003970. 000.00.00.H10	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	306	Toàn trình
72	1.006391. 000.00.00.H10	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	309	Toàn trình
73	1.003930. 000.00.00.H10	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	312	Toàn trình
74	2.001659. 000.00.00.H10	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	315	Toàn trình
75	1.009442. 000.00.00.H10	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa	318	Toàn trình
76	1.009447. 000.00.00.H10	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	321	Toàn trình
77	1.009451. 000.00.00.H10	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa.	323	Toàn trình
78	1.009459. 000.00.00.H10	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương.	326	Toàn trình
79	1.009460. 000.00.00.H10	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng.	329	Toàn trình
80	1.009461. 000.00.00.H10	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng.	332	Toàn trình
81	1.009463. 000.00.00.H10	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa.	335	Toàn trình
82	1.009464. 000.00.00.H10	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa.	339	Toàn trình
83	1.009465. 000.00.00.H10	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông.	342	Toàn trình
84	1.009452. 000.00.00.H10	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa.	346	Toàn trình
85	1.009453.	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang	349	Toàn

	000.00.00.H10	sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính		trình
86	1.009454. 000.00.00.H10	Công bố hoạt động bến thủy nội địa.	352	Toàn trình
87	1.009455. 000.00.00.H10	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính.	356	Toàn trình
88	1.003658. 000.00.00.H10	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa.	360	Toàn trình

B2. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐƯỢC TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Trang	Mức DVC
89	1.001261. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	363	Một phần
90	1.005005. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong kiểm tra lưu hành xe chở người bốn bánh có gắn động cơ	367	Một phần
91	1.005018. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo	370	Một phần
92	1.004325. 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành, tem lưu hành cho xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ	375	Một phần
93	1.005103 000.00.00.H10	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng trong khai thác, sử dụng	377	Một phần

C- DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP HUYỆN

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Trang	Mức DVC
LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA				
01	1.004047. 000.00.00.H10	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	381	Toàn trình
02	1.004002. 000.00.00.H10	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	385	Toàn trình
03	1.003970. 000.00.00.H10	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ	388	Toàn trình

		quan đăng ký phương tiện		
04	1.006391. 000.00.00.H10	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	391	Toàn trình
05	1.003930. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	394	Toàn trình
06	2.001659. 000.00.00.H10	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	397	Toàn trình

**D. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
CẤP XÃ**

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Trang	Mức DVC
LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA				
01	1.004047. 000.00.00.H10	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	400	Toàn trình
02	1.004002. 000.00.00.H10	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	404	Toàn trình
03	1.003970. 000.00.00.H10	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	407	Toàn trình
04	1.006391. 000.00.00.H10	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	410	Toàn trình
05	1.003930. 000.00.00.H10	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	413	Toàn trình
06	2.001659. 000.00.00.H10	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	416	Toàn trình

PHẦN II**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI,
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN
QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC****A- THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI****1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.
Mã thủ tục: 1.001322.****a) Trình tự thực hiện:****a1) Nộp hồ sơ TTHC:**

- Đơn vị đăng kiểm có nhu cầu lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới theo quy định; sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

a2) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, nếu hồ sơ đầy đủ và phù hợp theo quy định, Sở Giao thông vận tải thông báo cho tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm về thời gian kiểm tra, đánh giá thực tế đơn vị đăng kiểm. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không phù hợp theo quy định, Sở Giao thông vận tải phải thông báo cho tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá, Sở Giao thông vận tải tiến hành kiểm tra, đánh giá thực tế. Kết quả đánh giá được lập thành Biên bản theo mẫu quy định. Nếu đạt yêu cầu thì cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới với mã số đơn vị đăng kiểm trong thời hạn 05 ngày làm việc; nếu kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu thì Sở Giao thông vận tải phải thông báo bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc để tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm khắc phục và tiến hành kiểm tra, đánh giá lại.

b) Cách thức thực hiện:

- Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải hoặc qua hệ thống bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**c1) Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị kiểm tra cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới theo mẫu quy định;

- Danh sách trích ngang nhân lực của đơn vị kèm theo các hồ sơ sau: Quyết định bổ nhiệm lãnh đạo đơn vị đăng kiểm; quyết định bổ nhiệm đối với phụ trách bộ phận kiểm định; bản sao được chứng thực hợp đồng lao động theo quy

định, quyết định tuyển dụng hoặc tiếp nhận đối với đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ và các văn bằng, chứng chỉ được chứng thực của từng cá nhân;

- Bản đối chiếu các quy định về cơ sở vật chất, dây chuyền kiểm định theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

- Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể và mặt bằng nhà xưởng có bố trí dây chuyền và thiết bị kiểm tra;

- Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền của địa phương (bản sao có chứng thực hoặc bản chính để đối chiếu).

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá, Sở Giao thông vận tải tiến hành kiểm tra, đánh giá thực tế;

- Nếu kết quả kiểm tra, đánh giá đạt yêu cầu thì cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới trong thời hạn 05 ngày làm việc; nếu kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu thì Sở Giao thông vận tải phải thông báo bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc để tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm khắc phục và tiến hành kiểm tra, đánh giá lại.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới với mã số đơn vị đăng kiểm.

h) Phí, lệ phí, giá: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đề nghị kiểm tra, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới (*phụ lục V kèm theo Nghị định số 30/2023/NĐ-CP*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, cơ cấu tổ chức, nhân lực theo quy định tại Nghị định số 139/2018/NĐ-CP và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đơn vị đăng kiểm do Bộ Giao thông vận tải ban hành được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

i) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới;

- Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Phụ lục V**Mẫu đề nghị kiểm tra cấp/cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới**

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ QUẢN¹
TÊN TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ
ĐĂNG KIỂM²

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

...³..., ngày tháng năm

ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI

Kính gửi:⁴.....

Căn cứ Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

1. Tên tổ chức/đơn vị đăng kiểm:
 2. Địa chỉ:
 3. Số điện thoại (Fax):
 4. Đề nghị cấp/cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới cho:.....
 5. Lý do⁵:.....⁶..... cam kết những nội dung trên là đúng.
- Hồ sơ⁷ gửi kèm (01 bộ) gồm:
-
-

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu

TỔ CHỨC/ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).

² Tên đơn vị đề nghị kiểm tra, cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

³ Địa danh.

⁴ Cơ quan thực hiện cấp/cấp lại Giấy chứng nhận.

⁵ Đối với trường hợp cấp lại.

⁶ Tên tổ chức/đơn vị đăng kiểm.

⁷ Ghi rõ thành phần hồ sơ gửi kèm theo (quy định tại Điều 8, Điều 9 Nghị định này).

2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới. Mã thủ tục: 1.001296.

a) Trình tự thực hiện:

a1) Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị đăng kiểm có nhu cầu lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới theo quy định; sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới được cấp lại trong các trường hợp sau:

+ Trường hợp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới bị mất, bị hỏng;

+ Trường hợp đơn vị đăng kiểm xe cơ giới có sự thay đổi về vị trí, mặt bằng, xưởng kiểm định, bố trí dây chuyền kiểm định khác với hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đã được cấp hoặc thay đổi về thiết bị kiểm tra làm ảnh hưởng đến số lượng dây chuyền kiểm định được hoạt động.

a2) Giải quyết TTHC:

- Trường hợp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới bị mất, bị hỏng thì đơn vị đăng kiểm gửi văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đến Sở Giao thông vận tải. Sở Giao thông vận tải căn cứ hồ sơ lưu để cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị (trong đó có ghi chú giấy chứng nhận này thay thế cho giấy chứng nhận đã cấp bị mất, hỏng).

- Trường hợp đơn vị đăng kiểm xe cơ giới có sự thay đổi về vị trí, mặt bằng, xưởng kiểm định, bố trí dây chuyền kiểm định khác với hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đã được cấp hoặc thay đổi về thiết bị kiểm tra làm ảnh hưởng đến số lượng dây chuyền kiểm định được hoạt động thì phải thông báo cho Sở Giao thông vận tải (kèm theo bản đối chiếu các quy định về cơ sở vật chất, dây chuyền kiểm định theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia). Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, Sở Giao thông vận tải thực hiện kiểm tra, đánh giá nội dung thay đổi. Nếu đạt yêu cầu thì cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới trong thời hạn 05 ngày làm việc; nếu kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu thì Sở Giao thông vận tải phải thông báo bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc để đơn vị đăng kiểm khắc phục và tiến hành kiểm tra, đánh giá lại.

b) Cách thức thực hiện:

- Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải hoặc qua hệ thống bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Trường hợp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới bị mất, bị hỏng: văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

- Trường hợp đơn vị đăng kiểm xe cơ giới có sự thay đổi về vị trí, mặt bằng, xưởng kiểm định, bố trí dây chuyền kiểm định khác với hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đã được cấp hoặc thay đổi về thiết bị kiểm tra làm ảnh hưởng đến số lượng dây chuyền kiểm định được hoạt động: thông báo cho Sở Giao thông vận tải (kèm theo bản đối chiếu các quy định về cơ sở vật chất, dây chuyền kiểm định theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia).

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới bị mất, bị hỏng: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị;

- Trường hợp đơn vị đăng kiểm xe cơ giới có sự thay đổi về vị trí, mặt bằng, xưởng kiểm định, bố trí dây chuyền kiểm định khác với hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đã được cấp hoặc thay đổi về thiết bị kiểm tra làm ảnh hưởng đến số lượng dây chuyền kiểm định được hoạt động:

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, Sở Giao thông vận tải thực hiện kiểm tra, đánh giá nội dung thay đổi.

+ Nếu đạt yêu cầu thì cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới trong thời hạn 05 ngày làm việc; nếu kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu thì Sở Giao thông vận tải phải thông báo bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc để đơn vị đăng kiểm khắc phục và tiến hành kiểm tra, đánh giá lại.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

h) Phí, lệ phí, giá: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đề nghị kiểm tra, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới (*phụ lục V kèm theo Nghị định số 30/2023/NĐ-CP*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, cơ cấu tổ chức, nhân lực theo quy định tại Nghị định số 139/2018/NĐ-CP và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đơn vị đăng kiểm do Bộ Giao thông vận tải ban hành được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới;

- Nghị định số 30/2023/NĐ-CP ngày 08/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm: *Giống Mã thủ tục: 1.001322.*

B- THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

B1. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

1. Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. Mã số TTHC: 1.000703

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu lập mẫu đơn theo quy định, trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho đơn vị kinh doanh vận tải;

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

Trong thời hạn 4,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo mẫu quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Trung tâm phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công <http://qlvt.mt.gov.vn/>;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải bao gồm:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định (*mẫu của Nghị định 10/2020/NĐ-CP*);

+ Bản sao văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải;

+ Bản sao hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử).

- Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đối với hộ kinh doanh vận tải gồm:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định (*mẫu của Nghị định 10/2020/NĐ-CP*);

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

* Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

h) Phí, lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (*mẫu của Nghị định 10/2020/NĐ-CP*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* **Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô**

- Điều kiện đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách

+ Phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải có sức chứa từ 09 chỗ trở lên (kể cả người lái xe) và có niên hạn sử dụng như sau: Không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên tuyến cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên tuyến có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống;

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt có niên hạn sử dụng không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất);

+ Xe taxi phải có sức chứa dưới 09 chỗ (kể cả người lái) và có niên hạn sử dụng không quá 12 năm (tính từ năm sản xuất); không sử dụng xe cải tạo từ xe có sức chứa từ 09 chỗ trở lên thành xe ô tô dưới 09 chỗ (kể cả người lái xe) hoặc xe có kích thước, kiểu dáng tương tự xe từ 09 chỗ trở lên để kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải khách du lịch có niên hạn sử dụng không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất). Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có niên hạn sử dụng như sau: Không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống.

Riêng xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách du lịch và xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa dưới 09 chỗ (kể cả người lái) sử dụng hợp đồng điện tử có niên hạn sử dụng không quá 12 năm (tính từ năm sản xuất).

- Trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có sức chứa từ 09 chỗ (kể cả người lái xe) trở lên phải lắp camera đảm bảo ghi, lưu trữ hình ảnh trên xe (bao gồm cả lái xe và cửa lên xuống của xe) trong quá trình xe tham gia giao thông. Dữ liệu hình ảnh được cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra giao thông và cơ quan cấp giấy phép, bảo đảm giám sát công khai, minh bạch. Thời gian lưu trữ hình ảnh trên xe đảm bảo như sau:

+ Tối thiểu 24 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly đến 500 ki-lô-mét;

+ Tối thiểu 72 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 500 ki-lô-mét.

* Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

- Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

- Trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo phải lắp camera đảm bảo ghi, lưu trữ hình ảnh của người lái xe trong quá trình xe tham gia giao thông. Dữ liệu hình ảnh được cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra giao thông và cơ quan cấp giấy phép, bảo đảm giám sát công khai, minh bạch. Thời gian lưu trữ hình ảnh trên xe đảm bảo như sau:

+ Tối thiểu 24 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly đến 500 ki-lô-mét;

+ Tối thiểu 72 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 500 ki-lô-mét.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

PHỤ LỤC I**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH
VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ****TÊN ĐƠN VỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****KDVT:****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)**GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số: do... cấp ngày.....tháng năm; Mã số thuế:
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
-
10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyến cố định, xe buýt, xe taxi)

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

- Đơn vị đạt hạng: (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT*(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú: Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

2. Đăng ký khai thác tuyến. Mã số TTHC: 2.002285

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Doanh nghiệp, hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký khai thác tuyến về Sở Giao thông vận tải nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị được áp dụng theo cách thức như sau:

+ Áp dụng đến hết ngày 30/6/2021: Doanh nghiệp, hợp tác xã gửi 01 bộ hồ sơ: Lập hồ sơ trên công dịch vụ công trực tuyến hoặc nộp trực tiếp hoặc gửi thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

+ Áp dụng từ ngày 01/7/2021: Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải (*không nhận hồ sơ gửi trực tiếp, hồ sơ gửi qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công, cơ quan quản lý tuyến*).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu đủ thành phần hồ sơ theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp, hợp tác xã (*theo nguyên tắc đơn vị nộp trước được kiểm tra, xử lý trước*); trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung:

+ Áp dụng đến hết ngày 30/6/2021: Nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc trên hệ thống dịch vụ công những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã. Trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo sửa đổi, bổ sung của Bộ phận tiếp nhận hồ sơ, doanh nghiệp, hợp tác xã phải hoàn thiện và cập nhật đủ hồ sơ. Trường hợp quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo, doanh nghiệp, hợp tác xã không hoàn thiện, bổ sung đủ hồ sơ thì hồ sơ được coi là không hợp lệ, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp tục kiểm tra hồ sơ tiếp theo theo thứ tự thời gian nộp.

+ Áp dụng từ ngày 01/7/2021: Nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo trực tiếp trên hệ thống dịch vụ công nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ đăng ký khai thác tuyến.

* Áp dụng đến hết ngày 30/6/2021:

+ Trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải phải kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã.

Trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo sửa đổi, bổ sung của Sở Giao thông vận tải, doanh nghiệp, hợp tác xã phải hoàn thiện và cập nhật đủ hồ sơ. Trường hợp quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo, doanh nghiệp, hợp tác xã không hoàn thiện, bổ sung đủ hồ sơ thì hồ sơ được coi là không hợp lệ, Sở Giao thông vận tải tiếp tục kiểm tra hồ sơ tiếp theo theo thứ tự thời gian nộp;

+ Đối với tuyển vận tải hành khách cố định liên tỉnh:

Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản gửi Sở Giao thông vận tải đầu tuyển bên kia để lấy ý kiến.

Trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Sở Giao thông vận tải được xin ý kiến phải có văn bản trả lời. Trường hợp có doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký khai thác tuyến (trùng tuyến, trùng giờ), Sở Giao thông vận tải được lấy ý kiến thống nhất với Sở Giao thông vận tải lấy ý kiến để quyết định theo nguyên tắc doanh nghiệp, hợp tác xã nộp hồ sơ trước được kiểm tra và xử lý hồ sơ trước theo thứ tự thời gian. Hết thời hạn trên nếu không có văn bản trả lời thì coi như Sở Giao thông vận tải được xin ý kiến đã đồng ý.

Trong thời hạn tối đa 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ban hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, Sở Giao thông vận tải đầu tuyển bên kia, bên xe hai đầu tuyển để phối hợp quản lý theo mẫu quy định tại V của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP;

+ Đối với tuyển vận tải hành khách cố định nội tỉnh: Trong thời hạn tối đa 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ban hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, bên xe hai đầu tuyển để phối hợp quản lý theo mẫu quy định tại V của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP.

* Áp dụng từ ngày 01/7/2021:

+ Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Giao thông vận tải phải kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp trên hệ thống dịch vụ công nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã.

Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo sửa đổi, bổ sung của Sở Giao thông vận tải, doanh nghiệp, hợp tác xã phải hoàn thiện và cập nhật hồ sơ lên hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo, doanh nghiệp, hợp tác xã không hoàn thiện, bổ sung đủ hồ sơ thì hồ sơ được coi là không hợp lệ, Sở Giao thông vận tải tiếp tục kiểm tra hồ sơ tiếp theo theo thứ tự thời gian nộp trên hệ thống dịch vụ công;

+ Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ban hành Thông báo đăng

ký khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) và trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia (đối với tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh), bến xe hai đầu tuyến để phối hợp quản lý theo mẫu quy định tại V của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP.

Trường hợp có nhiều hồ sơ cùng đăng ký trùng tuyến và trùng giờ xuất bến, Sở Giao thông vận tải xử lý hồ sơ theo thứ tự thời gian nộp hồ sơ của doanh nghiệp, hợp tác xã trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, đơn vị nộp trước được kiểm tra, xử lý trước.

- Bước 4: Kết quả đăng ký khai thác tuyến thành công được Sở GTVT thông báo bằng văn bản và thông báo trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, bến xe hai đầu tuyến, Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia (đối với tuyến liên tỉnh).

b) Cách thức thực hiện:

- Áp dụng đến hết ngày 30/6/2021: + Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

+ Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

- Áp dụng từ ngày 01/7/2021: Nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đăng ký khai thác tuyến theo mẫu quy định (*mẫu II của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP*);

+ Bản sao Biên bản thống nhất giữa bến xe hai đầu tuyến với doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia khai thác tuyến (áp dụng đối với trường hợp tuyến mới).

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Áp dụng đến hết ngày 30/6/2021:

+ Đối với tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh: Trong thời hạn tối đa 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ban hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia, bến xe hai đầu tuyến để phối hợp quản lý;

+ Đối với tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh: Trong thời hạn tối đa 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ban hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công

(bằng văn bản) gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, bên xe hai đầu tuyến để phối hợp quản lý.

- Áp dụng từ ngày 01/7/2021:

Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ban hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) và trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến gửi doanh nghiệp, hợp tác xã, Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia (đối với tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh), bên xe hai đầu tuyến để phối hợp quản lý.

Trường hợp có nhiều hồ sơ cùng đăng ký trùng tuyến và trùng giờ xuất bến, Sở Giao thông vận tải xử lý hồ sơ theo thứ tự thời gian nộp hồ sơ của doanh nghiệp, hợp tác xã trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, đơn vị nộp trước được kiểm tra, xử lý trước.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải (nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị);

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải (nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị);

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công.

g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Thông báo đơn vị đăng ký khai thác tuyến thành công.

h) Phí, lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đăng ký khai thác tuyến (*mẫu II của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP*)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

PHỤ LỤC III

MẪU ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TÊN ĐƠN VỊ****KDVT:**

Số:/.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã KDVT:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại (Fax):
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:..... do ... (tên cơ quan cấp) cấp ngày/...../.....
5. Đăng ký(1)..... tuyến: Mã số tuyến:
- Nơi đi: Nơi đến:(2)
- Bến xe đi: Bến xe đến:(3)
- Giờ xe xuất bến tại bến xe đi:giờ.... phút, vào các ngày
- Giờ xe xuất bến tại bến xe đến:giờ.... phút, vào các ngày
- Số chuyến xe trong ngày/tuần/tháng:
- Cự ly vận chuyển:km.
- Hành trình chạy xe:
6. Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô (được gửi kèm).

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.

Hướng dẫn ghi:

- (1) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).
- (2) Ghi tên địa danh tỉnh đi, tỉnh đến. Ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).
- (3) Ghi tên bến xe nơi đi và tên bến xe nơi đến.

Ghi chú: Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT*(Ký tên, đóng dấu)*

3. Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải). Mã số TTHC: 2.002288

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Đơn vị kinh doanh vận tải lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ <http://qlvt.mt.gov.vn> hoặc gửi thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho đơn vị kinh doanh vận tải;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho các xe theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản hoặc trả lời thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cập nhật thông tin trên hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Tổng cục Đường bộ Việt Nam, thực hiện kiểm tra và chỉ cấp phù hiệu khi thiết bị giám sát hành trình của xe đáp ứng đầy đủ các quy định về lắp đặt, truyền dẫn dữ liệu.

Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích hoặc hình thức phù hợp khác theo quy định. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

Sở Giao thông vận tải thực hiện việc xử lý hồ sơ và cấp phù hiệu trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải;

Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các xe ô tô để đảm bảo phương tiện đủ điều kiện kinh doanh vận tải trên hệ thống Đăng kiểm Việt Nam;

Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về tình trạng của phương tiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Tổng cục Đường bộ Việt Nam để thực hiện theo các trường hợp sau:

+ Trường hợp phương tiện chưa có trên hệ thống thì thực hiện cấp phù hiệu;

+ Trường hợp phương tiện đã có trên hệ thống, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện gửi thông tin qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải đang quản lý phương tiện để đề nghị xác nhận và gỡ bỏ phương tiện khỏi hệ thống. Trong thời gian 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải nhận được đề nghị phải trả lời, trường hợp không đồng ý gỡ thông tin của phương tiện phải nêu rõ lý do. Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện cấp phù hiệu, biển hiệu sau khi phương tiện được gỡ bỏ khỏi hệ thống.

Trung tâm phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công <http://qlvt.mt.gov.vn/>;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định (*mẫu Phụ lục V của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP*);

+ Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho các xe theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản hoặc trả lời thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

- Sở Giao thông vận tải cấp kiểm tra thông tin về tình trạng của phương tiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Tổng cục Đường bộ Việt Nam để thực hiện theo các trường hợp sau:

+ Trường hợp phương tiện chưa có trên hệ thống thì thực hiện cấp phù hiệu;

+ Trường hợp phương tiện đã có trên hệ thống, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện gửi thông tin qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải đang quản lý phương tiện để đề nghị xác nhận và gỡ bỏ phương tiện khỏi hệ thống. Trong thời gian 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải nhận được đề nghị phải trả lời, trường hợp không đồng ý gỡ thông tin của phương tiện phải nêu rõ lý do. Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện cấp phù hiệu, biển hiệu sau khi phương tiện được gỡ bỏ khỏi hệ thống.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải (nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị);

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải (nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị);

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Phù hiệu hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu (*mẫu Phụ lục V của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

PHỤ LỤC V

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU
TÊN ĐƠN VỊ KDVT: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị KDVT:
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại (Fax):
4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô
 ngày.....tháng....năm...., nơi cấp.....

Số lượng phù hiệu, biển hiệu nộp lại:

Đề nghị được cấp:
 (1).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Loại phù hiệu (Tuyến CD, HD, DL, taxi, xe tải...)	(*) Xe taxi (sử dụng đồng hồ hoặc sử dụng phần mềm)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:

(1) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

(*) áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp phù hiệu xe taxi.

Ghi chú: Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải thực hiện kê khai các thông tin trên theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công.

4. Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải). Mã số TTHC: 2.002289

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Đơn vị kinh doanh vận tải lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ <http://qlvt.mt.gov.vn> hoặc gửi thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho đơn vị kinh doanh vận tải;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho các xe theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản hoặc trả lời thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cập nhật thông tin trên hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Tổng cục Đường bộ Việt Nam, thực hiện kiểm tra và chỉ cấp phù hiệu khi thiết bị giám sát hành trình của xe đáp ứng đầy đủ các quy định về lắp đặt, truyền dẫn dữ liệu.

Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích hoặc hình thức phù hợp khác theo quy định. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

Sở Giao thông vận tải cấp thực hiện việc xử lý hồ sơ và cấp phù hiệu trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải;

Sở Giao thông vận tải cấp kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các xe ô tô để đảm bảo phương tiện đủ điều kiện kinh doanh vận tải trên hệ thống Đăng kiểm Việt Nam;

Sở Giao thông vận tải cấp kiểm tra thông tin về tình trạng của phương tiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Tổng cục Đường bộ Việt Nam để thực hiện theo các trường hợp sau:

+ Trường hợp phương tiện chưa có trên hệ thống thì thực hiện cấp phù hiệu;

+ Trường hợp phương tiện đã có trên hệ thống, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện gửi thông tin qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải đang quản lý phương tiện để đề nghị xác nhận và gỡ bỏ phương tiện khỏi hệ thống. Trong thời gian 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải nhận được đề nghị phải trả lời, trường hợp không đồng ý gỡ thông tin của phương tiện phải nêu rõ lý do. Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện cấp phù hiệu, biển hiệu sau khi phương tiện được gỡ bỏ khỏi hệ thống.

Trung tâm phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công <http://qlvt.mt.gov.vn/>;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đối với trường hợp hết hạn, khi bị mất hoặc bị hư hỏng, khi thay đổi chủ sở hữu phương tiện hoặc thay đổi đơn vị kinh doanh vận tải, hồ sơ gồm:

+ Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định (*mẫu Phụ lục V của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP*);

+ Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.

- Đối với trường hợp khi bị thu hồi hoặc bị tước quyền sử dụng, hồ sơ gồm:

+ Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định (*mẫu Phụ lục V của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP*);

+ Bản sao giấy đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận giấy đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.

+ Tài liệu chứng minh việc khắc phục vi phạm là nguyên nhân bị thu hồi hoặc bị tước quyền sử dụng phù hiệu.

* Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho các xe theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản hoặc trả lời thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

- Sở Giao thông vận tải cấp kiểm tra thông tin về tình trạng của phương tiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và hệ thống dữ liệu giám sát hành trình của Tổng cục Đường bộ Việt Nam để thực hiện theo các trường hợp sau:

+ Trường hợp phương tiện chưa có trên hệ thống thì thực hiện cấp phù hiệu;

+ Trường hợp phương tiện đã có trên hệ thống, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện gửi thông tin qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến Sở Giao thông vận tải đang quản lý phương tiện để đề nghị xác nhận và gỡ bỏ phương tiện khỏi hệ thống. Trong thời gian 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải nhận được đề nghị phải trả lời, trường hợp không đồng ý gỡ thông tin của phương tiện phải nêu rõ lý do. Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện cấp phù hiệu, biển hiệu sau khi phương tiện được gỡ bỏ khỏi hệ thống.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải (nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị);

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải (nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị);

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Phù hiệu hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu (*mẫu Phụ lục V của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

PHỤ LỤC V

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU
TÊN ĐƠN VỊ KDVT: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị KDVT:
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại (Fax):
4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô
 ngày.....tháng....năm...., nơi cấp.....

Số lượng phù hiệu, biển hiệu nộp lại:

Đề nghị được cấp:
 (1).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Loại phù hiệu (Tuyến CD, HD, DL, taxi, xe tải...)	(*) Xe taxi (sử dụng đồng hồ hoặc sử dụng phần mềm)

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:

(1) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

(*) áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp phù hiệu xe taxi.

Ghi chú: Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải thực hiện kê khai các thông tin trên theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công.

5. Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng. Mã số TTHC: 2.002287

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô: Nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc nộp trực tiếp hoặc gửi thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho đơn vị kinh doanh vận tải;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo mẫu quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Trung tâm phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công <http://qlvt.mt.gov.vn/>;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định (mẫu của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP);

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

h) Phí, lệ phí, giá: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (*mẫu của Nghị định 10/2020/NĐ-CP*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

PHỤ LỤC I**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH
VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ****TÊN ĐƠN VỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****KDVT:****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)**GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số: do... cấp ngày.....tháng năm; Mã số thuế:
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
 -
10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyến cô định, xe buýt, xe taxi)

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

- Đơn vị đạt hạng: (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT*(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú: Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

6. Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng. Mã số TTHC: 2.002286

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô: Nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc nộp trực tiếp hoặc gửi thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho đơn vị kinh doanh vận tải;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo mẫu quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Trung tâm phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công <http://qlvt.mt.gov.vn/>;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh, bao gồm:

+ Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại theo mẫu quy định (mẫu của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP);

+ Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh:

(1) Tên và địa chỉ đơn vị kinh doanh;

(2) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) bao gồm: Số, ngày, tháng, năm, cơ quan cấp;

(3) Người đại diện theo pháp luật;

(4) Các hình thức kinh doanh;

(5) Cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh.

(việc thay đổi liên quan đến nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung đó).

- Trường hợp cấp lại Giấy phép kinh doanh do bị thu hồi hoặc bị tước quyền sử dụng, hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh:

+ Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải:

(1) Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định *(mẫu của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP)*;

(2) Bản sao văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải;

(3) Bản sao hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hành khách sử dụng hợp đồng điện tử).

+ Đối với hộ kinh doanh vận tải:

(1) Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu quy định *(mẫu của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP)*;

(2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

+ Tài liệu chứng minh việc khắc phục vi phạm là nguyên nhân bị thu hồi hoặc bị tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh.

* Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

h) Phí, lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (*mẫu của Nghị định 10/2020/NĐ-CP*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- * Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô

- Điều kiện đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách

+ Phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã;

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải có sức chứa từ 09 chỗ trở lên (kể cả người lái xe) và có niên hạn sử dụng như sau: Không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên tuyến cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên tuyến có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống;

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt có niên hạn sử dụng không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất);

+ Xe taxi phải có sức chứa dưới 09 chỗ (kể cả người lái) và có niên hạn sử dụng không quá 12 năm (tính từ năm sản xuất); không sử dụng xe cải tạo từ xe có sức chứa từ 09 chỗ trở lên thành xe ô tô dưới 09 chỗ (kể cả người lái xe) hoặc xe có kích thước, kiểu dáng tương tự xe từ 09 chỗ trở lên để kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải khách du lịch có niên hạn sử dụng không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất). Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có niên hạn sử dụng như sau: Không quá 15 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm (tính từ năm sản xuất) đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống.

Riêng xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách du lịch và xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa dưới 09 chỗ (kể cả người lái) sử

dụng hợp đồng điện tử có niên hạn sử dụng không quá 12 năm (tính từ năm sản xuất).

- Trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách có sức chứa từ 09 chỗ (kể cả người lái xe) trở lên phải lắp camera đảm bảo ghi, lưu trữ hình ảnh trên xe (bao gồm cả lái xe và cửa lên xuống của xe) trong quá trình xe tham gia giao thông. Dữ liệu hình ảnh được cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra giao thông và cơ quan cấp giấy phép, bảo đảm giám sát công khai, minh bạch. Thời gian lưu trữ hình ảnh trên xe đảm bảo như sau:

+ Tối thiểu 24 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly đến 500 ki-lô-mét;

+ Tối thiểu 72 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 500 ki-lô-mét.

* Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

- Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

- Trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo phải lắp camera đảm bảo ghi, lưu trữ hình ảnh của người lái xe trong quá trình xe tham gia giao thông. Dữ liệu hình ảnh được cung cấp cho cơ quan Công an, Thanh tra giao thông và cơ quan cấp giấy phép, bảo đảm giám sát công khai, minh bạch. Thời gian lưu trữ hình ảnh trên xe đảm bảo như sau:

+ Tối thiểu 24 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly đến 500 ki-lô-mét;

+ Tối thiểu 72 giờ gần nhất đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 500 ki-lô-mét.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

PHỤ LỤC I**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH
VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ****TÊN ĐƠN VỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****KDVT:****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)**GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số: do... cấp ngày.....tháng năm; Mã số thuế:
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
-
10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyến cố định, xe buýt, xe taxi)

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

- Đơn vị đạt hạng: (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành).

11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT*(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú: Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

7. Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào. Mã số TTHC: 1.002856

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào theo quy định. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với phương tiện thương mại gồm:

+ Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá

nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

+ Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào).

- Thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên lãnh thổ Lào:

+ Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô thuộc quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân;

+ Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp xe công vụ và xe của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác);

+ Bản sao hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào.

h) Phí, lệ phí: không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại (theo mẫu số 04 V của Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ);

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào (theo mẫu số 05 V của Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

**Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa
Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại**

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào do cấp số ngày cấp
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho các phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Hình thức hoạt động (vận chuyên hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

Đối với phương tiện thay thế: ghi rõ phương tiện có biển kiểm soát..... thay thế phương tiện có biển kiểm soát

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định c) Hành khách theo hợp đồng:
- b) Khách du lịch: d) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến: đi và ngược lại

Bến đi: Bến xe (thuộc tỉnh: Việt Nam)

Bến đến: Bến xe (thuộc tỉnh: Lào)

Cự ly vận chuyển:km

Hành trình tuyến đường:

Đã được thông báo khai thác tuyến tại công văn số ngày

..., ngày... tháng ... năm...

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
 CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI VÀ PHƯƠNG TIỆN PHỤC VỤ CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN HOẶC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP TẠI LÀO**

Kính gửi:.....

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số ngày cấp cơ quan cấp phép
 (đối với phương tiện phục vụ các công trình dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào)
5. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) do cấp số: ngày cấp:
6. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

7. Mục đích chuyến đi

a) Công vụ:

c) Hoạt động kinh doanh:

b) Cá nhân:

d) Mục đích khác

..., ngày ... tháng ... năm...
Tổ chức/Cá nhân
 (Ký tên, đóng dấu (nếu có))

8. Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào. Mã số TTHC: 1.002852

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào theo quy định. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đối với phương tiện thương mại gồm:

+ Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá

nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

+ Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào).

- Thành phần hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên lãnh thổ Lào:

+ Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô thuộc quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân;

+ Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp xe công vụ và xe của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác);

+ Bản sao hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào.

h) Phí, lệ phí: không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại (theo mẫu số 04 V của Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ);

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào (theo mẫu số 05 V của Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào do cấp số ngày cấp
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho các phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

Đối với phương tiện thay thế: ghi rõ phương tiện có biển kiểm soát..... thay thế phương tiện có biển kiểm soát

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định c) Hành khách theo hợp đồng:
- b) Khách du lịch: d) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến: đi và ngược lại

Bến đi: Bến xe (thuộc tỉnh: Việt Nam)

Bến đến: Bến xe (thuộc tỉnh: Lào)

Cự ly vận chuyển:km

Hành trình tuyến đường:

Đã được thông báo khai thác tuyến tại công văn số ngày
..., ngày... tháng ... năm...

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI VÀ PHƯƠNG TIỆN PHỤC VỤ CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN HOẶC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP TẠI LÀO

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số ngày cấp cơ quan cấp phép (đối với phương tiện phục vụ các công trình dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào)
5. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) do cấp số: ngày cấp:
6. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

7. Mục đích chuyến đi

a) Công vụ:

b) Cá nhân:

c) Hoạt động kinh doanh:

d) Mục đích khác

..., ngày ... tháng ... năm...
Tổ chức/Cá nhân
 (Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**9. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào.
Mã số TTHC: 1.002063**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Lào. Sở Giao thông vận tải thực hiện việc gia hạn bằng văn bản hoặc gia hạn trong giấy phép liên vận. Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kế quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu;

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào (bản chính).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào

h) Phí, lệ phí: không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào (mẫu số 07 V của Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence-Freedom-Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....
 To: Department of Transport of.....province

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
2. Địa chỉ (Address):
3. Số điện thoại (Telephone number):số Fax (Fax number).....
4. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào số (Laos – Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.): được cấp bởi (issued by)vào ngày (on the date of)
5. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):
6. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)...
7. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngàyđến ngày
 Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from until
8. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).
 - b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Lào (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and Laos on cross-border transport*).

..., ngày ... tháng... năm...
 Place,..... (dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn
 (Applicant Name)
 (Ký, ghi rõ họ và tên)
 (Signature and full name)

10. Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia. Mã số TTHC: 1.001023

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của tỉnh. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định;

Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương;

Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Campuchia cấp giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu tại địa phương mình quản lý.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp giấy phép. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện;
- Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền đối với xe công vụ.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia.

h) Phí, lệ phí: không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại. (theo mẫu số 05 phụ lục V của Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

**Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho
phương tiện phi thương mại**

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:.....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) do cấp số:..... ngày cấp:
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

....., ngày ... tháng ... năm ...
Tổ chức/Cá nhân
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

11. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia. Mã số TTHC: 1.001577

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kê quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu.
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia (bản chính).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
 - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia.

h) Phí, lệ phí: không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam (theo Mẫu số 08 Phụ lục V của Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN
TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET
NAM

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

To: Department of Transport of.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):

2. Địa chỉ (Address):

3. Số điện thoại (Telephone number): số Fax (Fax number)

4. Địa chỉ Email (Email address):

5. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia số (Cambodia - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.): được cấp bởi (issued by)

..... vào ngày (on the date of)

6. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport pennit):

7. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)....

8. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày đến ngày

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from..... until

9. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Campuchia (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and Cambodia on cross-border transport*).

....., ngày ... tháng ... năm ...

Place, (dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn

(Applicant Name)

(Ký, ghi rõ họ và tên)

(Signature and full name)

12. Công bố đưa bến xe khách vào khai thác. Mã số TTHC: 1.000660**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Sau khi hoàn thành việc xây dựng, đơn vị khai thác bến xe nộp hồ sơ đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định:

+ Chậm nhất trong thời hạn 6,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra theo các tiêu chí phân loại bến xe khách và lập biên bản kiểm tra.

+ Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu bến xe khách không đáp ứng đúng các tiêu chí thì phải ghi rõ các nội dung không đạt trong biên bản kiểm tra và phải thông báo ngay cho đơn vị khai thác bến xe; nếu bến xe khách đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe khách mà đơn vị khai thác bến xe đề nghị thì chậm nhất trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông vận tải quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của QCVN 45:2012/BGTVT.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Đơn vị khai thác bến xe khách nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: - Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Văn bản đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác theo mẫu (Phụ lục 1 của QCVN 45:2012/BGTVT);

+ Văn bản chấp thuận đầu nối đường ra, vào bến xe khách với đường bộ của cơ quan có thẩm quyền (bản chính);

+ Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể bến xe khách (bản chính);

+ Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền và biên bản nghiệm thu xây dựng (bản chính);

+ Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của bến xe khách theo mẫu (Phụ lục 2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015);

+ Quy chế quản lý khai thác bến xe khách do đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách ban hành.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Chậm nhất trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra; (trong thời hạn 6,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở GTVT phải tổ chức kiểm tra).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác (mẫu Phụ lục 1 của QCVN 45:2012/BGTVT theo Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải);

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của bến xe khách (mẫu Phụ lục 2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách - Sửa đổi 1:2015 theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác bến xe khách phải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;
- Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách;
- Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi lần 1 năm 2015.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách)

..... (2)
Số:/.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ**CÔNG BỐ ĐƯA BẾN XE KHÁCH VÀO KHAI THÁC**

Kính gửi: (1)

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):

3. Trụ sở:

4. Số điện thoại (Fax):

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số do
..... cấp ngày ... tháng ... năm

Đề nghị kiểm tra để đưa bến xe khách (3) Cụ thể như sau:

- Tên: (3)

- Địa chỉ: (4)

- Tổng diện tích đất: (5)

Sau khi xem xét và đối chiếu với các quy định tại QCVN 45:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách, chúng tôi đề nghị(1) công bố Bến xe khách (3) đạt quy chuẩn Bến xe loại: (6) và được đưa vào khai thác (2) cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu...

Đại diện đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.

(2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách

(3) Ghi tên bến xe khách

(4) Ghi tên vị trí, lý trình, địa chỉ của bến xe khách

(5) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây dựng bến xe khách

(6) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố

Phụ lục 2**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

.....(2).....

Số:/.....

**BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN
VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA BẾN XE KHÁCH**

Kính gửi:.....(1).....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):.....

2. Trụ sở:

3. Số điện thoại (Fax):.....

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn với các hạng mục công trình của Bến xe khách(3)..... như sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Quy định kỹ thuật của Bến xe khách loại(4)....	Theo thực tế
1	Tổng diện tích (tối thiểu)	m ²		
2	Số vị trí đón khách (tối thiểu)	vị trí		
3	Số vị trí trả khách (tối thiểu)	vị trí		
4	Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)	m ²		
5	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác	m ²		
6	Diện tích phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	m ²		
7	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách	chỗ		
8	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)			
9	Diện tích khu vực làm việc			
10	Diện tích văn phòng dành cho Công an, Y tế, Thanh tra giao thông			
11	Diện tích khu vệ sinh			

12	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ			
13	Đường xe ra, vào bến			
14	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách.			
15	Mặt sân bến			
16	Hệ thống cung cấp thông tin			
17	Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến			

...(2)... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu...

Đại diện đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.
- (2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách
- (3) Ghi tên bến xe
- (4) Ghi loại bến xe đề nghị công bố

13. Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác. Mã số TTHC: 1.000672

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Đơn vị kinh doanh, khai thác bến xe khách nộp hồ sơ đề nghị tiếp tục công bố đưa bến xe khách vào khai thác trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định:

+ Chậm nhất trong thời hạn 6,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra theo các tiêu chí phân loại bến xe khách và lập biên bản kiểm tra.

+ Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu bến xe khách không đáp ứng đúng các tiêu chí thì phải ghi rõ các nội dung không đạt trong biên bản kiểm tra và phải thông báo ngay cho đơn vị khai thác bến xe; nếu bến xe khách đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe khách mà đơn vị khai thác bến xe đề nghị thì chậm nhất trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông vận tải quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của QCVN 45:2012/BGTVT.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện:

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;
- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị công bố lại bến xe khách theo mẫu (Phụ lục 4 của QCVN 45:2012/BGTVT).

+ Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể các công trình xây dựng, cải tạo bến xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước, bản chính).

+ Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước, bản chính).

+ Biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng, cải tạo (nếu có thay đổi so với lần công bố trước, bản chính).

+ Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn này với các công trình của bến xe khách theo mẫu (nếu có thay đổi so với lần công bố trước; mẫu Phụ lục 2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách - Sửa đổi 1:2015 theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Chậm nhất trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra; (trong thời hạn 6,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở GTVT phải tổ chức kiểm tra).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị công bố lại bến xe khách (mẫu Phụ lục 4 của QCVN 45:2012/BGTVT theo Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải);

- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn này với các công trình của bến xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước; mẫu Phụ lục 2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách - Sửa đổi 1:2015 theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác bến xe khách phải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách;

- Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách Sửa đổi lần 1 năm 2015.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Phụ lục 2**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

.....(2).....

Số:/.....

**BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN
VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA BẾN XE KHÁCH**

Kính gửi:.....(1).....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):.....

2. Trụ sở:

3. Số điện thoại (Fax):.....

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn với các hạng mục công trình của Bến xe khách(3)..... như sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Quy định kỹ thuật của Bến xe khách loại(4)....	Theo thực tế
1	Tổng diện tích (tối thiểu)	m ²		
2	Số vị trí đón khách (tối thiểu)	vị trí		
3	Số vị trí trả khách (tối thiểu)	vị trí		
4	Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)	m ²		
5	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác	m ²		
6	Diện tích phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	m ²		
7	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách	chỗ		
8	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)			
9	Diện tích khu vực làm việc			
10	Diện tích văn phòng dành cho Công an, Y tế, Thanh tra giao thông			
11	Diện tích khu vệ sinh			

12	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ			
13	Đường xe ra, vào bến			
14	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách.			
15	Mặt sân bến			
16	Hệ thống cung cấp thông tin			
17	Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến			

...(2)... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu...

Đại diện đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.
- (2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách
- (3) Ghi tên bến xe
- (4) Ghi loại bến xe đề nghị công bố

Phụ lục 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách)

..... (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ**CÔNG BỐ LẠI BẾN XE KHÁCH**

Kính gửi: (1)

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):
3. Trụ sở:
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số do cấp ngày ... tháng... năm

Đơn vị hiện đang quản lý, khai thác ...(3)..... Theo Quyết định công bố đưa Bến xe khách vào khai thác số... ngày... tháng...năm...của ...(1)..... Thời gian được phép khai thác đến ngày... tháng... năm

Sau khi xem xét các quy định tại QCVN 45:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bến xe khách, chúng tôi đề nghị (1) tiếp tục công bố đưa Bến xe khách (3).... đạt loại: (4): vào khai thác..(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu...

Đại diện đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách
- (2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách
- (3) Ghi tên bến xe khách
- (4) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố

14. Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. Mã số TTHC: 1.002877

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của tỉnh. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định;

Sở Giao thông vận tải cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải hành khách tuyến cố định, phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương.

- Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Lào và Campuchia theo Phụ lục của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ, cấp giấy phép cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu của địa phương mình.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp giấy phép. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ đối với phương tiện thương mại:

+ Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

+ Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào, Campuchia (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia).

- Thành phần hồ sơ đối với phương tiện phi thương mại:

+ Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu.

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Đối với doanh nghiệp thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh doanh nghiệp đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

h) Phí, lệ phí: không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại (theo mẫu số 01 phụ lục VI của Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ);

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại (theo mẫu số 02 phụ lục VI của Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho
phương tiện thương mại

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA CHO
PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:.....Số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số:..... ngày cấp:.....Cơ quan cấp:.....

5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định: b) Khách du lịch:
c) Hành khách theo hợp đồng: d) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:đivà ngược lại
Bên đi: Bên xe(thuộc tỉnh:Việt Nam)
Bên đến: Bên xe(thuộc tỉnh:)

Cự ly vận chuyển: km

Hành trình tuyến đường:.....

Đã đượcthông báo khai thác tuyến tại công văn số ngày ... tháng ... năm ...

....., ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho
phương tiện phi thương mại**

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO
VÀ CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:.....Số Fax/Địa chỉ email:

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số:..... ngày cấp:.....Cơ quan cấp:.....

5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

6. Mục đích chuyến đi:

a) Công vụ:

c) Phục vụ hoạt động của tổ chức/cá nhân:

b) Cá nhân:

d) Mục đích khác:

....., ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức/Cá nhân

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

15. Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

Mã số TTHC: 1.002869

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của tỉnh. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định;

Sở Giao thông vận tải cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải hành khách tuyến cố định, phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương.

- Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Lào và Campuchia theo Phụ lục của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ, cấp lại giấy phép cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu của địa phương mình.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền thực hiện cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ đối với phương tiện thương mại:

+ Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

+ Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào, Campuchia (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia).

- Thành phần hồ sơ đối với phương tiện phi thương mại:

+ Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu.

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Đối với doanh nghiệp thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh doanh nghiệp đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

h) Phí, lệ phí: không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại (theo mẫu số 01 phụ lục VI của Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ);

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại (theo mẫu số 02 phụ lục VI của Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

**Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
cho phương tiện thương mại**

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA
CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:.....Số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số:..... ngày cấp:.....Cơ quan cấp:.....
5. Đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định: b) Khách du lịch:
c) Hành khách theo hợp đồng: d) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:đivà ngược lại
Bên đi: Bến xe(thuộc tỉnh:Việt Nam)
Bên đến: Bến xe(thuộc tỉnh:)
Cự ly vận chuyển: km
Hành trình tuyến đường:.....
Đã đượcthông báo khai thác tuyến tại công
văn số ngày ... tháng ... năm ...

....., ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
cho phương tiện phi thương mại**

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO
VÀ CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:.....Số Fax/Địa chỉ email:

.....

4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số:..... ngày cấp:.....Cơ quan cấp:.....

5. Đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

6. Mục đích chuyến đi:

a) Công vụ:

c) Phục vụ hoạt động của tổ chức/cá nhân:

b) Cá nhân:

d) Mục đích khác:

....., ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức/Cá nhân
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

16. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. Mã số TTHC: 1.002268

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc nộp trực tiếp, gửi thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Đối với hồ sơ nộp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công, cán bộ tiếp nhận cập nhật thông tin vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định và xác nhận vào hợp đồng đối tác của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp không cấp, Sở Giao thông vận tải thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Đơn vị kinh doanh vận tải nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc nộp trực tiếp, gửi thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá

nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu;

- Hợp đồng đối tác giữa đơn vị kinh doanh vận tải Việt Nam với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (theo mẫu số 06 phụ lục VI của Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ);

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (theo mẫu số 07 phụ lục VI của Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN, BỔ SUNG, THAY THẾ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: số Fax:
4. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia như sau:
 Tỉnh/thành phố đi: Tỉnh/thành phố đến: ...
 Bến đi: Bến đến:
 Cự ly vận chuyển: km
 Hành trình chạy xe:
5. Danh sách xe khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

STT	Biển kiểm soát	Tên chủ sở hữu	Mác xe	Trọng tải	Năm sản xuất

6. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:

- a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định;
- b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định, ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VẬN TẢI**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

1. Đặc điểm tuyến

Tên Tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyên: km.

Lộ trình:

2. Biểu đồ chạy xe

Số chuyến tải (nốt) trong ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ.

+

b) Tại bến lượt về: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ.

+

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe giờ.

d) Tốc độ lữ hành: km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường

a) Lượt đi từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:

- Điểm dừng thứ hai:

- Điểm dừng thứ ba:

b) Lượt về từ Bến xe đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:

- Điểm dừng thứ hai:

- Điểm dừng thứ ba:

c) Thời gian dừng, nghỉ từ đến phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

STT	Biển số xe	Trọng tải (Ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.
- Có đủ điều kiện về sức khỏe, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

-

-

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

-

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: đồng/hành khách.
- Giá vé chặng (nếu có): đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	đồng/hành khách
- Giá vé (*)	
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:
- Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).
- Bán vé qua mạng:
(địa chỉ trang web).

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

17. Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác. Mã số TTHC: 1.002889

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Trước khi xây dựng: Đơn vị đầu tư, xây dựng trạm dừng nghỉ gửi văn bản đề nghị chấp thuận vị trí xây dựng đến UBND tỉnh đối với các trạm dừng nghỉ trên các tuyến đường địa phương (trừ các trạm dừng nghỉ được coi là một hạng mục công trình nằm trong dự án xây dựng đường cao tốc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt)

Sau khi hoàn thành việc xây dựng, đơn vị kinh doanh khai thác trạm dừng nghỉ nộp hồ sơ đề nghị công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (đối với các trạm dừng nghỉ trên tuyến đường bộ thuộc địa phương quản lý);

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) hoặc bằng văn bản hoặc qua dịch vụ công trực tuyến để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định:

+ Chậm nhất trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở GTVT tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra. Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì các tiêu chí không đạt yêu cầu, phải được ghi rõ trong biên bản kiểm tra và được thông báo ngay cho đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ.

- Sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì chậm nhất trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở GTVT ban hành quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác (theo mẫu quy định tại Phụ lục 4). Quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác có giá trị trong thời hạn 3 năm kể từ ngày ký.

Trung tâm phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Đơn vị kinh doanh, khai thác trạm dừng nghỉ nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện:

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;
- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:
 - + Giấy đề nghị công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác theo mẫu (Phụ lục 2 của Thông tư 48/2012/TT-BGTVT).
 - + Văn bản chấp thuận đầu nối đường ra, vào trạm dừng nghỉ với đường giao thông của cơ quan có thẩm quyền.
 - + Sơ đồ mặt bằng tổng thể, thiết kế kỹ thuật trạm dừng nghỉ.
 - + Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền.
 - + Biên bản nghiệm thu xây dựng.
 - + Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn này với các công trình của trạm dừng nghỉ theo mẫu (Phụ lục 3 của Thông tư 48/2012/TT-BGTVT).
 - + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của đơn vị kinh doanh khai thác trạm dừng nghỉ.
 - + Quy chế quản lý khai thác do trạm dừng nghỉ ban hành.
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 7,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác (mẫu Phụ lục 2 của Thông tư 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT);
- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn này với các công trình của trạm dừng nghỉ (mẫu Phụ lục 3 của Thông tư 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ phải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;
- Thông tư 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Phụ lục 2

.....(2).....
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....
, ngày ... tháng ... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ**CÔNG BỐ ĐƯA TRẠM DỪNG NGHỈ VÀO KHAI THÁC**

Kính gửi: (1)

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ: (2):
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số do ... cấp ngày... tháng ... năm ...

Đề nghị kiểm tra để đưa trạm dừng nghỉ (3) thuộc tỉnh:..(4)..... vào khai thác. Cụ thể như sau:

- Tên: (3).....
- Địa chỉ: (5).....
- Tổng diện tích đất: (6)

Sau khi xem xét và đối chiếu với các tiêu chí quy định tại QCVN 43:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ, chúng tôi đề nghị(1)....công bố đưa Trạm dừng nghỉ....(3).... đạt loại: (7): và được đưa vào khai thác.

...(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu...

Đại diện đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Gửi Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)
- (2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ
- (3) Ghi tên trạm dừng nghỉ
- (4) Ghi tên tỉnh
- (5) Ghi lý trình, địa chỉ của trạm dừng nghỉ
- (6) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây trạm dừng nghỉ
- (7) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

Phụ lục 3
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(2).....

Số:/.....

....., ngày tháng năm

BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TRẠM DỪNG NGHỈ

Kính gửi: (1)

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ: (2):

2. Trụ sở:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn với các hạng mục công trình của trạm dừng nghỉ (3) như sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Theo quy định kỹ thuật của TDN loại...(4)...	Theo thực tế
1	Tổng diện tích mặt bằng trạm (tối thiểu)	m ²		
2	Bãi đỗ xe (diện tích tối thiểu)	m ²		
3	Đường xe ra, vào			
4	Khu kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện			
5	Trạm cấp nhiên liệu			
6	Mặt sân khu vực bãi đỗ xe			
7	Khu vệ sinh	m ²		
8	Phòng nghỉ tạm thời cho lái xe	m ²		
9	Không gian nghỉ ngơi (Khu vực có mái che và khu vực trồng cây xanh có ghế ngồi)	m ²		
10	Nơi cung cấp thông tin			
11	Khu phục vụ ăn uống, giải khát			
12	Khu vực giới thiệu và bán hàng hóa			

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu...

Đại diện đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)

(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

(3) Ghi tên trạm dừng nghỉ

(4) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

18. Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác. Mã số TTHC: 1.002883

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Trước khi hết hạn được phép kinh doanh, khai thác 60 ngày (theo thời hạn quy định tại quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác), đơn vị kinh doanh, khai thác trạm dừng nghỉ nộp hồ sơ đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (đối với các trạm dừng nghỉ trên tuyến đường bộ thuộc địa phương quản lý);

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) hoặc bằng văn bản hoặc qua dịch vụ công trực tuyến để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định:

+ Chậm nhất trong thời hạn 5,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở GTVT tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra. Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì các tiêu chí không đạt yêu cầu, phải được ghi rõ trong biên bản kiểm tra và được thông báo ngay cho đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ.

- Sau khi kiểm tra, nếu trạm dừng nghỉ đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại trạm dừng nghỉ, mà đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ đề nghị, thì chậm nhất trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở GTVT ban hành quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác (theo mẫu quy định tại Phụ lục 4). Quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác có giá trị trong thời hạn 3 năm kể từ ngày ký.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Đơn vị kinh doanh, khai thác trạm dừng nghỉ nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện:

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:
 - + Giấy đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác theo mẫu (Phụ lục 5 của Thông tư 48/2012/TT-BGTVT).
 - + Sơ đồ mặt bằng tổng thể, thiết kế kỹ thuật các công trình xây dựng, cải tạo trạm dừng nghỉ (nếu có thay đổi so với lần công bố trước; bản chính).
 - + Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước; bản chính).
 - + Biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng, cải tạo (nếu có thay đổi so với lần công bố trước; bản chính).
 - + Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của Quy chuẩn này với các công trình của trạm dừng nghỉ (nếu có thay đổi so với lần công bố trước; bản chính).
 - + Báo cáo kết quả hoạt động theo mẫu (Phụ lục 6 của Thông tư 48/2012/TT-BGTVT, bản chính).
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác (mẫu Phụ lục 5 của Thông tư 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT);

- Báo cáo kết quả hoạt động (mẫu Phụ lục 6 của Thông tư 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ phải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

- Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm

Phụ lục 5**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

.....(2).....

Số:/.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ**TIẾP TỤC CÔNG BỐ ĐƯA TRẠM DỪNG NGHỈ VÀO KHAI THÁC**

Kính gửi: (1)

1. Đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ: (2):.....

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....

3. Trụ sở:.....

4. Số điện thoại (Fax):.....

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số
do cấp ngày..... tháng nămĐơn vị hiện đang quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ:
... (3) theo Quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác
số... ngày... tháng...năm...của ...(1) thời gian được phép khai thác đến ngày...
tháng... năm.....Sau khi xem xét các quy định tại QCVN 43:2012/BGTVT Quy
chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ, chúng tôi
đề nghị (1) tiếp tục công bố đưa trạm dừng nghỉ (3).... đạt
loại: (4):vào khai thác.

...(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.

Đại diện đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:(1) Gửi Sở GTVT, Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với trạm dừng nghỉ
trên quốc lộ)

(2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ

(3) Ghi tên Trạm dừng nghỉ

(4) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

Phụ lục 6

.....(2).....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kính gửi: (1)

..... (2) hiện đang quản lý, khai thác trạm dừng nghỉ ..(3)... theo Quyết định số.... ngày.... tháng...năm... của (1) thời gian được phép khai thác từ ngày tháng..... năm đến ngày... tháng.... năm ...

..... (2).... Báo cáo kết quả hoạt động trong khoảng thời gian trên với các nội dung sau:

I. Kết quả kinh doanh khai thác.

1. Tổng số phương tiện vào trạm: (lượt xe)

Trong đó:

- Xe con: (lượt xe)

- Xe Khách trên 30 ghế: (lượt xe)

- Xe Khách dưới 30 ghế: (lượt xe)

- Xe tải: (lượt xe)

2. Tổng số khách vào trạm: (lượt khách)

3. Bình quân mỗi ngày có: lượt xe và lượt khách vào trạm.

Trong đó có: xe con;xe khách trên 30 ghế; xe khách dưới 30 ghế và xe tải.

II. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của trạm dừng nghỉ:

(Báo cáo về tình trạng hiện tại, việc duy trì, bổ sung, cải tạo, nâng cấp các công trình, trang thiết bị của trạm và đối chiếu với các tiêu chí tương ứng của quy chuẩn QCVN 43:2012/BGTVT)

III. Việc thực hiện các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ và các quy định pháp luật liên quan khác:**IV. Các vi phạm trong quá trình hoạt động (nếu có):**

(Kết luận của các đoàn thanh tra, kiểm tra về các vi phạm của trạm dừng nghỉ; số lần và mức xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan có thẩm quyền đối với trạm. Các biện pháp và kết quả khắc phục của đơn vị khai thác trạm với các vi phạm trên).

V. Kiến nghị, khiếu nại của người sử dụng trạm (nếu có):

(Báo cáo từng trường hợp và biện pháp, kết quả giải quyết của đơn vị khai thác trạm)

VI. Các kiến nghị của đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ:

Ý kiến của Sở GTVT địa phương

(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện đơn vị khai thác trạm

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Gửi Sở GTVT, Tổng cục ĐBVN (đối với trạm dừng nghỉ trên quốc lộ)
- (2) Ghi tên đơn vị khai thác trạm dừng nghỉ
- (3) Ghi tên trạm dừng nghỉ
- (4) Ghi loại trạm dừng nghỉ đề nghị công bố

19. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia. Mã số TTHC: 1.002286

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Lào, Campuchia. Sở Giao thông vận tải thực hiện việc gia hạn bằng văn bản hoặc gia hạn trong giấy phép liên vận. Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu;

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (bản chính).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia.

h) Phí, lệ phí: không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam (mẫu số 05 phụ lục 6 của Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN
TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET
NAM

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

To: Department of Transport of.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):

2. Địa chỉ (Address):

3. Số điện thoại (Telephone number): số Fax (Fax number)

4. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia số (Laos - Cambodia - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.): được cấp bởi (issued by) vào ngày (on the date of)

5. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):....

6. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country).....

7. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày đến ngày

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from until

8. Chúng tôi xin cam kết (We commit):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties among Viet Nam, Laos and Cambodia on crossborder transport).

....., ngày ... tháng ... năm ...

Place,.. (dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn
(Applicant Name)

(Ký, ghi rõ họ và tên)

(Signature and full name)

20. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới. Mã số TTHC: 1.010707

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (nơi phương tiện gặp sự cố bất khả kháng);

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới. Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kể quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu;

- Giấy phép liên vận ASEAN (bản chính).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới.

h) Phí, lệ phí: không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam (mẫu số 05 của Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN
TẠI VIỆT NAM

REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD
IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

To: Department of Transport of..... province

1. Người xin gia hạn (*Applicant Name*):
2. Địa chỉ: (*Address*)
3. Số điện thoại: (*Telephone number*) Số Fax/Địa chỉ email: (*Fax number/Email address*)
4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of to extend the operation period in Viet Nam for the following vehicle(s):*
 - Biển số xe (*Registration number*):
 - Giấy phép liên vận ASEAN số (ASEAN Vehicle Cross-border Transport Permit number)được cấp bởi (issued by) vào ngày (on the date of) (dd/mm/yyyy)
 - Ngày hết hạn của giấy phép (Expiry date of transport permit): (dd/mm/yyyy)
5. Lý do xin gia hạn (Reason for extension):

.....

 (Mô tả lý do không thể về nước theo quy định (describe the reason of inability to timely return to its Home country))

6. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày đến ngày

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in day(s), from (dd/mm/yyyy) until (dd/mm/yyyy)

7. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các Hiệp định ASEAN (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of ASEAN Agreement*).

....., ngày ... tháng ... năm

Place, (dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn (Applicant name)

Ký, ghi rõ họ và tên (Signature & full name)

Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền (Driver, vehicle owner or authorized person).

21. Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. Mã số TTHC: 1.010708

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho Sở Giao thông vận tải trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc nộp trực tiếp, gửi thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Đối với hồ sơ nộp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công, cán bộ tiếp nhận cập nhật thông tin vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định và xác nhận vào hợp đồng đối tác của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp không cấp, Sở Giao thông vận tải thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Đơn vị kinh doanh vận tải nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc nộp trực tiếp, gửi thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một

trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu;

- Hợp đồng đối tác giữa đơn vị kinh doanh vận tải Việt Nam với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (theo mẫu số 06 phụ lục VI của Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ);

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (theo mẫu số 07 phụ lục VI của Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN, BỔ SUNG, THAY THẾ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: số Fax:
4. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia như sau:
 Tỉnh/thành phố đi: Tỉnh/thành phố đến: ...
 Bến đi: Bến đến:
 Cự ly vận chuyển: km
 Hành trình chạy xe:
5. Danh sách xe khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

STT	Biển kiểm soát	Tên chủ sở hữu	Mác xe	Trọng tải	Năm sản xuất

6. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định;
 - b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định, ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VẬN TẢI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ
ĐỊNH
GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

1. Đặc điểm tuyến

Tên Tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyển: km.

Lộ trình:

2. Biểu đồ chạy xe

Số chuyến tài (nốt) trong ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ.

+

b) Tại bến lượt về: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ.

+

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe giờ.

d) Tốc độ lý hành: km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường

a) Lượt đi từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:

- Điểm dừng thứ hai:

- Điểm dừng thứ ba:

b) Lượt về từ Bến xe đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:

- Điểm dừng thứ hai:

- Điểm dừng thứ ba:

c) Thời gian dừng, nghỉ từ đến phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

STT	Biển số xe	Trọng tải (Ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.
- Có đủ điều kiện về sức khỏe, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

-

-

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

-

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: đồng/hành khách.
- Giá vé chặng (nếu có): đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	đồng/hành khách
- Giá vé (*)	
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:
- Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).
- Bán vé qua mạng:
(địa chỉ trang web).

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

22. Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. Mã số TTHC: 1.010709

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Khi có nhu cầu ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến, đơn vị kinh doanh vận tải phải thông báo bằng văn bản cho Sở Giao thông vận tải, bến xe đầu tuyến phía Việt Nam và nộp lại thông báo khai thác tuyến, ký hiệu phân biệt quốc gia, giấy phép liên vận của các phương tiện ngừng khai thác cho Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

+ Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Sở Giao thông vận tải thông báo ngừng khai thác tuyến và thông báo công khai để các đơn vị kinh doanh vận tải khác đăng ký khai thác;

+ Đơn vị kinh doanh vận tải chỉ được phép ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến sau khi đã niêm yết tại bến xe đầu tuyến phía Việt Nam tối thiểu 10 ngày.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Đơn vị kinh doanh vận tải nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu;

- Thông báo khai thác tuyến;

- Ký hiệu phân biệt quốc gia;

- Giấy phép liên vận của các phương tiện ngừng khai thác.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:
Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. (theo mẫu số 10 phụ lục VI của Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VẬN TẢI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ
NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA
VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam, Lào và Campuchia do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp số: Ngày cấp:
5. Kể từ ngày/...../.....,(đơn vị kinh doanh vận tải) sẽ ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.
6. Tên tuyến đề nghị ngừng khai thác:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

Đơn vị kinh doanh vận tải*(Ký đóng dấu)*

23. Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia. Mã số TTHC: 1.010710

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trước khi điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến ít nhất 10 ngày, đơn vị kinh doanh vận tải phải thông báo bằng văn bản cho Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đông Xoài, tỉnh Bình Phước; bến xe đầu tuyến phía Việt Nam.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, cơ quan có thẩm quyền ra văn bản thông báo điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Đơn vị kinh doanh vận tải nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Thông báo tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (theo mẫu số 12 phụ lục VI của Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

24. Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia. Mã số TTHC: 1.010711

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của tỉnh. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định;

Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương;

Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Campuchia cấp giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu tại địa phương mình quản lý.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp giấy phép. Trường hợp không cấp, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện;
- Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền đối với xe công vụ.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia.

h) Phí, lệ phí: không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại. (theo mẫu số 05 phụ lục V của Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

**Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia
cho**

phương tiện phi thương mại

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ
email:.....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) do cấp số:..... ngày cấp:
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

....., ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức/Cá nhân

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**25. Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.
Mã số TTHC: 1.002861**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân. Đối với hồ sơ nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin hồ sơ vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào. Trường hợp không cấp, phải thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào theo mẫu;

- Phương án kinh doanh vận tải theo mẫu

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.

h) Phí, lệ phí: không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (theo mẫu số 01 V của Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ);

- Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (theo mẫu số 02 V của Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ
LÀO

Kính gửi:

- 1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: Ngày cấp:
Cơ quan cấp:
5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào như sau:

- Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải khách du lịch bằng xe ô tô; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

- Loại hình đề nghị cấp (ghi rõ cấp mới hoặc cấp lại, trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất, nêu rõ lý do):

..., ngày... tháng ... năm...
Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

PHƯƠNG ÁN
KINH DOANH VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

I. TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách cố định, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

II. PHƯƠNG ÁN KINH DOANH VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.
 - a) Kinh doanh vận tải hành khách cố định.
 - Tuyên khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
 - Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
 - Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
 - Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
 - Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
 - Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
 - Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.
 - b) Phương án kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải du lịch.
 - Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
 - Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.
 - Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
 - Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa thông thường...).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

26. Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào. Mã số TTHC: 1.002859

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân. Đối với hồ sơ nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin hồ sơ vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thực hiện cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào. Trường hợp không cấp, phải thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào theo mẫu;

- Phương án kinh doanh vận tải theo mẫu

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.

h) Phí, lệ phí: không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (theo mẫu số 01 V của Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ);

- Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (theo mẫu số 02 V của Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

Kính gửi:

- 1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: Ngày cấp: Cơ quan cấp:
5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào như sau:

- Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải khách du lịch bằng xe ô tô; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

- Loại hình đề nghị cấp (ghi rõ cấp mới hoặc cấp lại, trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất, nêu rõ lý do):

..., ngày... tháng ... năm...
Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
VẬN TẢI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

PHƯƠNG ÁN
KINH DOANH VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

I. TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách cố định, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

II. PHƯƠNG ÁN KINH DOANH VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.
 - a) Kinh doanh vận tải hành khách cố định.
 - Tuyên khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
 - Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
 - Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
 - Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
 - Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
 - Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
 - Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.
 - b) Phương án kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải du lịch.
 - Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
 - Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.
 - Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
 - Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa thông thường...).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

27. Cấp mới Giấy phép lái xe. Mã thủ tục: 1.002835

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Cá nhân học lái xe lần đầu, học lái xe nâng hạng nộp hồ sơ dự học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe tại cơ sở được phép đào tạo lái xe.

+ Cơ sở đào tạo tổ chức đào tạo theo chương trình quy định; sau đó nộp hồ sơ và báo cáo danh sách đề nghị sát hạch qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung đến cơ sở đào tạo bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

- **Bước 3:** Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, báo cáo sát hạch, tổ chức sát hạch lái xe và cấp giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch.

- **Bước 4:** Cơ sở đào tạo nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

* Đối với người dự sát hạch lái xe lần đầu:

- Hồ sơ do người học lái xe nộp:

+ Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại phụ lục I kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT;

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

+ Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 06 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.

- Hồ sơ do cơ sở đào tạo lái xe nộp:

+ Hồ sơ của người học lái xe;

+ Chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo đối với người dự sát hạch lái xe hạng A4, B1, B2 và C;

+ Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch.

*** Đối với người dự sát hạch nâng hạng giấy phép lái xe lên hạng B1 số, B2, C, D, E và các hạng F:**

- Hồ sơ do người học nâng hạng giấy phép lái xe nộp:

+ Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại phụ lục I kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT;

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

+ Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 06 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;

+ Bản khai thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn theo mẫu quy định tại phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT và phải chịu trách nhiệm về nội dung khai trước pháp luật;

+ Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc bằng cấp tương đương trở lên đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng D, E (xuất trình bản chính khi kiểm tra hồ sơ dự sát hạch).

- Hồ sơ do cơ sở đào tạo lái xe nộp:

+ Hồ sơ của người học nâng hạng giấy phép lái xe;

+ Chứng chỉ đào tạo nâng hạng;

+ Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch nâng hạng.

(Người học lái xe khi đến nộp hồ sơ được cơ sở đào tạo chụp ảnh trực tiếp lưu giữ trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe).

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép lái xe.

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí : 135.000 đồng/lần.
- Phí sát hạch lái xe:

+ Đối với thi sát hạch lái xe mô tô (hạng xe A1, A2, A3, A4): sát hạch lý thuyết: 60.000 đồng/lần; sát hạch thực hành: 70.000 đồng/lần.

+ Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): sát hạch lý thuyết: 100.000 đồng/lần; sát hạch thực hành trong hình: 350.000 đồng/lần; sát hạch thực hành trên đường giao thông: 80.000 đồng/lần; Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông: 100.000 đồng/lần.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe (*phục lục I kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT*).

- Bản khai thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn (*Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được pháp cư trú hoặc đang làm việc, học tập tại Việt Nam.

- Đủ tuổi (tính đến ngày dự sát hạch lái xe), sức khỏe, trình độ văn hóa theo quy định; đối với người học để nâng hạng giấy phép lái xe, có thể học trước nhưng chỉ được dự sát hạch khi đủ tuổi theo quy định.

- Người học để nâng hạng giấy phép lái xe phải có đủ thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn như sau:

+ Hạng B1 số tự động lên B1: thời gian lái xe từ 01 năm trở lên và 12.000 km lái xe an toàn trở lên;

+ Hạng B1 lên B2: thời gian lái xe từ 01 năm trở lên và 12.000 km lái xe an toàn trở lên;

+ Hạng B2 lên C, C lên D, D lên E; các hạng B2, C, D, E lên hạng F tương ứng; các hạng D, E lên FC: thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên và 50.000 km lái xe an toàn trở lên;

+ Hạng B2 lên D, C lên E: thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên và 100.000 km lái xe an toàn trở lên;

+ Trường hợp người học nâng hạng vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe, thời gian lái xe an toàn được tính từ ngày chấp hành xong các quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Y Tế và Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe;

- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/06/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phụ lục 7

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE
(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH
ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

Ảnh màu
3 cm x 4 cm
chụp không
quá 06 tháng

Kính gửi:

Tôi là:..... Quốc tịch

.....

Sinh ngày:...../...../..... Nam, Nữ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nơi cư trú:

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):

....., cấp ngày:...../...../....., nơi cấp:

Đã có giấy phép lái xe số:..... hạng..... do:.....cấp ngày:...../...../

Đề nghị cho tôi được học, dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng:

Đăng ký tích hợp giấy phép lái xe

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có không

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận đủ sức khỏe;
- 02 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm, chụp không quá 06 tháng;
- Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu (đối với người nước ngoài);
- Các tài liệu khác có liên quan gồm:

.....

...

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Phụ lục 8

MẪU BẢN KHAI THỜI GIAN HÀNH NGHỀ VÀ SỐ KM LÁI XE AN TOÀN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI
THỜI GIAN HÀNH NGHỀ VÀ SỐ KM LÁI XE AN TOÀN

Tôi là:

Sinh ngày: /..... / Nam, Nữ:

Nơi cư trú:

.....

Có giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân số:

Cấp ngày: /..... /, nơi cấp:

Hiện tại tôi có giấy phép lái xe số:, hạng

do: cấp ngày: /..... /

Từ ngày được cấp giấy phép lái xe đến nay, tôi đã có năm lái xe và có.....km lái xe an toàn.

Đề nghị cho tôi được dự sát hạch nâng hạng lấy giấy phép lái xe hạng

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ, tên)

28. Đổi giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp. Mã thủ tục: 1.002809

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; Khi đến nộp hồ sơ, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công <https://dvc4.gplx.gov.vn/>;
- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT*);

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3.

+ Bản sao giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

(Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe và phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên để đối chiếu, trừ các giấy tờ bản chính đã gửi; Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, cá

nhân kê khai theo hướng dẫn và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của nội dung đã kê khai; khi nhận giấy phép lái xe, phải nộp lại giấy phép lái xe cũ để lưu hồ sơ).

d) Thời hạn giải quyết: 04 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép lái xe.

h) Lệ phí: 135.000 đồng/lần.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép lái xe phải có trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe, bảng kê danh sách cấp giấy phép lái xe.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 04/2022/TT-BGTVT ngày 22/04/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Y Tế và Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về tiêu chuẩn

sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe;

- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/06/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

PHỤ LỤC V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phụ lục 19**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)

Kính gửi:

Tôi là:..... Quốc tịch:

Sinh ngày:/...../..... Nam, Nữ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nơi cư trú:

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):

....., cấp ngày/...../....., nơi cấp:

Đã học lái xe tại:..... năm

Đã có giấy phép lái xe số:, hạng:....., do:.....cấp ngày .../...../...

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ

hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước

quyền sử dụng giấy phép lái xe: có không

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;

- Bản sao giấy CMND hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu), giấy phép lái xe sắp hết hạn;

- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm (2).

Bình phước, ngày.....tháng.....năm 20....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.

(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.

29. Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp. Mã thủ tục: 1.002801

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; Khi đến nộp hồ sơ, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

* Hồ sơ đổi giấy phép lái xe mô tô do ngành Công an cấp trước ngày 01 tháng 8 năm 1995:

+ Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT*);

+ Bản sao giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Cục Cảnh sát giao thông thuộc Bộ Công an hoặc Sở Giao thông vận tải quản lý giấy phép lái xe xác minh;

+ Hồ sơ gốc (nếu có);

(Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu).

* Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp từ ngày 01 tháng 8 năm 1995:

+ Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT*);

+ Bản sao Quyết định ra khỏi ngành hoặc nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền hoặc bản sao Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thôi không tiếp tục phục vụ trong lực lượng Công an xã hoặc bản sao Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động và quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên của các đơn vị trong Công an nhân dân;

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;

+ Bản sao giấy phép lái xe của ngành Công an cấp còn thời hạn sử dụng, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Cục Cảnh sát giao thông thuộc Bộ Công an xác minh.

(Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đổi chiếu).

* Hồ sơ đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp cho học viên hệ dân sự các trường Công an nhân dân trước ngày 31 tháng 7 năm 2020:

+ Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT*);

+ Bản sao Quyết định ra khỏi ngành hoặc nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền hoặc bản sao Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thôi không tiếp tục phục vụ trong lực lượng Công an xã hoặc bản sao Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động và quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên của các đơn vị trong Công an nhân dân;

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;

+ Bản sao giấy phép lái xe của ngành Công an cấp còn thời hạn sử dụng, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Cục Cảnh sát giao thông thuộc Bộ Công an xác minh;

+ Bản sao Quyết định công nhận tốt nghiệp của các Trường, Học viện trong Công an nhân dân;

+ Hồ sơ gốc do ngành Công an cấp, gồm: Đơn đề nghị sát hạch, cấp, đổi giấy phép lái xe có xác nhận của thủ trưởng đơn vị nơi công tác; Giấy Chứng nhận sức khỏe của người lái xe; Chứng chỉ tốt nghiệp chương trình đào tạo lái xe; Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe.

(Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đổi chiếu).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 04 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép lái xe.

h) Lệ phí : 135.000 đồng/lần.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính :

Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp từ ngày 01 tháng 8 năm 1995 còn thời hạn sử dụng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Y Tế và Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe;

- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/06/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm: Giống Mã thủ tục: 1.002809.

30. Đổi giấy phép lái xe Quân sự do Bộ Quốc phòng cấp. Mã thủ tục: 1.002804

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; Khi đến nộp hồ sơ, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT*);

+ Bản sao Quyết định thôi phục vụ trong Quân đội do Thủ trưởng cấp Trung đoàn trở lên ký. Đối với lao động hợp đồng trong các doanh nghiệp quốc phòng: Bản sao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, thời hạn không quá 06 tháng tính từ ngày cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quốc phòng ký;

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;

+ Bản sao giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Cục Xe - Máy thuộc Bộ Quốc phòng xác minh.

(Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 04 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép lái xe.

h) Lệ phí: 135.000 đồng/lần.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Người có giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng khi đến đổi phải có Quyết định thôi phục vụ trong Quân đội do Thủ trưởng cấp Trung đoàn trở lên ký. Đối với lao động hợp đồng trong các doanh nghiệp quốc phòng: Bản sao quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, thời hạn không quá 06 tháng tính từ ngày cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quốc phòng ký.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Y Tế và Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe;

- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/06/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm: Giống Mã thủ tục: 1.002809.

31. Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp. Mã thủ tục: 1.002796

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Cá nhân có nhu cầu làm đơn (*đối với người Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT, đối với người nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục 20 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; Khi đến nộp hồ sơ, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*đối với người Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT, đối với người nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục 20 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*);

+ Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; đối với người Việt Nam xuất trình hợp pháp hóa lãnh sự giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài theo quy định của pháp luật về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự, trừ các trường hợp được miễn trừ theo quy định của pháp luật;

+ Bản sao hộ chiếu (phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam), giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh thư ngoại giao hoặc công vụ do Bộ Ngoại giao Việt Nam cấp hoặc bản sao thẻ cư trú, thẻ lưu trú, thẻ tạm trú,

thẻ thường trú, giấy tờ xác minh định cư lâu dài tại Việt Nam đối với người nước ngoài; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Bộ Ngoại giao, Cục Quản lý Xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an, Phòng Quản lý xuất nhập Cảnh thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác minh.

(Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe phải xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ,

d) Thời hạn giải quyết: 04 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép lái xe.

h) Lệ phí: 135.000 đồng/lần.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*đối với người Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT, đối với người nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục 20 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Người nước ngoài cư trú, làm việc, học tập tại Việt Nam, có giấy chứng minh thư ngoại giao, giấy chứng minh thư công vụ, thẻ tạm trú, thẻ cư trú, thẻ lưu trú, thẻ thường trú với thời gian từ 03 tháng trở lên, có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng;

- Người Việt Nam (mang quốc tịch Việt Nam) trong thời gian cư trú, học tập, làm việc ở nước ngoài được nước ngoài cấp giấy phép lái xe quốc gia, còn thời hạn sử dụng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/06/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

PHỤ LỤC V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phụ lục 19**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)

Kính gửi:

Tôi là:..... Quốc tịch:

Sinh ngày:/...../..... Nam, Nữ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nơi cư trú:

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):

....., cấp ngày/...../....., nơi cấp:

Đã học lái xe tại:..... năm

Đã có giấy phép lái xe số:, hạng:....., do:.....cấp ngày .../...../...

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ

hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có không

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;
- Bản sao giấy CMND hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu), giấy phép lái xe sắp hết hạn;
- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm (2).

Bình phục, ngày.....tháng.....năm 20....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.

(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.

Phụ lục 20**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ***(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT**ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ****APPLICATION FORM FOR EXCHANGE OF DRIVER'S LICENCE****(Dùng cho người nước ngoài) - (For Foreigner only)**

Kính gửi (To): Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Directorate for Road of Viet Nam (Transport Department...)

Tôi là (Full name):.....

Quốc tịch (Nationality):.....

Ngày tháng năm sinh (Date of birth):.....

Hiện cư trú tại (Permanent Address):.....

Số hộ chiếu (Passport No.):.....

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):..... tháng (month).....năm (year).....

Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current Driving Licence No.):..... Cơ

quan cấp (Issuing Office):.....

Tại (Place of issue):.....

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):.....tháng (month).....năm (year)..... Lý do

xin đổi giấy phép lái xe (Reason of application for new driving licence):

.....

Định cư lâu dài tại Việt Nam/không định cư lâu dài tại Việt Nam (Long time of staying in Viet Nam/Short time of staying in Viet Nam).

Gửi kèm theo đơn gồm có (Documents enclosed as follows):

- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài đã được công chứng (Translation of current foreign driving licence with notation);

- Bản sao hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh) [Copy of passport (included pages: full name, photograph, valid visa)].

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

....., ngày (date)..... tháng (month)..... năm (year).....

NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)*(Ký và ghi rõ họ, tên)**(Signature and Full name)*

32. Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam. Mã thủ tục: 1.002793

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Phụ lục 20 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải hoặc qua đường bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ :

+ Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*Phụ lục 20 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*);

+ Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe; trường hợp phát hiện có nghi vấn, cơ quan cấp đổi giấy phép lái xe có văn bản đề nghị Đại sứ quán, Lãnh sự quán của quốc gia cấp giấy phép lái xe tại Việt Nam xác minh;

+ Bản sao có chứng thực danh sách xuất nhập cảnh của Bộ Công an hoặc bản sao hộ chiếu gồm phân số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam;

+ 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền ảnh màu xanh, kiểu chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân.

(Khi đến nhận giấy phép lái xe, người lái xe xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 04 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép lái xe.

h) Lệ phí: 135.000 đồng/lần.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe (*Phụ lục 20 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Khách du lịch nước ngoài lái xe đăng ký nước ngoài vào Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/06/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Phụ lục 20**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ***(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT**ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ****APPLICATION FORM FOR EXCHANGE OF DRIVER'S LICENCE****(Dùng cho người nước ngoài) - (For Foreigner only)**

Kính gửi (To): Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Directorate for Road of Viet Nam (Transport Department...)

Tôi là (Full name):.....

Quốc tịch (Nationality):.....

Ngày tháng năm sinh (Date of birth):.....

Hiện cư trú tại (Permanent Address):.....

Số hộ chiếu (Passport No.):.....

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):..... tháng (month).....năm (year).....

Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current Driving Licence No.):..... Cơ

quan cấp (Issuing Office):.....

Tại (Place of issue):.....

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):.....tháng (month).....năm (year)..... Lý do

xin đổi giấy phép lái xe (Reason of application for new driving licence):

.....

Định cư lâu dài tại Việt Nam/không định cư lâu dài tại Việt Nam (Long time of staying in Viet Nam/Short time of staying in Viet Nam).

Gửi kèm theo đơn gồm có (Documents enclosed as follows):

- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài đã được công chứng (Translation of current foreign driving licence with notation);

- Bản sao hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh) [Copy of passport (included pages: full name, photograph, valid visa)].

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

....., ngày (date)..... tháng (month)..... năm (year).....

NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)*(Ký và ghi rõ họ, tên)**(Signature and Full name)*

33. Cấp lại giấy phép lái xe. Mã thủ tục: 1.002820

- **Bước 1:** Cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; Khi đến nộp hồ sơ, người lái xe phải chụp ảnh trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ Trung tâm phục vụ hành chính công.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định và tham mưu Giám đốc sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng:

+ Đơn đề nghị cấp lại giấy phép lái xe (*Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT*);

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

+ Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 06 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;

* Trường hợp giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng:

+ Đơn đề nghị cấp lại giấy phép lái xe (*Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT*);

+ Hồ sơ gốc phù hợp với giấy phép lái xe (nếu có);

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp cấp lại giấy phép lái xe không thời hạn các hạng A1, A2, A3;

+ Bản sao giấy chứng minh, nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định, cư ở nước ngoài).

* Trường hợp giấy phép lái xe bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng trở lên, có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch, không thuộc trường hợp đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ:

+ Đơn đề nghị cấp lại giấy phép lái xe (*Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT*);

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

+ Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 06 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;

+ Bản chính hồ sơ gốc của giấy phép lái xe bị mất (nếu có).

(Khi đến thực hiện thủ tục cấp lại giấy phép lái xe, người lái xe phải xuất trình xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- 04 ngày làm việc (chưa tính thời gian tạm giữ hồ sơ 02 tháng đối với trường hợp bị mất cấp lại giấy phép lái xe) kể từ ngày có kết quả xác minh giấy phép lái xe không bị cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý;

- 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch (đối với trường hợp sát hạch lại để cấp giấy phép lái xe).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép lái xe.

h) Phí, Lệ phí :

- Lệ phí: 135.000 đồng/lần.

- Phí sát hạch lái xe:

+ Đối với thi sát hạch lái xe mô tô (hạng xe A1, A2, A3, A4): sát hạch lý thuyết: 60.000 đồng/lần; sát hạch thực hành: 70.000 đồng/lần.

+ Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): sát hạch lý thuyết: 100.000 đồng/lần; sát hạch thực hành trong hình: 350.000 đồng/lần; sát hạch thực hành trên đường giao thông: 80.000 đồng/lần; Sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông: 100.000 đồng/lần.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :

Đơn đề nghị cấp lại giấy phép lái xe (*Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Người có giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng đến dưới 01 năm kể từ ngày hết hạn, phải sát hạch lại lý thuyết để cấp lại giấy phép lái xe; Từ 01 năm trở lên kể từ ngày hết hạn, phải sát hạch lại cả lý thuyết và thực hành để cấp lại giấy phép lái xe.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

- Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Y Tế và Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe;

- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/06/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

PHỤ LỤC V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phụ lục 19

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)

Kính gửi:

Tôi là:..... Quốc tịch:

Sinh ngày:/...../..... Nam, Nữ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nơi cư trú:

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):

....., cấp ngày/...../....., nơi cấp:

Đã học lái xe tại:..... năm

Đã có giấy phép lái xe số:, hạng:....., do:.....cấp ngày .../...../...

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ

hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có không

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;
- Bản sao giấy CMND hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu), giấy phép lái xe sắp hết hạn;
- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm (2).

Bình phước, ngày.....tháng.....năm 20....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.

(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.

34. Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô. Mã số TTHC: 1.001777

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*) trên cổng dịch vụ công trực tuyến; sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý giáo dục nghề nghiệp tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo và cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đủ điều kiện. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện:

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;
- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
 - + Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe (*Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*);
 - + Quyết định thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp của cơ quan có thẩm quyền (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);
 - + Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);
 - + Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép đào tạo lái xe ô tô.

h) Lệ phí : không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe (*Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính :

- Là cơ sở giáo dục nghề nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Đáp ứng các điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, điều kiện về giáo viên dạy lái xe ô tô theo quy định tại Điều 6, Điều 7 của Nghị định số 65/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018).

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Thủ tướng chính phủ, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

PHỤ LỤC X**MẪU BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE**

(Ban hành Kèm theo Nghị định số: 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng
chính phủ)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc), các phòng ban:

Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại: Fax:

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:

3. Quyết định thành lập số ngày / / của

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo/năm.

II. BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE

1. Đào tạo lái xe từ năm loại xe (xe con, xe tải tấn, xe khách, xe kéo rơ moóc...) theo văn bản số ngày / / của

Từ khi thành lập đến nay đã đào tạo được học sinh, lái xe loại

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại, thời gian đào tạo tháng (đối với từng loại, số học sinh mỗi loại).

(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m²), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp.... (đối chiếu với quy định để báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thông kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:

- Số lượng giáo viên dạy thực hành:

DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH (hoặc LÝ THUYẾT) LÁI XE

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số giấy chứng minh nhân dân	Hình thức tuyển dụng		Trình độ			Hạng giấy phép lái xe	Ngày trúng tuyển	Thâm niên dạy lái	Môn học giảng dạy	Ghi chú
				Biên chế	Hợp đồng (thời hạn)	Văn hóa	Chuyên môn	Sư phạm					
1	2	3	4	5									
1													
2													
...													

6. Xe tập lái: số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học viên tập.

- Chung loại: số xe thông dụng; số xe kiểu cũ.
- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %).
- Thiết bị dạy lái trên xe.
- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái.

DANH SÁCH XE TẬP LÁI

Số TT	Số đăng ký xe	Nhãn xe	Hạng xe	Năm sản xuất	Chủ sở hữu/hợp đồng	Hệ thống phanh phụ (có, không)	Giấy phép xe tập lái (có, không)
1							
2							
....							

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C, D, E, F gửi kèm bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

7. Sân tập lái có diện tích: m².

- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.
- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung, đề nghị:

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)
(Ký tên, đóng dấu)

35. Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo. Mã số TTHC: 1.001648

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Cơ sở đào tạo lập 01 bộ hồ sơ (*Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*) trên cổng dịch vụ công trực tuyến; sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho cơ sở đào tạo; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện) để cơ sở đào tạo bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn không quá 6,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý giáo dục nghề nghiệp tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo và cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Cơ sở đào tạo nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện:

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;
- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: (chỉ bổ sung những nội dung thay đổi so với lần cấp phép gần nhất)

+ Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe (*Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*);

+ Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

+ Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 6,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép đào tạo lái xe ô tô.

h) Lệ phí: không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Văn bản kèm báo cáo đề nghị cấp giấy phép đào tạo lái xe (*Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính :

- Là cơ sở giáo dục nghề nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Đáp ứng các điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, điều kiện về giáo viên dạy lái xe ô tô theo quy định tại Điều 6, Điều 7 của Nghị định số 65/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018).

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

- Nghị định 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Thủ tướng chính phủ, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

PHỤ LỤC X**MẪU BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE**

(Ban hành Kèm theo Nghị định số: 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng
chính phủ)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP ĐÀO TẠO LÁI XE

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (Giám đốc, Phó Giám đốc), các phòng ban:

Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại: Fax:

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:

3. Quyết định thành lập số ngày / / của

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo/năm.

II. BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE

1. Đào tạo lái xe từ năm loại xe (xe con, xe tải tấn, xe khách, xe kéo rơ moóc...) theo văn bản số ngày / / của

Từ khi thành lập đến nay đã đào tạo được học sinh, lái xe loại

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại, thời gian đào tạo tháng (đối với từng loại, số học sinh mỗi loại).

(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m²), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: cabin, mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, dụng cụ tháo lắp.... (đối chiếu với quy định để báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thông kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:

- Số lượng giáo viên dạy thực hành:

DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH (hoặc LÝ THUYẾT) LÁI XE

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số giấy chứng minh nhân dân	Hình thức tuyển dụng		Trình độ			Hạng giấy phép lái xe	Ngày trúng tuyển	Thâm niên dạy lái	Môn học giảng dạy	Ghi chú
				Biên chế	Hợp đồng (thời hạn)	Văn hóa	Chuyên môn	Sư phạm					
1	2	3	4	5									
1													
2													
...													

6. Xe tập lái: số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học viên tập.

- Chung loại: số xe thông dụng; số xe kiểu cũ.
- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %).
- Thiết bị dạy lái trên xe.
- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép xe tập lái.

DANH SÁCH XE TẬP LÁI

Số TT	Số đăng ký xe	Nhãn xe	Hạng xe	Năm sản xuất	Chủ sở hữu/hợp đồng	Hệ thống phanh phụ (có, không)	Giấy phép xe tập lái (có, không)
1							
2							
....							

Ghi chú: Danh sách sắp xếp thứ tự các hạng B, C, D, E, F gửi kèm bản sao có chứng thực hoặc công chứng giấy đăng ký từng xe.

7. Sân tập lái có diện tích: m².

- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.
- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung, đề nghị:

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)
(Ký tên, đóng dấu)

36. Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác. Mã số TTHC: 1.005210

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Cơ sở đào tạo có văn bản đề nghị cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô và nêu rõ lý do hỏng, mất hoặc nội dung cần thay đổi, gửi qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho cơ sở đào tạo; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện) để cơ sở đào tạo bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Cơ sở đào tạo nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô và nêu rõ lý do hỏng, mất hoặc nội dung cần thay đổi.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép đào tạo lái xe ô tô.

h) Lệ phí: không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính : không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Thủ tướng chính phủ, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

37. Cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe. Mã số TTHC: 1.001765

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*V ban hành kèm theo Nghị định 138/2018/NĐ-CP*) trên cổng dịch vụ công trực tuyến; sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện) để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, đánh giá và cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe. Trường hợp cá nhân không đủ điều kiện, Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện:

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;
- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
+ Đơn đề nghị theo mẫu quy định (*V ban hành kèm theo Nghị định 138/2018/NĐ-CP*);

+ Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy trình độ sơ cấp (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

+ Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

+ 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

- Số lượng hồ sơ : 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.

h) Học phí: không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :

Đơn đề nghị (*V ban hành kèm theo Nghị định 138/2018/NĐ-CP*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Giáo viên dạy lái xe phải đáp ứng tiêu chuẩn đối với nhà giáo dạy trình độ sơ cấp theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp;

- Có giấy phép lái xe hạng tương ứng hoặc cao hơn hạng xe đào tạo, nhưng không thấp hơn hạng B2;

- Giáo viên dạy các hạng B1, B2 phải có giấy phép lái xe đủ thời gian từ 03 năm trở lên, kể từ ngày trúng tuyển; giáo viên dạy các hạng C, D, E và F phải có giấy phép lái xe đủ thời gian từ 05 năm trở lên kể từ ngày trúng tuyển;

- Đã qua tập huấn về nghiệp vụ dạy thực hành lái xe theo chương trình do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Thủ tướng chính phủ, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

PHỤ LỤC IV

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE

(Ban hành Kèm theo Nghị định số: 138/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE**

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

Tôi là:Quốc tịch:.....

Sinh ngày: tháng năm Nam, Nữ

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nơi cư trú:

Có giấy chứng minh nhân dân số:, cấp ngày tháng..... năm

Nơi cấp:

Có giấy phép lái xe số:, hạng do:

cấp ngày tháng năm

Đề nghị cho tôi được tham gia tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe hạng

Gửi kèm theo:

- 01 bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy trình độ sơ cấp;

- 01 bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;

- 02 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm, chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng..... năm 20....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

38. Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe). Mã số TTHC: 1.004993

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*V ban hành kèm theo Nghị định 138/2018/NĐ-CP*) trên cổng dịch vụ công trực tuyến; sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện) để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời gian 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe. Trường hợp cá nhân không đủ điều kiện, Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện:

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;
- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị theo mẫu quy định (*V ban hành kèm theo Nghị định 138/2018/NĐ-CP*);

+ 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

- Số lượng hồ sơ : 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.

h) Học phí: không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :

Đơn đề nghị (*V ban hành kèm theo Nghị định 138/2018/NĐ-CP*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Thủ tướng chính phủ, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

PHỤ LỤC IV

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE

(Ban hành Kèm theo Nghị định số: 138/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE**

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

Tôi là: Quốc tịch:.....

Sinh ngày: tháng năm Nam, Nữ

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nơi cư trú:

Có giấy chứng minh nhân dân số:, cấp ngày tháng..... năm

Nơi cấp:

Có giấy phép lái xe số:, hạng do:

cấp ngày tháng năm

Đề nghị cho tôi được tham gia tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe hạng

Gửi kèm theo:

- 01 bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy trình độ sơ cấp;
- 01 bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;
- 02 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm, chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng..... năm 20....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

39. Cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động. Mã số TTHC: 1.004995

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện) để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời gian không quá 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện:

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;
- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
+ Giấy phép xây dựng (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

+ Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể, hồ sơ thiết kế kích thước hình sát hạch, loại xe cơ giới dùng để sát hạch.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 04 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

h) Lệ phí: không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Trung tâm sát hạch lái xe được xây dựng thỏa mãn các yêu cầu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ ban hành kèm theo Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Thủ tướng chính phủ, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

40. Cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động. Mã số TTHC: 1.004987

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Trung tâm sát hạch lái xe gửi văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho trung tâm sát hạch lái xe; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện) để tổ trung tâm sát hạch lái xe bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định.

+ Đối với trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe thì trong thời gian không quá 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động. Trường hợp không cấp lại, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận thì trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận cho trung tâm sát hạch. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Trung tâm sát hạch lái xe nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện:

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;
- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe:

Văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

* Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận:

Văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận và nêu rõ lý do hỏng hoặc mất.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- 04 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định (trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe);

- 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định (trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm sát hạch lái xe.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

h) Lệ phí: không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Trung tâm sát hạch lái xe được xây dựng theo Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ giao thông vận tải Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Thủ tướng chính phủ, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

41. Cấp giấy phép xe tập lái. Mã thủ tục: 1.001735

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Cơ sở đào tạo lái xe lập hồ sơ theo quy định; sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho cơ sở đào tạo lái xe; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện) để cơ sở đào tạo lái xe bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo, Sở Giao thông vận tải cấp giấy phép xe tập lái. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Cơ sở đào tạo lái xe nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: Nộp qua hệ thống bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái (*Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*);

+ Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở đào tạo lái xe ô tô.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép tập lái.

h) Lệ phí: không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :

Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái (*Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Điều kiện xe tập lái:

- Có xe tập lái các hạng thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo lái xe; được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái; trường hợp cơ sở đào tạo có dịch vụ sát hạch lái xe, căn cứ thời gian sử dụng xe sát hạch vào mục đích sát hạch, được phép sử dụng xe sát hạch để vừa thực hiện sát hạch lái xe, vừa đào tạo lái xe nhưng số lượng xe sát hạch dùng để tính lưu lượng đào tạo không quá 50% số xe sát hạch sử dụng để dạy lái;

- Ô tô tải sử dụng để dạy lái xe các hạng B1, B2 phải có trọng tải từ 1.000 kg trở lên với số lượng không quá 30% tổng số xe tập lái cùng hạng của cơ sở đào tạo;

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Thủ tướng chính phủ, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27/09/2022 của Thủ tướng chính phủ, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

PHỤ LỤC VIII

MẪU DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI
(Ban hành Kèm theo Nghị định số: 65/2016/NĐ-CP ngày 01/ 7/2016 của Chính phủ)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Cơ quan có thẩm quyền

Trường (Trung tâm) đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp giấy phép xe tập lái cho số xe của cơ sở đào tạo theo danh sách dưới đây:

DANH SÁCH XE ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XE TẬP LÁI

Số TT	Biển số đăng ký	Xe của cơ sở đào tạo	Xe hợp đồng	Nhãn hiệu	Loại xe	Số động cơ	Số khung	Giấy chứng nhận kiểm định ATK&BVT		Ghi chú
								Ngày cấp	Ngày hết hạn	

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

....., ngày.....tháng..... năm 20.....

HIỆU TRƯỞNG (GIÁM ĐỐC)

(Ký tên, đóng dấu)

42. Cấp lại giấy phép xe tập lái. Mã thủ tục: 1.001751

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Cơ sở đào tạo lái xe lập hồ sơ theo quy định; sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho cơ sở đào tạo lái xe; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì hướng dẫn trực tiếp (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ bằng văn bản (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện) để cơ sở đào tạo lái xe bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm hành chính công; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn không quá 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra, cấp giấy phép xe tập lái cho cơ sở đào tạo. Trường hợp không cấp, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Cơ sở đào tạo lái xe nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: Nộp qua hệ thống bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái (*Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*);

+ Giấy đăng ký xe (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn không quá 2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ sở đào tạo lái xe ô tô.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép tập lái.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :

Danh sách xe đề nghị cấp giấy phép xe tập lái (*Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định 65/2016/NĐ-CP*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Điều kiện xe tập lái:

- Có xe tập lái các hạng thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo lái xe; được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái; trường hợp cơ sở đào tạo có dịch vụ sát hạch lái xe, căn cứ thời gian sử dụng xe sát hạch vào mục đích sát hạch, được phép sử dụng xe sát hạch để vừa thực hiện sát hạch lái xe, vừa đào tạo lái xe nhưng số lượng xe sát hạch dùng để tính lưu lượng đào tạo không quá 50% số xe sát hạch sử dụng để dạy lái;

- Ô tô tải sử dụng để dạy lái xe các hạng B1, B2 phải có trọng tải từ 1.000 kg trở lên với số lượng không quá 30% tổng số xe tập lái cùng hạng của cơ sở đào tạo;

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Thủ tướng chính phủ, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Thủ tướng chính phủ, quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;

- Nghị định số 70/2022/NĐ-CP ngày 27/09/2022 của Thủ tướng chính phủ, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đường bộ.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm: Giống Mã thủ tục: 1.001735

43. Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo. Mã thủ tục: 1.001001

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế (bản chính) ban hành kèm theo Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT*) trên cổng dịch vụ công trực tuyến; sau đó nộp toàn bộ hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác) nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định. Nếu thiết kế đạt yêu cầu, sau 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thiết kế, cơ quan thẩm định thiết kế cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế. Trường hợp không cấp, cơ quan thẩm định thiết kế thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế bản chính hoặc biểu mẫu điện tử (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT;

+ 02 bộ hồ sơ thiết kế (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan thẩm định thiết kế hoặc qua hệ thống bưu chính) hoặc 01 hồ sơ dạng điện tử (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) có thành phần theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT;

+ Bản sao có xác nhận của đơn vị thiết kế hoặc bản sao điện tử (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo, thay thế;

+ Bản sao có xác nhận của đơn vị thiết kế hoặc bản sao điện tử (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) của một trong các giấy tờ sau: Giấy Đăng ký xe ô tô; Phiếu sang tên, di chuyển (đối với trường hợp đang làm thủ tục sang tên, di chuyển); Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu hoặc giấy tờ chứng nhận đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu (đối với xe cơ giới đã qua sử dụng được phép nhập khẩu, chưa có biển số đăng ký).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thiết kế.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định thiết kế: 300.000 đồng/chiếc.

- Lệ phí:

+ Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới: 40.000 (đồng/giấy);

+ Riêng Giấy chứng nhận cấp cho xe ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 (đồng/ giấy).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai : không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 42/2014/TT-BGTVT ngày 15/09/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải v/v quy định về thùng xe của xe tự đổ, xe xi téc, xe tải tham gia giao thông đường bộ;

- Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải, Quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

- Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc Sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm;

- Thông tư số 199/2016/TT- BTC ngày 08/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định vé giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới;

- Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn;

- Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Phục lục III

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XE CƠ GIỚI CẢI TẠO
(ban hành kèm theo thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ
trưởng Bộ giao thông vận tải)

(CƠ SỞ THIẾT KẾ) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

V/v: thẩm định thiết kế

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Căn cứ Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

(Cơ sở thiết kế) có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ... ngày ./... của (cơ quan cấp); đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam (Sở Giao thông vận tải) thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo sau:

- **Tên thiết kế** :.....(tên thiết kế).....
- **Ký hiệu thiết kế** :.....(ký hiệu thiết kế).....

1. Đặc điểm xe cơ giới:

- Biển số đăng ký (nếu đã được cấp):
- Số khung:
- Số động cơ:
- Nhãn hiệu - số loại:

2. Nội dung cải tạo chính:

(Ghi tóm tắt đầy đủ các nội dung thiết kế cải tạo thay đổi của xe cơ giới)

3. Thông số kỹ thuật trước và sau cải tạo:

STT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Ô tô trước cải tạo	Ô tô sau cải tạo
3	Loại phương tiện			
2	Kích thước bao ngoài (dài x rộng x cao)	mm		
3	Chiều dài cơ sở	mm		
4	Vết bánh xe (trước/sau)	mm		
5	Khối lượng bản thân	kG		
6	Số người cho phép chở	người		
7	Khối lượng hàng chuyên chở CPTGGT	kG		
8	Khối lượng toàn bộ CPTGGT	kG		
...	Các thông số kỹ thuật khác của xe cơ giới có thay đổi do cải tạo			

(Cơ sở thiết kế) xin chịu trách nhiệm về nội dung thiết kế và hồ sơ xe cơ giới cải tạo.

Cơ sở thiết kế

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

44. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu. Mã thủ tục: 1.002030

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ theo quy định; sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn kiểm tra xe máy chuyên dùng và trả kết quả đăng ký xe máy chuyên dùng.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định:

+ Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động trong địa phương thì thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng không quá 04 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn.

+ Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký thì Sở Giao thông vận tải nhận hồ sơ có văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi có xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng, thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra xe máy chuyên dùng theo thời gian và địa điểm ghi trong giấy hẹn, việc kiểm tra xe máy chuyên dùng phải lập thành Biên bản kiểm tra xe máy chuyên. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: trường hợp kết quả kiểm tra các hạng mục trong Biên bản đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng và vào sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng; trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì thông báo cho chủ phương tiện và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu số 2 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT;

- Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):

+ Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;

+ Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;

+ Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;

+ Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;

+ Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

+ Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Bản chính giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):

+ Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước.

+ Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu.

+ Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo kèm theo Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biển số theo mẫu số 1 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 22/2019/TT-BGTVT.

+ Đối với xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước:

* Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

* Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển) theo quy định của pháp luật.

+ Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng

* Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật;

* Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (nếu là người bị hại).

- Trường hợp nhiều xe chung một giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng; giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (đối với trường hợp xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước hoặc xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng) thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số.

h) Lệ phí:

- Lệ phí cấp mới giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu số 2 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có trụ sở chính hoặc đăng ký thường trú tại địa phương;

- Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/06/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu số 2 phục lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI**ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
3. Ngày cấp:
4. Nơi cấp:
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:.....
8. Ngày cấp:.....
9. Nơi cấp:.....
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:.....
11. Loại xe máy chuyên dùng:.....
12. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 13. Công suất:(kW).....
14. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
16. Nước sản xuất:..... 17. Số khung:.....
18. Số động cơ:..... 19. Trọng lượng:(kg).....
20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
21. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tảixem xét
cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:*(Dán trà số động cơ)**(Dán trà số khung)*** chỉ dán trà số động cơ của máy chính**- Đăng ký lần đầu □**- Số biển số cũ: (nếu có):.....Biển số đề nghị cấp
.....***Cán bộ làm thủ tục**
*(Ký, ghi rõ họ tên)***Trưởng phòng duyệt**
*(Ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc**
*(Ký tên, đóng dấu)***Ghi chú:**- Đánh dấu “x” vào các ô tương ứng;**- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;**- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*

45. Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố. Mã thủ tục: 2.000881

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ theo quy định; sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn kiểm tra xe máy chuyên dùng và trả kết quả đăng ký xe máy chuyên dùng.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định:

+ Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động trong địa phương thì thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng không quá 04 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn.

+ Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký thì Sở Giao thông vận tải nhận hồ sơ có văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi có xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng, thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra xe máy chuyên dùng theo thời gian và địa điểm ghi trong giấy hẹn, việc kiểm tra xe máy chuyên dùng phải lập thành Biên bản kiểm tra xe máy chuyên. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra: trường hợp kết quả kiểm tra đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng theo tên của chủ sở hữu mới, giữ nguyên biển số cũ đã cấp, cắt góc phía trên bên phải Giấy chứng nhận đăng ký của chủ sở hữu cũ, vào Sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu số 2 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 22/2019/TT-BGTVT.

- Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):

+ Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;

+ Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;

+ Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;

+ Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;

+ Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

+ Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

(Trường hợp nhiều xe chung một giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp Xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính).

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng.

h) Lệ phí :

- Lệ phí cấp giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu số 2 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có trụ sở chính hoặc đăng ký thường trú tại địa phương;

- Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/06/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu số 2 phục lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI**ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
3. Ngày cấp:
4. Nơi cấp:
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD.....
8. Ngày cấp.....
9. Nơi cấp.....
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:.....
11. Loại xe máy chuyên dùng:.....
12. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 13. Công suất:(kW).....
14. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
16. Nước sản xuất:..... 17. Số khung:.....
18. Số động cơ:..... 19. Trọng lượng:(kg).....
20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
21. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tảixem xét
cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:*(Dán trà số động cơ)**(Dán trà số khung)*** chỉ dán trà số động cơ của máy chính**- Đăng ký lần đầu □**- Số biển số cũ: (nếu có):.....Biển số đề nghị cấp
.....***Cán bộ làm thủ tục**
*(Ký, ghi rõ họ tên)***Trưởng phòng duyệt**
*(Ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc**
*(Ký tên, đóng dấu)***Ghi chú:**- Đánh dấu “x” vào các ô tương ứng;**- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;**- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*

46. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất. Mã thủ tục: 2.000847

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ theo quy định trên cổng dịch vụ công trực tuyến; sau đó nộp toàn bộ hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải trong thời hạn 15 ngày. Hết thời gian đăng tải nếu không nhận được ý kiến phản hồi liên quan đến tranh chấp xe máy chuyên dùng đề nghị cấp lại đăng ký, trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc Sở Giao thông vận tải cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo mẫu số 8 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT;

- Bản thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương đăng ký theo mẫu số 17 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT đối với trường hợp bị mất Giấy chứng nhận đăng ký.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng.

h) Lệ phí:

- Lệ phí cấp lại giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện;
- Lệ phí cấp lại giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ khai cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo mẫu số 8 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT;

- Bản thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương đăng ký theo mẫu số 17 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/06/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu số 8 phục lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
 3. Ngày cấp:
 4. Nơi cấp:
 5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:
 6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
 8. Ngày cấp:
 9. Nơi cấp:
 10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:
 11. Loại xe máy chuyên dùng:
 12. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 13. Công suất:(kW).....
 14. Màu sơn: 15. Năm sản xuất:
 16. Nước sản xuất: 17. Số khung:
 18. Số động cơ: 19. Trọng lượng:(kg).....
 20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):
- Hiện đã có Giấy chứng nhận đăng ký, biển số là
- Do Sở Giao thông vận tải.....cấp ngày.....tháng.....năm.....
- Lý do xin đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số: Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trà số động cơ)

(Dán trà số khung)

* chỉ dán trà số động cơ của máy chính

Cấp theo đăng ký, số biển số cũ:.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ làm thủ tục

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú: Tờ khai lập thành 03 bản:

- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính.

- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.

Mẫu số 17 phục lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO CÔNG KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Họ và tên chủ sở hữu:Số CMND (Căn cước hoặc hộ chiếu).....

Ngày cấp: Nơi cấp.....

Địa chỉ thường trú:

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng: Màu sơn.....

Nhãn hiệu (mác, kiểu): Công suất.....

Nước sản xuất: Năm sản xuất.....

Số động cơ: Số khung.....

Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....Trọng lượng.....

Nay tôi xin thông báo công khai, nếu ai có tranh chấp quyền sở hữu chiếc xe máy chuyên dùng nêu trên xin gửi về Sở Giao thông vận tải.....

Sau 07 ngày kể từ khi đăng tải thông báo này, nếu không có tranh chấp, Sở Giao thông vận tải sẽ tiến hành làm thủ tục đăng ký cho tôi theo quy định của pháp luật.

Chủ phương tiện

(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của đơn vị đăng thông báo:

Đã thực hiện thông báo công khai tại.....

Thời hạn thông báo là 07 ngày: Từ ngày.../.../.... đến ngày.../.../.....

ngày.....tháng.....năm.....

Thủ trưởng đơn vị thông báo

(Ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú:

Bản thông báo này được lưu trong hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải.

47. Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Mã số TTHC: 1.002007

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ theo quy định trên công dịch vụ công trực tuyến; sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời gian không quá 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải cấp Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng thu lại biển số, cắt góc phía trên bên phải Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, vào Sổ quản lý và trả hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký cho chủ sở hữu. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính.

b) Cách thức thực hiện:

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu số 9 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT.

- Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):

+ Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;

+ Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;

+ Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;

+ Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;

+ Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

+ Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

(Trường hợp nhiều xe chung một giấy tờ giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp Xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính).

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu số 9 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu số 9 Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI**DI CHUYỂN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
3. Ngày cấp:
4. Nơi cấp:
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD.....
8. Ngày cấp.....
9. Nơi cấp.....
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:
11. Loại xe máy chuyên dùng:.....
12. Nhãn hiệu (mác, kiểu):.....13. Công suất:(kW).....
14. Màu sơn:15. Năm sản xuất:
16. Nước sản xuất:17. Số khung:
18. Số động cơ:; 19. Trọng lượng:(kg).....
20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):; Biên số đăng ký:
Ngày cấp.....Cơ quan cấp.....

Nay tôi xin được di chuyển xe máy chuyên dùng nói trên đến Sở Giao thông vận tải để được tiếp tục đăng ký.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Chủ phương tiện

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải nơi chuyển đi:

Đã di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng Biên đăng ký:.....

đến Sở Giao thông vận tải:

....., ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ làm thủ tục

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản:

- 01 Cho chủ sở hữu kèm hồ sơ;

- 01 Lưu tại Sở GTVT nơi di chuyển đi.

48. Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến. Mã thủ tục: 1.001994

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ theo quy định; sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn kiểm tra xe máy chuyên dùng và trả kết quả đăng ký xe máy chuyên dùng.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định:

+ Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động trong địa phương thì thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng không quá 04 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn.

+ Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký thì Sở Giao thông vận tải nhận hồ sơ có văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi có xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng, thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra xe máy chuyên dùng theo thời gian và địa điểm ghi trong giấy hẹn, việc kiểm tra xe máy chuyên dùng phải lập thành Biên bản kiểm tra xe máy chuyên. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: trường hợp kết quả kiểm tra các hạng mục trong Biên bản đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng và vào sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng; trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì thông báo cho chủ phương tiện và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu số 2 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT;

- Bản chính Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp theo quy định kèm theo hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải,

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số.

h) Lệ phí :

- Lệ phí cấp giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu số 2 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/06/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu số 2 phục lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI**ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
3. Ngày cấp:
4. Nơi cấp:
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD.....
8. Ngày cấp.....
9. Nơi cấp.....
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:.....
11. Loại xe máy chuyên dùng:.....
12. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 13. Công suất:(kW).....
14. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
16. Nước sản xuất:..... 17. Số khung:.....
18. Số động cơ:..... 19. Trọng lượng:(kg).....
20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
21. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tảixem xét
cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:*(Dán trà số động cơ)**(Dán trà số khung)*** chỉ dán trà số động cơ của máy chính**- Đăng ký lần đầu □**- Số biển số cũ: (nếu có):.....Biển số đề nghị cấp
.....***Cán bộ làm thủ tục**
*(Ký, ghi rõ họ tên)***Trưởng phòng duyệt**
*(Ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc**
*(Ký tên, đóng dấu)***Ghi chú:**- Đánh dấu “x” vào các ô tương ứng;**- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;**- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*

**49. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng.
Mã số TTHC: 1.001826**

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ theo quy định trên cổng dịch vụ công trực tuyến; sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn không quá 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải thu lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số, vào Sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng và trả lại hồ sơ đăng ký cho chủ sở hữu.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) Cách thức thực hiện:

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu số 1 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT;

- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số (trừ trường hợp bị mất).

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 1,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Thu lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số, vào sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng.

h) Lệ phí : Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :

Tờ khai thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu số 1 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu số 1 Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

**THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY
CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
3. Ngày cấp:
4. Nơi cấp:
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD.....
8. Ngày cấp.....
9. Nơi cấp.....
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:.....
11. Loại xe máy chuyên dùng:
20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):
- Hiện đã có Giấy chứng nhận đăng ký, biển số là
- Do Sở Giao thông vận tải..... cấp ngày.....tháng.....năm.....
- Lý do xin thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số:
- Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Đề nghị.....thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng đã khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

Số biển số:Ngày cấp.....Số đăng ký quản lý.....

Đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký và biển số ngày/...../.....

Lưu hồ sơ đăng ký tại Sở Giao thông vận tải.....

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

- * Ghi chú: Tờ khai lập thành 03 bản:
- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng 02 bản;
- Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ 01 bản.

50. Cấp Giấy chứng, nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn. Mã thủ tục: 2.000872

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ theo quy định; sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn kiểm tra xe máy chuyên dùng và trả kết quả đăng ký xe máy chuyên dùng.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định:

+ Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động trong địa phương thì thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng không quá 04 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn.

+ Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký thì Sở Giao thông vận tải nhận hồ sơ có văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi có xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng, thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra xe máy chuyên dùng theo thời gian và địa điểm ghi trong giấy hẹn, việc kiểm tra xe máy chuyên dùng phải lập thành Biên bản kiểm tra xe máy chuyên. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: trường hợp kết quả kiểm tra các hạng mục trong Biên bản đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng và vào sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng; trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì thông báo cho chủ phương tiện và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu 3 của phục lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT;

- Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

- Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):

+ Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;

+ Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;

+ Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;

+ Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;

+ Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

+ Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Bản chính giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):

+ Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước.

+ Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu.

+ Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo kèm theo Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biển số theo mẫu số 1 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 22/2019/TT-BGTVT.

+ Đối với xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước:

* Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

* Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý); biên bản bàn giao tiếp

nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển) theo quy định của pháp luật.

+ Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng

* Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật;

* Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (nếu là người bị hại).

- Trường hợp nhiều xe chung một giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng, giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (trường hợp xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước hoặc xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng) thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đăng lưu giữ bản chính.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng và biển số.

h) Lệ phí: Lệ phí cấp mới giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu số 3 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng được tạm nhập, tái xuất thuộc các chương trình dự án của nước ngoài đầu tư tại Việt Nam, các dự án ODA đầu tư tại Việt Nam lập hồ sơ theo quy định và nộp tại Sở Giao thông vận tải nơi chủ sở hữu có trụ sở chính hoặc nơi đăng ký thường trú.

- Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì

người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/06/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu số 3 phục lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI****ĐĂNG KÝ CÓ THỜI HẠN XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
3. Ngày cấp:;
4. Nơi cấp:
5. Thời hạn thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam: từ ngày...../...../..... đến ngày/...../.....
6. Trụ sở giao dịch.....
7. Loại xe máy chuyên dùng:.....
8. Nhãn hiệu (mác, kiêu): 9. Công suất:(kW)
10. Màu sơn: 11. Năm sản xuất:.....
12. Nước sản xuất: 13. Số khung:.....
14. Số động cơ:..... 15. Trọng lượng:(kg)...
16. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):
17. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải.....xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trà số động cơ)

(Dán trà số khung)

* chỉ dán trà số động cơ của máy chính

Biển số đề nghị cấp:

Giấy chứng nhận đăng ký có giá trị đến:

Cán bộ làm thủ tục

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

*Ghi chú:

- Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng;

- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;

- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.

51. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng. Mã thủ tục: 1.001919

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ theo quy định trên cổng dịch vụ công trực tuyến; sau đó nộp toàn bộ hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nộp trực tuyến thì thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời và vào sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng theo mẫu số 4 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT;

- Giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực) là một trong những giấy tờ sau:

+ Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;

+ Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;

+ Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;

+ Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;

+ Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

+ Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực) là một trong những giấy tờ sau:

+ Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước.

+ Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu.

+ Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo kèm theo Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biển số theo mẫu số 1 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 22/2019/TT-BGTVT.

+ Đối với xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước:

* Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

* Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển) theo quy định của pháp luật.

+ Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng

* Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật;

* Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (nếu là người bị hại).

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời.

h) Lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy đăng ký kèm theo biển số tạm thời: 70.000 đồng/lần/phương tiện.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ khai cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng theo mẫu số 4 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng;
- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/06/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu số 4 phục lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI**CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
3. Ngày cấp:
4. Nơi cấp:
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
8. Ngày cấp:
9. Nơi cấp:
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:
12. Trụ sở giao dịch
13. Loại xe máy chuyên dùng:
14. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 15. Công suất:(kW).....
16. Màu sơn: 17. Năm sản xuất:
18. Nước sản xuất: 19. Số khung:
20. Số động cơ: 21. Trọng lượng:(kg).....
22. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):
22. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):
23. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

Số đăng ký tạm thời: cấp ngày.....tháng..... năm.....

Giấy chứng nhận đăng ký có giá trị đến.....

Cán bộ làm thủ tục

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản:

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng kèm theo hồ sơ 01 bản;

- Lưu Sở Giao thông vận tải 01 bản.

**52. Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng.
Mã thủ tục: 1.001896**

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ theo quy định; sau đó nộp toàn bộ hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn thẩm định:

+ Trường hợp thay đổi các thông tin liên quan đến chủ sở hữu (không thay đổi chủ sở hữu); Giấy chứng nhận đăng ký bị hỏng. Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc Sở Giao thông vận tải cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký cho chủ sở hữu, thu và cắt góc phía trên bên phải Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp; trong thời gian không quá 15 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải cấp đổi biển số theo đúng số đã cấp cho chủ sở hữu, thu lại biển số hỏng.

+ Trường hợp đăng ký xe máy chuyên dùng cải tạo: Thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng không quá 04 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn. Đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký thì Sở Giao thông vận tải nhận hồ sơ có văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi có xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng, thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra xe máy chuyên dùng theo thời gian và địa điểm ghi trong giấy hẹn, việc kiểm tra xe máy chuyên dùng phải lập thành Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: trường hợp kết quả kiểm tra các hạng mục trong Biên bản đạt yêu cầu, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng và vào sổ quản lý đăng ký xe máy chuyên dùng; trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì thông báo cho chủ phương tiện và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo mẫu số 8 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT;
- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp;
- Bản chính Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ Giao thông vận tải đối với trường hợp xe máy chuyên dùng cải tạo;
- Quyết định hoặc giấy tờ về việc thay đổi do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với trường hợp chủ sở hữu thay đổi thông tin liên quan (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp thay đổi các thông tin liên quan đến chủ sở hữu (không thay đổi chủ sở hữu); Giấy chứng nhận đăng ký bị hỏng: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;
- Trường hợp cải tạo, thay đổi màu sơn: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.
- Trường hợp biển số bị hỏng: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng.

h) Lệ phí:

- Lệ phí đổi giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện;
- Lệ phí đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện;

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ khai đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo mẫu số 8 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Chủ sở hữu có xe máy chuyên dùng cải tạo, thay đổi màu sơn; thay đổi các thông tin liên quan đến chủ sở hữu (không thay đổi chủ sở hữu); Giấy chứng

nhận đăng ký hoặc biển số bị hỏng lập hồ sơ theo quy định và nộp tại Sở Giao thông vận tải nơi đã đăng ký xe máy chuyên dùng.

- Khi làm thủ tục đăng ký trực tiếp với cơ quan cấp đăng ký, chủ sở hữu xe máy chuyên dùng phải xuất trình chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn để kiểm tra; trường hợp không chính chủ thì người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật; người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng;

- Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/06/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu số 8 phục lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI**ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ****XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
3. Ngày cấp:
4. Nơi cấp:
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
8. Ngày cấp:
9. Nơi cấp:
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:
11. Loại xe máy chuyên dùng:
12. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 13. Công suất:(kW).....
14. Màu sơn: 15. Năm sản xuất:
16. Nước sản xuất: 17. Số khung:.....
18. Số động cơ: 19. Trọng lượng:(kg).....
20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):
- Hiện đã có Giấy chứng nhận đăng ký, biển số là
- Do Sở Giao thông vận tải cấp ngày.....tháng.....năm.....
- Lý do xin đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số:
- Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trà số động cơ)

(Dán trà số khung)

* chỉ dán trà số động cơ của máy chính

Cấp theo đăng ký, số biên số cũ:.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú: Tờ khai lập thành 03 bản:

- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính
- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.

53. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác. Mã số hồ sơ: 2.001921

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu lập mẫu đơn theo quy định, trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

+ Bản vẽ thiết kế của dự án đầu tư, hồ sơ thiết kế công trình thiết yếu (thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công), báo cáo kinh tế - kỹ thuật bao gồm các thông tin về vị trí và lý trình công trình đường bộ tại nơi xây dựng công trình thiết yếu; bản vẽ thể hiện diện tích, kích thước công trình thiết yếu trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; bản vẽ thể hiện mặt đứng và khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ, khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình thiết yếu đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ; bộ phận công trình đường bộ phải đào, khoan khi xây dựng công trình thiết yếu; thiết kế kết cấu và biện pháp thi công hoàn trả

công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ bị đào hoặc ảnh hưởng do thi công công trình thiết yếu;

+ Đối với công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ, ngoài hồ sơ quy định tại các điểm a và b khoản này phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu đến bề mặt dải phân cách giữa, từ công trình thiết yếu đến mép ngoài dải phân cách giữa;

+ Công trình thiết yếu lắp đặt vào cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ có kết cấu phức tạp khác ngoài hồ sơ quy định tại các điểm a và b khoản này phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế;

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận/ Giấy phép thi công.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ (bao gồm QL.13 và QL.14C) và đường tỉnh đang khai thác (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Thông tư 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 và Thông tư 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017;

- Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

- Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 21/08/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cục bộ mạng lưới Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng phát triển đến năm 2030;

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông Vận tải)

(1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm 202....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Chấp thuận xây dựng (...3...)

Kính gửi (4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

- Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Thông tư 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 và Thông tư 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017;

- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 21/08/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cục bộ mạng lưới Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng phát triển đến năm 2030.

- (...5.....)

(...2....) đề nghị được chấp thuận xây dựng công trình (...6...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (.....7.....)

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

Hồ sơ thiết kế của (...6...);

Bản sao (...8...) Báo cáo kết quả thẩm tra Hồ sơ thiết kế của (...6...) do (...9...) thực hiện.

- (...10...)

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

(...2...)

- Như trên;

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

.....;

- Lưu VT

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Chấp thuận xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của ĐT.741, địa phận huyện Phú Riềng”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình thiết yếu: Sở Giao thông vận tải.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Ghi rõ, đầy đủ tên, nhóm dự án của công trình thiết yếu.

(7) Ghi rõ tên quốc lộ, cấp kỹ thuật của đường hiện tại và theo quy hoạch, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải quốc lộ, các vị trí cắt ngang qua quốc lộ (nếu có).

(8) Bản sao có xác nhận của chủ công trình (nếu công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác).

(9) Tổ chức tư vấn (độc lập với tổ chức tư vấn lập Hồ sơ thiết kế) được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ.

(10) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./.

54. Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác. Mã hồ sơ: 2.001963

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu lập mẫu đơn theo quy định, trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu (*Phụ lục 1a ban hành kèm theo Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT*)

+ Hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công và biện pháp tổ chức thi công thể hiện phương án thi công, phương án bảo đảm an toàn trong thi công xây dựng, an toàn giao thông và tổ chức giao thông đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (bản chính). Nội dung bản vẽ thiết kế thi công thể hiện quy mô công trình, hạng mục công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ Bản vẽ thiết kế của dự án đầu tư, hồ sơ thiết kế công trình thiết yếu (thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công), báo cáo kinh tế - kỹ thuật bao gồm các thông tin về vị trí và lý trình công trình đường bộ tại nơi xây dựng công trình thiết yếu; bản vẽ thể hiện diện tích, kích thước công trình thiết yếu trên mặt bằng công trình đường bộ và trong

phạm vi đất dành cho đường bộ; bản vẽ thể hiện mặt đứng và khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ, khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình thiết yếu đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ; bộ phận công trình đường bộ phải đào, khoan khi xây dựng công trình thiết yếu; thiết kế kết cấu và biện pháp thi công hoàn trả công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ bị đào hoặc ảnh hưởng do thi công công trình thiết yếu;

+ Đối với công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ, ngoài hồ sơ quy định tại các điểm a và b khoản này phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu đến bề mặt dải phân cách giữa, từ công trình thiết yếu đến mép ngoài dải phân cách giữa;

+ Công trình thiết yếu lắp đặt vào cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ có kết cấu phức tạp khác ngoài hồ sơ quy định tại các điểm a và b khoản này phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế;

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 7 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận/ Giấy phép thi công.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu (*Phụ lục 1a ban hành kèm theo Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Thông tư 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 và Thông tư 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017;

- Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

- Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 21/08/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cục bộ mạng lưới Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng phát triển đến năm 2030;

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.

PHỤ LỤC 1A**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN XÂY DỰNG CÙNG THỜI ĐIỂM VỚI CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ***(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm 202....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN XÂY DỰNG CÙNG THỜI ĐIỂM VỚI CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công (...3...)

Kính gửi:(…4…)

- Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;
- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;
- Căn cứ Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ;
- Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;
- Thông tư 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 và Thông tư 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017;
- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
- Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030;
- Căn cứ Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 21/08/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cục bộ mạng lưới Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng phát triển đến năm 2030.

(...2...) đề nghị được chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công (...5...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (...6...). Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày ... tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...7...) (bản chính).

+ (...8...).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của văn bản chấp thuận xây dựng và cấp phép thi công.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...9...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

(...2....)

-Như trên;

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

.....;

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

- Lưu VT

Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị chấp thuận và cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của tuyến ĐT.741, địa phận huyện Phú Riềng”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công;

(5) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị chấp thuận và cấp phép thi công.

(6) Ghi đầy rõ lý trình, tên quốc lộ, đường tỉnh thuộc địa phận huyện nào.

(7) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(8) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết.

(9) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

Ghi chú:

Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân cần cứ từng công trình cụ thể để điền đầy đủ các thông tin cần thiết và gửi kèm theo hồ sơ, tài liệu liên quan cho phù hợp./.

55. Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác. Mã hồ sơ: 2.001919

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu lập mẫu đơn theo quy định, trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp phép thi công xây dựng các công trình thiết yếu (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

+ Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công và biện pháp tổ chức thi công thể hiện phương án thi công, phương án bảo đảm an toàn trong thi công xây dựng, an toàn giao thông và tổ chức giao thông đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (bản chính). Nội dung bản vẽ thiết kế thi công thể hiện quy mô công trình, hạng mục công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Hồ sơ, bản vẽ thiết kế của dự án đầu tư hoặc hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế

bản vẽ thi công công trình có đầy đủ các thông tin sau: vị trí, lý trình đường bộ xây dựng công trình thiết yếu; kích thước công trình thiết yếu trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ; khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình thiết yếu đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ; Biện pháp tổ chức thi công thể hiện phương án thi công phương án bảo đảm an toàn trong thi công xây dựng, an toàn giao thông và tổ chức giao thông;

+ Đối với công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu đến mặt đất, từ công trình thiết yếu đến mép ngoài dải phân cách giữa.

+ Công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế;

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Không quá 4 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định (không tính thời gian kiểm tra hiện trường) đối với công trình điện từ 35 kV trở xuống có tổng chiều dài nhỏ hơn 01 km xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Trường hợp phải kiểm tra hiện trường thì thời hạn chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công không quá 10 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận/ Giấy phép thi công.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị Cấp phép thi công xây dựng các công trình thiết yếu nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ (bao gồm QL.13 và QL.14C) và đường tỉnh đang khai thác (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.
- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT;
- Thông tư 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 và Thông tư 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017;
- Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.
- Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 21/08/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cục bộ mạng lưới Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng phát triển đến năm 2030;

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.

PHỤ LỤC 4

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

(2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/....., ngày tháng năm 202....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH

Cấp phép thi công (...3...)

Kính gửi: (...4...)

- Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;
 - Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;
 - Căn cứ Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ;
 - Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;
 - Thông tư 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 và Thông tư 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017;
 - Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
 - Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030;
 - Căn cứ Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 21/08/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cục bộ mạng lưới Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng phát triển đến năm 2030.
 - Căn cứ (...5...);
- (...2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...) Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày tháng năm
- Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:
- + (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).
 - + (...8...) (bản chính).
 - + (...9...).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận: (..2...)

-Như trên;

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

.....;

(Ký, ghi rõ họ tên và

đóng dấu)

- Lưu VT

Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của tuyến ĐT.741, địa phận huyện Phú Riềng”.

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công: Sở Giao thông vận tải;

(5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi đầy rõ lý trình, tên quốc lộ, đường tỉnh thuộc địa phận huyện nào.

(8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(9) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết.

(10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

Ghi chú:

Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.

56. Gia hạn Chấp thuận, Cấp phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác. Mã hồ sơ: 2.001915

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu lập mẫu đơn theo quy định, trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của chủ công trình theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo;

- Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của Sở GTVT (đối với trường hợp đề nghị gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu)

- Giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu của Sở GTVT (đối với trường hợp đề nghị gia hạn Giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu)

d) Thời hạn giải quyết: trong 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn gia hạn theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận/ Giấy phép thi công.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận, cấp phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ (bao gồm QL.13 và QL.14C) và đường tỉnh đang khai thác (*Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Thông tư 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 và Thông tư 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017;

- Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

- Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 21/08/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cục bộ mạng lưới Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng phát triển đến năm 2030;

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.

PHỤ LỤC 2

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm 201....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
Gia hạn xây dựng (...3...)

- Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;
- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;
- Căn cứ Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ;
- Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;
- Thông tư 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 và Thông tư 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017;
- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
- Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030;
- Căn cứ Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 21/08/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cục bộ mạng lưới Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng phát triển đến năm 2030.
- (.....5.....)
- (.....2.....) đề nghị được gia hạn xây dựng công trình, nêu rõ lý do gia hạn.
Gửi kèm theo các tài liệu sau:
- Bản sao chụp Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu;
- (.....6.....)

(...2....) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được gia hạn xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận gia hạn.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận: (...2....)

- Như trên;

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

.....;

(Ký, ghi rõ họ tên và

đóng dấu)

- Lưu VT

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu: Sở Giao thông vận tải.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Gia hạn xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của ĐT.741, địa phận huyện Đồng Phú”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình, thiết yếu được quy định tại Điều 13 Thông tư này.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Các tài liệu khác nếu (...2....) thấy cần thiết./.

57. Chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác. Mã hồ sơ: 1.009620

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu lập mẫu đơn theo quy định, trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đường địa phương và quốc lộ được ủy thác quản lý (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

+ Hồ sơ thiết kế trong đó có bình đồ, trắc dọc, trắc ngang vị trí đoạn tuyến có xây dựng công trình. Nếu hồ sơ là hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, đối với công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác, phải có Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế (bản sao có công chứng);

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn xin thỏa thuận xây dựng các công trình thiết yếu nằm trong phạm vi đất dành cho đường bộ (*Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Thông tư 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 và Thông tư 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017;

- Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

- Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 21/08/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cục bộ mạng lưới Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng phát triển đến năm 2030;

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ
 Giao thông Vận tải)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

..., ngày tháng năm 201....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG
 PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Chấp thuận xây dựng (...3...)

Kính gửi (4)

- Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;
 - Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ;

- Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Thông tư 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 và Thông tư 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017;

- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 21/08/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cục bộ mạng lưới Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng phát triển đến năm 2030.

- (...5.....)

(...2....) đề nghị được chấp thuận xây dựng công trình (...6...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (.....7.....)

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

Hồ sơ thiết kế của (...6...);

Bản sao (...8...) Báo cáo kết quả thẩm tra Hồ sơ thiết kế của (...6...) do (...9...) thực hiện.

- (...10...)

(.. .2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

-Như trên;

.....;

đóng dấu)

- Lưu VT

(...2....)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên và

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Chấp thuận xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của ĐT.741, địa phận huyện Phú Riềng”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình thiết yếu: Sở Giao thông vận tải.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Ghi rõ, đầy đủ tên, nhóm dự án của công trình thiết yếu.

(7) Ghi rõ tên quốc lộ, đường tỉnh, cấp kỹ thuật của đường hiện tại và theo quy hoạch, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải quốc lộ, đường tỉnh các vị trí cắt ngang qua quốc lộ, đường tỉnh (nếu có).

(8) Bản sao có xác nhận của chủ công trình (nếu công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác).

(9) Tổ chức tư vấn (độc lập với tổ chức tư vấn lập Hồ sơ thiết kế) được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ.

(10) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./.

58. Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác. Mã hồ sơ: 1.001035

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu lập mẫu đơn theo quy định, trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đường địa phương và quốc lộ được ủy thác quản lý (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

+ Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ 02 bản thiết kế bản vẽ thi công, trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thi công.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đề nghị cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đường địa phương và quốc lộ được ủy thác quản lý (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Thông tư 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 và Thông tư 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017;

- Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

- Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 21/08/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cục bộ mạng lưới Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng phát triển đến năm 2030;

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.

PHỤ LỤC 4**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 (2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày tháng năm 202.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**Cấp phép thi công (...3...)**

Kính gửi: (...4...)

- Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;
 - Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;
 - Căn cứ Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ;
 - Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;
 - Thông tư 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 và Thông tư 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017;
 - Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
 - Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030;
 - Căn cứ Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 21/08/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cục bộ mạng lưới Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng phát triển đến năm 2030.
 - Căn cứ (...5...);
 - (...2...) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...) Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày tháng năm
- Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:
- + (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).
 - + (...8...) (bản chính).
 - + (...9...).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ:

điện thoại:

Nơi nhận: (...2...)

-Như trên;

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

.....;

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

- Lưu VT

Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của tuyến ĐT.741, địa phận huyện Phú Riềng”.

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công: Sở Giao thông vận tải;

(5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi đầy rõ lý trình, tên quốc lộ, đường tỉnh thuộc địa phận huyện nào.

(8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(9) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết.

(10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

Ghi chú:

Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.

59. Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh. Mã hồ sơ: 1.001046

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu lập mẫu đơn theo quy định, trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (*Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

+ Quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu); hoặc văn bản thỏa thuận của Bộ Giao thông vận tải cho phép đầu nối đường nhánh vào quốc lộ đối với các trường hợp quốc lộ chưa có quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ được phê duyệt (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) giao tổ chức, cá nhân làm chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao;

+ Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm PVHCC tỉnh Bình Phước.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (*Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Thông tư 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 và Thông tư 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017;

- Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

- Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 21/08/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cục bộ mạng lưới Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng phát triển đến năm 2030;

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

PHỤ LỤC 3

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT NÚT GIAO, ĐƯỜNG NHÁNH ĐẦU NỐI VÀO QUỐC LỘ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

(2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/....., ngày tháng năm 201....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT NÚT GIAO ĐƯỜNG NHÁNH ĐẦU NỐI VÀO QUỐC LỘ, ĐƯỜNG TỈNH

Chấp thuận xây dựng (....3....)

Kính gửi:(4)

- Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;
- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;
- Căn cứ Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ;
- Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;
- Thông tư 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 và Thông tư 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017;
- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
- Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030;
- Căn cứ Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 21/08/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cục bộ mạng lưới Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng phát triển đến năm 2030.
- (.....5.....)

- (.....2.....) đề nghị được chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối (.....6.....)

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ Quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ, đường tỉnh đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt (bản sao có chứng thực); hoặc Văn bản chấp thuận của Bộ GTVT cho phép đầu nối đường nhánh vào quốc lộ đối với các trường hợp quốc lộ chưa có Quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ được phê duyệt (bản sao);

+ Văn bản của UBND cấp tỉnh (bản chính) giao tổ chức, cá nhân làm Chủ đầu tư nút giao nếu quy hoạch hoặc văn bản chấp thuận đơn lẻ của Bộ GTVT chưa xác định rõ chủ đầu tư nút giao đầu nối vào Quốc lộ;

+ Hồ sơ Thiết kế và Phương án tổ chức giao thông của nút giao (có Biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình nút giao đầu nối đường nhánh vào Quốc lộ/đường tỉnh Tại Km../phải hoặc trái tuyến và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình nút giao đầu nối đường nhánh vào Quốc lộ Tại Km...+.../phải hoặc trái tuyến được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

-Nhu trên;

(2)

.....;

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

- Lưu VT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối (Do Chủ đầu tư đứng đơn).

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối tại Km..+.../Trái tuyến hoặc phải tuyến/ QL.13/ĐT.741..”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình nút giao đầu nối đường nhánh: Sở Giao thông vận tải.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Ghi rõ, đầy đủ tên quốc lộ/đường tỉnh, cấp kỹ thuật của đường, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải quốc lộ./.

60. Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh. Mã hồ sơ: 1.001061

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu lập mẫu đơn theo quy định, trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải xử lý và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

+ Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế nút giao của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thi công.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn xin Cấp phép thi công nút giao đầu nối (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Thông tư 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 và Thông tư 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017;

- Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

- Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 21/08/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cục bộ mạng lưới Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng phát triển đến năm 2030;

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm:

PHỤ LỤC 4

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM(2)**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

..., ngày tháng năm 201....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**Cấp phép thi công (....3....)**

Kính gửi: (...4...)

- Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;
- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;
- Căn cứ Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ;
- Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;
- Thông tư 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 và Thông tư 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017;
- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
- Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030;
- Căn cứ Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 21/08/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cục bộ mạng lưới Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng phát triển đến năm 2030.
- Căn cứ (....5....);

(....2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...) Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày tháng năm

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính).

+ (...9...).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

(...2...)

- Như trên;

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

.....;

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

- Lưu VT

Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của tuyến ĐT.741, địa phận huyện Phú Riềng”.

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công;

(5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi đầy rõ lý trình, tên quốc lộ, đường tỉnh thuộc địa phận huyện nào.

(8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(9) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết.

(10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

Ghi chú:

Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.

61. Gia hạn Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh. Mã hồ sơ: 1.000583

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu lập mẫu đơn theo quy định, trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào tuyến quốc lộ (QL.13 và QL.14C) và hệ thống đường tỉnh, đường quy hoạch đường tỉnh của chủ công trình theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo;

- Văn bản chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào tuyến quốc lộ (QL.13 và QL.14C) và hệ thống đường tỉnh, đường quy hoạch đường tỉnh của Sở GTVT.

d) Thời hạn giải quyết: trong 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn gia hạn theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận/ Giấy phép thi công.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào tuyến quốc lộ (QL.13 và QL.14C) và hệ thống đường tỉnh, đường quy hoạch đường tỉnh (*Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Thông tư 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 và Thông tư 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017;

- Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

- Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 21/08/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cục bộ mạng lưới Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng phát triển đến năm 2030;

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.

PHỤ LỤC 2

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG
PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ
trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm 201....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG
PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**
Gia hạn xây dựng (...3...)

- Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;
- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;
- Căn cứ Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ;
- Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;
- Thông tư 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 và Thông tư 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017;
- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
- Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030;
- Căn cứ Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 21/08/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cục bộ mạng lưới Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng phát triển đến năm 2030.
- (.....5.....)
- (.....2.....) đề nghị được gia hạn xây dựng công trình, nêu rõ lý do gia hạn.
Gửi kèm theo các tài liệu sau:
- Bản sao chụp Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu;
- (.....6.....)
- (....2....) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn

chính các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được gia hạn xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận gia hạn.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;

.....;

- Lưu VT

(...2....)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị gia hạn xây dựng công trình thiết yếu: Sở Giao thông vận tải.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Gia hạn xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của ĐT.741, địa phận huyện Đồng Phú”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình, thiết yếu được quy định tại Điều 13 Thông tư này.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Các tài liệu khác nếu (...2....) thấy cần thiết./.

62. Cấp phép thi công công trình quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh đang khai thác. Mã hồ sơ: 1.001087

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu lập mẫu đơn theo quy định, trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc chuyển hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

+ Văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận thiết kế của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thi công.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (*Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*);

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Thông tư 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 và Thông tư 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017;

- Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

- Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 21/08/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cục bộ mạng lưới Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng phát triển đến năm 2030;

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

PHỤ LỤC 4**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

(2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày tháng năm 201....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH

Cấp phép thi công (...3...)

Kính gửi: (...4...)

- Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;
 - Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;
 - Căn cứ Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ;
 - Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;
 - Thông tư 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 và Thông tư 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017;
 - Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
 - Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030;
 - Căn cứ Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 21/08/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cục bộ mạng lưới Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng phát triển đến năm 2030.
 - Căn cứ (...5...);
 - (...2...) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...) Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày tháng năm
- Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:
- + (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).
 - + (...8...) (bản chính).

+ (...9...).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu VT.

(...2...)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của tuyến ĐT.741, địa phận huyện Phú Riềng”.

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công: Sở Giao thông vận tải.

(5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi đầy rõ lý trình, tên quốc lộ, thuộc địa phận tỉnh nào.

(8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(9) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết.

(10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

Ghi chú:

Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan cho phù hợp./.

63. Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút đầu nối tạm thời có thời hạn vào quốc lộ (QL.13 và QL.14C) được giao quản lý thuộc thẩm quyền; hệ thống đường tỉnh. Mã hồ sơ: 1.000314

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu thực hiện điền mẫu đơn theo quy định trực tuyến trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc trực tiếp nộp hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối tạm thời có thời hạn, trong đó nêu rõ lý do, vị trí, lý trình điểm đầu nối, thời gian sử dụng điểm đầu nối tạm thời (*Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*)

+ Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) giao tổ chức, cá nhân làm chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao;

+ Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

+ Văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về hiện trạng đoạn tuyến có điểm thỏa thuận đấu nối tạm thời, ảnh hưởng đến an toàn giao thông nếu mở điểm đấu nối tạm thời, đề xuất phương án xử lý;

+ Bản vẽ bình đồ đoạn tuyến có điểm đấu nối tạm thời và phương án tổ chức giao thông của nút giao.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thỏa thuận/ Giấy phép thi công.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đấu nối tạm thời có thời hạn, trong đó nêu rõ lý do, vị trí, lý trình điểm đấu nối, thời gian sử dụng điểm đấu nối tạm thời (*Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT*)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT;

- Thông tư 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 và Thông tư 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017;

- Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.

- Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 21/08/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cục bộ mạng lưới Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng phát triển đến năm 2030;

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

PHỤ LỤC 3**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT NÚT GIAO,
ĐƯỜNG NHÁNH ĐẦU NỐI VÀO QUỐC LỘ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

_____ (2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Số:/..... , ngày tháng năm 201.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN THIẾT KẾ KỸ THUẬT NÚT GIAO
ĐƯỜNG NHÁNH ĐẦU NỐI VÀO QUỐC LỘ, ĐƯỜNG TỈNH**

Chấp thuận xây dựng (....3....)

Kính gửi:(4)

- Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;
- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;
- Căn cứ Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ;
- Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 23/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT;
- Thông tư 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 và Thông tư 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017;
- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Phước;
- Căn cứ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/5/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030;
- Căn cứ Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 21/08/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung cục bộ mạng lưới Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng phát triển đến năm 2030.

- (.....5.....)

- (.....2.....) đề nghị được chấp thuận đầu nối tạm thườn có thời hạn vào Quốc lộ, đường tỉnh đang khai thác và phương án thiết kế và phương án tổ

chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối (.....6.....) với (.....7.....)

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ Quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt (bản sao có chứng thực); hoặc Văn bản chấp thuận của Bộ GTVT cho phép đầu nối đường nhánh vào quốc lộ đối với các trường hợp quốc lộ chưa có Quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ được phê duyệt (bản sao);

+ Văn bản của UBND cấp tỉnh (bản chính) giao tổ chức, cá nhân làm Chủ đầu tư nút giao nếu quy hoạch hoặc văn bản chấp thuận đơn lẻ của Bộ GTVT chưa xác định rõ chủ đầu tư nút giao;

+ Hồ sơ Thiết kế và Phương án tổ chức giao thông của nút giao (có Biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do Tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

(...2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình nút giao đầu nối đường nhánh vào Quốc lộ Tại Km../phải hoặc trái tuyến và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình nút giao đầu nối đường nhánh vào Quốc lộ Tại Km...+.../phải hoặc trái tuyến được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu VT.

(2)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối (Do Chủ đầu tư đứng đơn).

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối tại Km..+.../Trái tuyến hoặc phải tuyến/ QL..”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình nút giao đầu nối đường nhánh: Sở Giao thông vận tải.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Ghi rõ, đầy đủ tên quốc lộ, cấp kỹ thuật của đường, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải quốc lộ, đường tỉnh.

(7) Thời gian sử dụng điểm đầu nối tạm thời./.

64. Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ. Mã hồ sơ: 1000028

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu thực hiện điền mẫu đơn theo quy định trực tuyến trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc trực tiếp nộp hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn cho Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì trực tiếp hướng dẫn (01 lần) bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ;

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định. Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe bánh xích, xe quá tải, quá khổ, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng (*Phụ lục 15, phụ lục 16 ban hành kèm theo Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT*);

+ Bản chụp giấy đăng ký hoặc giấy đăng ký tạm thời (đối với phương tiện mới nhận) xe, đầu kéo, rơ moóc, sơ mi rơ moóc;

+ Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; bản sao tính năng kỹ thuật của xe đối với phương tiện mới nhận (do nhà sản xuất gửi kèm theo xe);

+ Phương án vận chuyển đối với trường hợp phải khảo sát đường bộ (nếu có), gồm các nội dung sau: thông tin về tuyến đường vận chuyển; thông tin về phương tiện vận chuyển; thông tin hàng hóa chuyên chở có xác nhận của chủ hàng, gồm các thông số kích thước về chiều dài, chiều rộng và chiều cao (D x

Rx C) tính bằng mét; khối lượng, hình ảnh (nếu có); hợp đồng vận chuyển hoặc văn bản chỉ định đơn vị vận chuyển của chủ hàng hoặc đơn vị thuê vận chuyển.

Người đến làm thủ tục xin cấp Giấy phép lưu hành phải mang theo các bản chính của các bản chụp nêu trên để đối chiếu.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp phải kiểm định cầu, đường nhằm xác định khả năng đề quy định điều kiện đi hoặc gia cố cầu, đường thì thời gian xem xét cấp không quá 02 ngày làm việc kể từ khi có kết quả kiểm định của tổ chức tư vấn đủ tư cách hành nghề hoặc sau khi đã hoàn thành việc gia cố cầu, đường bảo đảm cho xe đi an toàn.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.

h) Lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :

Một trong hai mẫu đơn tùy theo loại xe, cụ thể như sau:

- Đơn đề nghị Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, quá khổ giới hạn, xe vận chuyển siêu trường, siêu trọng trên đường bộ (*Phụ lục 15 ban hành kèm theo Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT*);

- Đơn đề nghị Cấp giấy phép lưu hành xe bánh xích tự hành trên đường bộ (*Phụ lục 16 ban hành kèm theo Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT*);

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ;

- Quyết định số 3929/QĐ-BGTVT ngày 03/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc đính chính Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT;

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Phụ lục 15

(ban hành kèm theo Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ GTVT quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi: (Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lưu hành)

- Cá nhân, tổ chức đề nghị:

- Địa chỉ:Điện thoại:

Đề nghị cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn với các thông số sau:

1. Thông tin tổ hợp xe đầu kéo và sơ mi rơ moóc (SMRM) tải:		
Thông số kỹ thuật	Đầu kéo hoặc xe thân liền	Rơ moóc/ Sơ mi rơ moóc RM/SMRM
Nhãn hiệu		
Biển số		
Số trục		
Khối lượng bản thân (tấn)		
Khối lượng hàng hóa chuyên chở cho phép tham gia giao thông (tấn)		
Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông (tấn)		
Khối lượng cho phép kéo theo (tấn)		
Kích thước bao của tổ hợp (dài x rộng x cao) (m)		
2. Thông tin hàng hóa đề nghị chuyên chở:		
Loại hàng:		
Kích thước (D x R x C) m:	Tổng khối lượng (tấn):	
3. Thông tin kích thước, khối lượng toàn bộ của tổ hợp xe sau khi xếp hàng hóa lên xe		
Kích thước (D x R x C) m:	Hàng vượt phía trước thùng xe:	m
Hàng vượt hai bên thùng xe :m	Hàng vượt phía sau thùng xe:	m

Tổng khối lượng: tấn (gồm khối lượng bản thân ô tô đầu kéo + khối lượng bản thân sơ mi rơ moóc + khối lượng số người ngồi trên xe + khối lượng hàng)
4. Tải trọng lớn nhất được phân bổ lên trục xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:
Trục đơn: tấn
Cụm trục kép: tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề: d=.....m
Cụm trục ba: tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề: d=.....m

5. Tuyến đường và thời gian vận chuyển

- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng, đi qua đường ngang tại Km.....):

.....

- Thời gian đề nghị lưu hành: Từ đến

6. Cam kết của chủ phương tiện: về quyền sở hữu phương tiện và hàng hóa tại thời điểm đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe.

*Ghi chú: Giấy đề nghị cấp
 phép lưu hành xe phải kèm theo sơ
 đồ xe thể hiện rõ các kích thước:
 Chiều dài, chiều rộng, chiều cao của
 xe đã xếp hàng và khoảng cách giữa
 các trục xe, chiều dài đuôi xe.*

... , ngày tháng năm
 Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị
 (Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Phụ lục 16

(ban hành kèm theo Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ GTVT quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH
XE BÁNH XÍCH TỰ HÀNH TRÊN ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi: (Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lưu hành)

- Cá nhân, tổ chức đề nghị:

- Địa Điện thoại:

.....

- Đề nghị cấp giấy phép lưu hành cho xe bánh xích:

- Biển số đăng ký (nếu có):

- Trọng lượng bản thân xe: (tấn)

- Kích thước của xe:

+ Chiều dài: (m)

+ Chiều rộng: (m)

+ Chiều cao: (m)

- Loại xích (nhọn hoặc bằng):

- Chiều rộng bánh xích mỗi bên: (m)

- Khoảng cách giữa hai mép ngoài của bánh: (m)

- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng, đi qua đường ngang tại Km):.....

.....

- Thời gian đề nghị lưu hành: Từ đến

*(Giấy đề nghị cấp phép lưu hành xe , ngày ... tháng năm
phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ các Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị
kích thước: Chiều dài, chiều rộng, chiều (Ký tên, đóng dấu)
cao của xe)*

65. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. Mã hồ sơ số: 1.009972

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu thực hiện điền mẫu đơn theo quy định trực tuyến trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc trực tiếp nộp hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn thời gian trả kết quả;

- **Bước 2:**

+ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

+ Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng (Sở GTVT) không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định, trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản thông báo cho chủ đầu tư các nội dung cần thẩm tra để chủ đầu tư lựa chọn và ký kết hợp đồng với tư vấn thẩm tra. Thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 15 (mười lăm) ngày đối với dự án nhóm B và 10 (mười) ngày đối với dự án nhóm C. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng, người quyết định đầu tư để làm cơ sở thẩm định. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện thẩm tra thì chủ đầu tư phải có văn bản thông báo đến cơ quan thẩm định để giải trình lý do và đề xuất gia hạn thời gian thực hiện.

+ Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, phòng chuyên môn thẩm định có trách nhiệm xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định (nếu cần, việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một (01) lần trong quá trình thẩm định) hoặc trả lại hồ sơ thẩm định cho tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ. Trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan thẩm định, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan thẩm định dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận kết quả từ phòng chuyên môn của Sở Giao thông vận tải. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1 Thành phần hồ sơ:

- Văn bản pháp lý:

+ Tờ trình thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh theo Mẫu số 01 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

+ Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);

+ Quyết định lựa chọn phương án thiết kế thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);

+ Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;

+ Báo cáo tổng hợp về hồ sơ trình thẩm định của chủ đầu tư;

+ Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

+ Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);

+ Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;

+ Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

- Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:

+ Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;

+ Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi;

+ Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh;

- Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

+ Thông tin năng lực của nhà thầu tư vấn khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;

+ Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

c.2 Số lượng hồ sơ: 01 bộ, (Đối với các dự án mà Sở GTVT phải lấy ý kiến của các ngành khác có liên quan thì đề nghị chủ đầu tư cung cấp số lượng hồ sơ theo đúng số lượng đơn vị đề nghị lấy ý kiến).

d) Thời hạn giải quyết:

Thời gian thẩm định được tính từ ngày cơ quan, tổ chức thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, như sau:

- Đối với dự án nhóm B: Không quá **13** ngày làm việc.

- Đối với dự án nhóm C: Không quá **08** ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thông báo Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

h) Lệ phí: Lệ phí Thẩm định theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số 1, Tờ trình Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; Báo cáo kết quả thẩm tra dự án (nếu có).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.

- Quyết định 51/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh về việc Ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Biểu mẫu 01

(Ban hành kèm theo Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính Phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng)

TÊN TỔ CHỨC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH**Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng**

Kính gửi: (Cơ quan chuyên môn về xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên

quan

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Loại, nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
4. Người quyết định đầu tư:
5. Chủ đầu tư (nếu có) hoặc tên đại diện tổ chức và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư: (xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/vốn khác/thực hiện theo phương thức PPP)
9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
12. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
13. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý: *liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Nghị định này.*

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư; Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được lựa chọn áp dụng).
- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có);
- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;
- Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

Báo cáo kết quả thẩm tra dự án

(Ban hành kèm theo Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính Phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng)

**CƠ QUAN CHUYÊN
MÔN
VỀ XÂY DỰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

V/v thông báo kết quả thẩm
định báo cáo nghiên cứu khả
thi ĐTXD dự án...

Kính gửi: (Tên đơn vị trình).

(Cơ quan chuyên môn về xây dựng) đã nhận Văn bản số ... ngày ... của..... trình
thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án đầu tư).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều
theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và
Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số... /2021/NĐ-CP ngày ... tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy
định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Sau khi xem xét, (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thông báo kết quả thẩm định
báo cáo nghiên cứu khả thi (tên dự án) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình chính thuộc dự án:
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị tổng mức đầu tư:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Thời gian thực hiện:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:

11. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
12. Nhà thầu thẩm tra (nếu có)
13. Các thông tin khác (nếu có):

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý và văn bản khác có liên quan của dự án)

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra (nếu có):
3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án trình thẩm định được gửi kèm theo Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của Tổ chức trình thẩm định.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.
2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.
3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).
4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị.
5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.
6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
7. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công).

V. KẾT LUẬN

Dự án (Tên dự án) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện) để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

Trên đây là thông báo của (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) về kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án (Tên dự án). Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định.

**CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY
DỰNG**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
-;
- Lưu:...

**66. Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh
Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở. Mã số hồ sơ: 1.009973**

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức hoặc cá nhân có nhu cầu thực hiện điền mẫu đơn theo quy định trực tuyến trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc trực tiếp nộp hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; kiểm tra nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì lập phiếu hẹn thời gian trả kết quả;

- Bước 2:

+ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

+ Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng (Sở GTVT) không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định, trong vòng 05 ngày làm việc, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp tổ chức có năng lực phù hợp theo quy định để ký hợp đồng thẩm tra phục vụ công tác thẩm định. Thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 15 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; 10 ngày đối với các công trình còn lại. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra, hồ sơ thiết kế đã đóng dấu thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng để làm cơ sở thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện thẩm tra thì chủ đầu tư phải có văn bản thông báo đến cơ quan thẩm định để giải trình lý do và đề xuất gia hạn thời gian thực hiện.

+ Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, phòng chuyên môn thẩm định có trách nhiệm xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định (nếu cần, việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một (01) lần trong quá trình thẩm định) hoặc trả lại hồ sơ thẩm định cho tổ chức, cá nhân bổ sung cho đầy đủ sau đó nộp lại cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ. Trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan thẩm định, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan thẩm định dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận kết quả từ phòng chuyên môn của Sở Giao thông vận tải. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1 Thành phần hồ sơ:

- Văn bản pháp lý:
 - + Tờ trình đề nghị thẩm định thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán (Phụ lục 01-Biểu mẫu 04 ban hành kèm theo Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng);
 - + Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;
 - + Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng;
 - + Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);
 - + Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
 - + Báo cáo tổng hợp về hồ sơ trình thẩm định của chủ đầu tư;
 - + Các văn bản khác có liên quan.
- Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:
 - + Hồ sơ khảo sát xây dựng;
 - + Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;
 - + Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.
- Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:
 - + Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;
 - + Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);
 - + Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

c.2 Số lượng hồ sơ: 01 bộ (Đối với các dự án mà Sở GTVT phải lấy ý kiến của các ngành khác có liên quan thì đề nghị chủ đầu tư cung cấp số lượng hồ sơ theo đúng số lượng đơn vị đề nghị lấy ý kiến).

d) Thời hạn giải quyết:

- Không quá **15** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bình Phước.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thông báo Kết quả Văn bản thông báo Kết quả thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh.

h) Lệ phí: Lệ phí Thẩm định theo quy định tại theo Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, thẩm định dự toán công trình xây dựng.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai : Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán công trình; Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình (nếu có).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.

- Quyết định 51/2021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh về việc Ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

293

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ)

TÊN TỔ CHỨC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

Kính gửi: (Cơ quan chuyên môn về xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số/2021/NĐ-CP ngày... tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Loại, Cấp công trình:
3. Thuộc dự án: Theo quyết định đầu tư được phê duyệt
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
7. Nguồn vốn đầu tư: (xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/vốn khác/thực hiện theo phương thức PPP)
8. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
9. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng:
10. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng:
11. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
12. Các thông tin khác có liên quan:

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý: liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 37 của Nghị định này.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng được Chủ đầu tư nghiệm thu, xác nhận;
- Hồ sơ thiết kế xây dựng bao gồm thuyết minh và bản vẽ;
- Dự toán xây dựng đối với công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

III. ĐÁNH GIÁ VỀ HỒ SƠ THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Sự đáp ứng yêu cầu của thiết kế xây dựng với nhiệm vụ thiết kế, quy định tại hợp đồng thiết kế và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với yêu cầu về dây chuyền và thiết bị công nghệ (nếu có).

3. Việc lập dự toán xây dựng công trình; sự phù hợp của giá trị dự toán xây dựng công trình với giá trị tổng mức đầu tư xây dựng.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (tên công trình) với các nội dung nêu trên.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

295

Mẫu số 05

Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình
(Ban hành kèm theo Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ)

ĐƠN VỊ THẨM TRA

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ XÂY DỰNG
(Tên công trình ...)

Kính gửi: (Tên chủ đầu tư).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số/2021/NĐ-CP ngày... tháng năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Văn bản số... ngày... tháng... năm ... của (Đơn vị đề nghị thẩm tra) ... về việc...;

Thực hiện theo Hợp đồng tư vấn thẩm tra (số hiệu hợp đồng) giữa (Tên chủ đầu tư) và (Tên đơn vị thẩm tra) về việc thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng (Tên công trình). Sau khi xem xét, (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

- Tên công trình; loại, cấp công trình; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
- Tên dự án:
- Chủ đầu tư:
- Giá trị dự toán xây dựng:
- Nguồn vốn:
- Địa điểm xây dựng:
- Nhà thầu khảo sát xây dựng:
- Nhà thầu thiết kế xây dựng:

II. DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý của dự án)

2. Danh mục hồ sơ đề nghị thẩm tra:
3. Các tài liệu sử dụng trong thẩm tra (nếu có)

III. NỘI DUNG CHỦ YẾU THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng.
2. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình.
(Mô tả giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình, bộ phận công trình)
3. Cơ sở xác định dự toán xây dựng.

IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

(Nhận xét và có đánh giá chi tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư)

Sau khi nhận được hồ sơ của (Tên chủ đầu tư), qua xem xét (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định).
2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng 2014.
3. Nhận xét, đánh giá về dự toán xây dựng, cụ thể:
 - a) Phương pháp lập dự toán được lựa chọn so với quy định hiện hành;
 - b) Các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí;
 - c) Về đơn giá áp dụng;
 - d) Chi phí xây dựng hợp lý (Giải pháp thiết kế và sử dụng vật liệu, trang thiết bị phù hợp với công năng sử dụng của công trình bảo đảm tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng công trình).
4. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện để thực hiện thẩm tra.

V. KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ XÂY DỰNG

(Một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng)

1. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước:
 - a) Thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công) so với thiết kế cơ sở;
 - b) Thiết kế bản vẽ thi công so với nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp thiết kế một bước.
2. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật; quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình:
 - Về sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật:

- Về sử dụng vật liệu cho công trình theo quy định của pháp luật:

3. Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế xây dựng với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận:

- Đánh giá sự phù hợp của từng giải pháp thiết kế với công năng sử dụng công trình.

- Đánh giá, kết luận khả năng chịu lực của kết cấu công trình, giải pháp thiết kế bảo đảm an toàn cho công trình lân cận.

4. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).

5. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.

6. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VI. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ TOÁN

1. Nguyên tắc thẩm tra:

a) Về sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế;

b) Về tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các khoản mục chi phí khác trong dự toán xây dựng;

c) Về giá trị dự toán công trình.

2. Giá trị dự toán xây dựng sau thẩm tra

Dựa vào các căn cứ và nguyên tắc nêu trên thì giá trị dự toán sau thẩm tra như sau:

STT	Nội dung chi phí	Giá trị đề nghị thẩm tra	Giá trị sau thẩm tra	Tăng, giảm (+;-)
1	Chi phí xây dựng			
2	Chi phí thiết bị (nếu có)			
3	Chi phí quản lý dự án			
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng			
5	Chi phí khác			
6	Chi phí dự phòng			
	Tổng cộng			

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Nguyên nhân tăng, giảm: (nêu rõ lý do tăng, giảm).

3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Hồ sơ thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng đủ điều kiện để triển khai các bước tiếp theo.

Một số kiến nghị khác (nếu có).

CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA CỦA TỪNG BỘ MÔN

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

-

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

(Kết quả thẩm tra được bổ sung thêm một số nội dung khác nhằm đáp ứng yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra).

ĐƠN VỊ THẨM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:.....

II. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

67. Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa. Mã số TTHC: 1.004047

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 4 – ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 4- ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 3 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm;

(Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm; Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ;

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

h) Lệ phí: Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 3 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 4 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu số 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN KÊ KHAI****ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM**

(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu
.....

- Trụ sở chính: (1)

- Điện thoại: Email:

Loại phương tiện:

Vật liệu đóng phương tiện:

Kích thước phương tiện: ($L_{\max} \times B_{\max} \times D \times d$) = (.....x.....x.....x.....) m

Máy (loại, công suất):/..... (cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần: tấn.

b) Sức chở người: người.

Tình trạng thân vỏ:

Tình trạng hoạt động của máy:

Dụng cụ cứu sinh: số lượng (chiếc); Loại

Đèn tín hiệu:

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm

Chủ phương tiện (2)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ
Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Dùng cho phương tiện đang khai thác, đăng ký lần đầu)

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu
.....

- Trụ sở chính: (1)

- Điện thoại: Email:

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản
như sau:**

Tên phương tiện: Chiều cao mạn: m

Năm hoạt động: Chiều chìm:m

Công dụng: Mạn khô:m

Năm và nơi đóng: Trọng tải toàn phần:tấn

Vật liệu vỏ: Số người có thể chở:người

Chiều dài lớn nhất:(m) Sức kéo, đẩytấn

Chiều rộng lớn nhất: (m)

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):

Máy phụ (nếu có):

Phương tiện này được (mua lại, hoặc đóng tại...):

..... (cá nhân hoặc tổ chức)

Địa chỉ:

Thời gian (mua, tặng, đóng) ngày tháng năm

Hóa đơn nộp lệ phí trước bạ số ngày tháng năm

Nay đề nghị đăng ký phương tiện
trên.

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm
trước pháp luật về quyền sở hữu hợp pháp đối với phương tiện và lời khai trên.

Xác nhận của đại diện chính quyền địa ngày tháng năm...

phương cấp phường, xã

CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

(Nội dung: Xác nhận ông, bà đăng ký hộ

(Ký tên)

khẩu thường trú tại địa phương có phương tiện nói

trên và không tranh chấp về quyền sở hữu)

(Ký tên, đóng dấu)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký
tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có
đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

68. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện. Mã số TTHC: 1.004002

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 7 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 7- ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.

(Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra: Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

h) Lệ phí : Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 7- ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính : Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu

- Trụ sở chính: ⁽¹⁾

- Điện thoại: Email:

Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện: Số đăng ký:

Công dụng: Ký hiệu thiết kế:

Năm và nơi đóng:

Cấp tàu: Vật liệu vỏ:

Chiều dài thiết kế: m Chiều dài lớn nhất: m

Chiều rộng thiết kế: m Chiều rộng lớn nhất: m

Chiều cao mạn: m Chiều chìm:m

Mạn khô: m Trọng tải toàn phần: tấn

Số người được phép chở: người Sức kéo, đẩy: tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):.....

Máy phụ (nếu có):

Phương tiện này được (mua lại, hoặc điều chuyển ...):

từ (ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị)

Địa chỉ:

.....

Đã đăng ký tại ngày tháng năm

.....

Nay đề nghị đăng ký lại phương tiện trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày tháng năm 20.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN ⁽²⁾

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

((*) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu)

69. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện. Mã số TTHC: 1.003970

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 7 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 7 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính), đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.

(Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra: Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận

h) Lệ phí : Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :

Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 7 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:.

Mẫu số 7

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu

- Trụ sở chính: (1)

- Điện thoại: Email:

Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện: Số đăng ký:

Công dụng: Ký hiệu thiết kế:

Năm và nơi đóng:

Cấp tàu: Vật liệu vỏ:

Chiều dài thiết kế: m Chiều dài lớn nhất: m

Chiều rộng thiết kế: m Chiều rộng lớn nhất: m

Chiều cao mạn: m Chiều chìm:m

Mạn khô: m Trọng tải toàn phần: tấn

Số người được phép chở: người Sức kéo, đẩy: tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):.....

Máy phụ (nếu có):

Phương tiện này được (mua lại, hoặc điều chuyển ...):

từ (ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị)

Địa chỉ:

.....

Đã đăng ký tại ngày tháng năm

.....

Nay đề nghị đăng ký lại phương tiện trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày tháng năm 20.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

((*) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu)

70. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác. Mã số TTHC: 1.006391

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 8 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 8 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó.

(Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

h) Lệ phí : Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 8- ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu số 8

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Dùng cho phương tiện chỉ thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện)

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu
- Trụ sở chính: (1)
- Điện thoại: Email:
- Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: Số đăng ký:
- do, cấp ngày tháng năm
- có đặc điểm cơ bản như sau:
- Ký hiệu thiết kế:, Cấp tàu:
- Công dụng:, Vật liệu vỏ:
- Năm và nơi đóng:
- Chiều dài thiết kế: m, Chiều dài lớn nhất: m
- Chiều rộng thiết kế: m, Chiều rộng lớn nhất: m
- Chiều cao mạn: m, Chiều chìm:m
- Mạn khô: m, Trọng tải toàn phần:
- tấn
- Số người được phép chở: người, Sức kéo, đẩy:
- tấn
- Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):
- Máy phụ (nếu có):
- Nay đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện theo địa chỉ mới là:
- ...

(*nêu lý do thay đổi địa chỉ*)

Tôi cam đoan chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày tháng năm 20.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện t

71. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện. Mã số TTHC: 1.003930

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 9 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 9 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi.

+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp đối với trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị hỏng.

(Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

h) Lệ phí : Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 9 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu số 9

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu

- Trụ sở chính: (1)

- Điện thoại: Email:

Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: Số đăng ký:

do cấp ngày tháng năm

Công dụng: Vật liệu vỏ:

Năm và nơi đóng:

Chiều dài thiết kế: m Chiều dài lớn nhất: m

Chiều rộng thiết kế: m Chiều rộng lớn nhất: m

Chiều cao mạn: m Chiều chìm:m

Mạn khô: m Trọng tải toàn phần: tấn

Số người được phép chở: người Sức kéo, đẩy: tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):

Máy phụ (nếu có):

Nay đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với lý do:

Tôi cam đoan lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

....., ngày tháng năm 20.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

72. Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện. Mã số TTHC: 2.001659

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 10 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân đến bộ phận trả kết quả của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 10 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 10 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính : Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÓA ĐĂNG KÝ
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA****Kính gửi:**- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu
.....

- Trụ sở chính: (1)

- Điện thoại: Email:
.....**Đề nghị cơ quan xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: Số đăng ký:

Công dụng: Ký hiệu thiết kế:

Năm và nơi đóng:

Cấp tàu: Vật liệu vỏ:

Chiều dài thiết kế: m Chiều dài lớn nhất: m

Chiều rộng thiết kế: m Chiều rộng lớn nhất: m

Chiều cao mạn: m Chiều chìm: m

Mạn khô: m Trọng tải toàn phần: tấn

Số người được phép chở: người Sức kéo, đẩy: tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):

Máy phụ (nếu có):

Nay đề nghị xóa đăng ký phương tiện trên.

Lý do xóa đăng ký

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày tháng năm 20.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

**73. Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa;
Mã số TTHC: 1.009442**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư có nhu cầu thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa (thỏa thuận về thông số kỹ thuật luồng địa phương, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương) nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận (nếu hồ sơ đầy đủ), cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định Sở Giao thông vận tải ban hành văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa;

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải;

- Bước 4: Chủ đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công..

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:
 - + Đơn đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa theo mẫu;
 - + Bản sao văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
 - + Hồ sơ thiết kế sơ bộ luồng đường thủy nội địa.
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm Phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa (*theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo phụ lục của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa*)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ THỎA THUẬN THÔNG SỐ KỸ THUẬT XÂY DỰNG
LUỒNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa... (1)

Kính gửi: (2)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số ngày ... tháng... năm ... tại...

Địa chỉ: Số điện thoại liên hệ:

..... Đề nghị... (2) xem xét, thỏa thuận thông số kỹ thuật luồng đường thủy nội địa...

(1) với các thông tin dưới đây:

1. Sự cần thiết xây dựng luồng;
 2. Quy mô, lý trình, địa danh khu vực luồng;
 3. Các thông số kỹ thuật cơ bản của luồng: Bề rộng, chiều sâu chạy tàu, bán kính cong,... của luồng;
 4. Công trình hiện có trên luồng (chiều cao, chiều rộng khoang thông thuyền);
 5. Loại luồng: (quốc gia, địa phương, chuyên dùng);
 6. Phân kỳ đầu tư;
 7. Thời gian khai thác (dự kiến);
 8. Nội dung khác (nếu có):
 9. Hồ sơ gửi kèm theo gồm:
- Đề nghị(2)..... xem xét, trả lời./.

THỦ TRƯỞNG (4)

(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Tên đường thủy nội địa.

(2) Cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận.

(3) Tên tổ chức, cá nhân.

(4) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân

74. Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa; Mã số TTHC: 1.009447**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Cá nhân, tổ chức có nhu cầu công bố đóng bến thủy nội địa (bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền như sau:

+ Nộp hồ sơ cho Sở GTVT: trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

+ Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận huyện được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ (của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, nếu hồ sơ đầy đủ) cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ (của Sở Giao thông vận tải) chuyển cho phòng chuyên môn (Sở Giao thông vận tải) thẩm định và tham mưu lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền ban hành xem xét quyết định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định công bố đóng bến thủy nội địa;

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn (Sở Giao thông vận tải);

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;

- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công..

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm: Đơn đề nghị đóng bến thủy nội địa của chủ bến thủy nội địa.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận huyện được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận huyện được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp.

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm Phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố đóng cảng, bến thủy nội địa.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

75. Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa; Mã số TTHC: 1.009451

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa (đối với luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương, công trình, khu vực hoạt động quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 trên đường thủy nội địa địa phương và đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương): nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận (nếu hồ sơ đầy đủ), cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản thỏa thuận thiết lập báo hiệu gửi chủ đầu tư.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải;

- Bước 4: Chủ đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công..

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:
 - + Đơn đề nghị thỏa thuận thiết lập báo hiệu theo mẫu.
 - + Sơ đồ dự kiến vị trí báo hiệu.
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm Phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đề nghị thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa (*theo Mẫu số 22 ban hành kèm theo phụ lục của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa*)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ THỎA THUẬN THIẾT LẬP BÁO HIỆU
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số....ngày tháng... năm...tại...

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị chấp thuận thiết lập báo với nội dung như sau:

1. Vị trí: (2)
2. Số lượng báo hiệu:
3. Loại báo hiệu:
4. Hệ thống khác (nếu có):
5. Hồ sơ gửi kèm gồm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan./.

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận.

(2) Hệ tọa độ VN 2000 hoặc địa danh hành chính, lý trình sông, kênh.

76. Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương; Mã số TTHC: 1.009459

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (đối với luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương)

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận (nếu hồ sơ đầy đủ), cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo của Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công bố mở luồng.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải;

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;

- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công..

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị công bố mở luồng đường thủy nội địa theo mẫu.

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đưa vào sử dụng, bản vẽ hoàn công công trình luồng, hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa đối với luồng có dự án đầu tư xây dựng mới hoặc luồng được cải tạo, nâng cấp;

+ Bình đồ hiện trạng luồng đề nghị công bố thể hiện địa danh, lý trình, vị trí báo hiệu, các công trình hiện có trên luồng đối với luồng không có dự án đầu tư xây dựng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo của Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công bố mở luồng.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm Phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định công bố mở luồng đường thủy nội địa.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đề nghị về công bố mở luồng đường thủy nội địa (*theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo phụ lục của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa*)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Về công bố mở luồng đường thủy nội địa ... (1)**

Kính gửi:(2)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày... tháng... năm... tại...

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị ...(2)... xem xét công bố mở luồng... (1), với nội dung sau:

1. Chiều dài luồng đường thủy nội địa...km.
 2. Điểm khởi đầu, điểm kết thúc luồng (3) hoặc địa danh điểm khởi đầu, điểm kết thúc:.....
 3. Cấp kỹ thuật của luồng đường thủy nội địa:
 - a) Bề rộng luồng:
 - b) Chiều sâu nhỏ nhất:
 - c) Bán kính cong nhỏ nhất:
 4. Công trình hiện có trên luồng (chiều cao, chiều rộng khoang thông thuyền):
 5. Loại luồng (quốc gia, địa phương, chuyên dùng):
 6. Thời gian bắt đầu thực hiện khai thác trên luồng đường thủy nội địa:
 7. Các nội dung khác
 8. Hồ sơ gửi kèm theo gồm:
- Đề nghị(2)..... xem xét, giải quyết./.

THỦ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

- (1) Tên đường thủy nội địa đề nghị công bố.
- (2) Tên cơ quan có thẩm quyền công bố mở luồng.
- (3) Hệ tọa độ VN 2000.

77. Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng; Mã số TTHC: 1.009460

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có luồng không có nhu cầu khai thác, sử dụng nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (đối với luồng địa phương, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương)

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận (nếu hồ sơ đầy đủ), cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét:

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo của Sở Giao thông vận tải thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công bố đóng luồng theo phạm vi quản lý.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải;

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;

- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công..

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị công bố đóng luồng đường thủy nội địa theo mẫu;

+ Phương án thu hồi báo hiệu đường thủy nội địa do cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý luồng lập.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo của Sở Giao thông vận tải thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công bố đóng luồng theo phạm vi quản lý.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm Phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định công bố đóng luồng.

h) Phí, lệ phí: Không.**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:**

Đơn đề nghị về công bố đóng luồng đường thủy nội địa (*theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo phụ lục của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa*)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Về công bố đóng luồng đường thủy nội địa ... (1)

Kính gửi:(2)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ..tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Căn cứ. ;

Đề nghị... (2) xem xét công bố đóng luồng... (1), với nội dung sau:

1. Lý do của việc đóng luồng đường thủy nội địa:
2. Chiều dài luồng đường thủy nội địa: ... km
3. Tọa độ khởi đầu; kết thúc luồng... (3)
4. Địa danh điểm khởi đầu; điểm kết thúc luồng:
5. Thời gian bắt đầu đóng luồng đường thủy nội địa:
6. Các nội dung khác:

Đề nghị... (2) xem xét, công bố đóng luồng đường thủy nội địa
(1).

7. Hồ sơ gửi kèm:

Đề nghị(2)..... xem xét, giải quyết./.

THỦ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Tên đường thủy nội địa.

(2) Cơ quan công bố đóng luồng.

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

78. Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng; Mã số TTHC: 1.009461

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có luồng chuyên dùng gửi đơn đề nghị nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (thông báo lần đầu, định kỳ, thường xuyên và đợt xuất luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương)

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận (nếu hồ sơ đầy đủ), cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức, cá nhân có luồng chuyên dùng, Sở Giao thông vận tải kiểm tra số liệu, thông báo luồng đường thủy nội địa.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải;

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công..

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm: Đơn đề nghị công bố thông báo luồng theo mẫu

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức, cá nhân có luồng chuyên dùng.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm Phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo luồng đường thủy nội địa.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đề nghị thông báo luồng đường thủy nội địa (*theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo phụ lục của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa*)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Thông báo luồng đường thủy nội địa

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ..tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

(2)...báo cáo kết quả khảo sát luồng đường thủy nội địa (3). Đề nghị ...(1) xem xét thông báo luồng... (3).

Hồ sơ gửi kèm gồm:

.....

Đề nghị (1) xem xét, thông báo./.

THỦ TRƯỞNG (2)*(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)***Nơi nhận:**

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Cơ quan thông báo luồng.

(2) Tên tổ chức, cá nhân đề nghị.

(3) Tên luồng đường thủy nội địa.

79. Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa; Mã số TTHC: 1.009463

a) Trình tự thực hiện:

Chủ đầu tư xây dựng công trình, tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết:

a1) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: thỏa thuận đối với công trình, các hoạt động động quốc phòng, an ninh có liên quan đến giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương;

a2) Sở Giao thông vận tải: thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với các công trình, hoạt động trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, hành lang bảo vệ luồng, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

a3) Cảng vụ, Sở Giao thông vận tải (nơi chưa có Cảng vụ): thỏa thuận đối với hoạt động nạo vét cải tạo vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu thuộc phạm vi quản lý.

Các bước thực hiện (a2), (a3):

- Bước 1: Chủ đầu tư xây dựng công trình, tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận (nếu hồ sơ đầy đủ), cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thỏa thuận gửi chủ đầu tư.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải;

- Bước 4: Chủ đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công..

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:
 - + Đơn đề nghị thỏa thuận xây dựng công trình theo mẫu;
 - + Bản vẽ mặt cắt công trình thể hiện trên mặt cắt ngang sông.
 - + Bản vẽ khu vực xây dựng công trình trên hệ tọa độ quốc gia VN2000, hệ cao độ nhà nước. Trên bản vẽ thể hiện vị trí công trình và cao độ tự nhiên, địa hình, địa vật của sông, kênh đối với khu vực xây dựng công trình, các công trình liên kề (nếu có) và các tài liệu sau:
 - Đối với cầu vĩnh cửu, cầu tạm: số liệu về kích thước khoang thông thuyền (vị trí, chiều rộng, chiều cao tính không); mặt cắt dọc công trình thể hiện trên mặt cắt ngang sông, kênh;
 - Đối với cầu quay, cầu cút, cầu phao, cầu nâng hạ, công trình thủy điện kết hợp giao thông: số liệu về khoang thông thuyền (vị trí, chiều rộng, chiều cao tính không, chiều dài, độ sâu ngưỡng âu); phương án và công nghệ đóng, mở; bản vẽ thiết kế vị trí, vùng nước dự kiến bố trí cho phương tiện neo đậu khi chờ đợi qua công trình;
 - Đối với đường ống, đường dây, công trình vượt qua luồng trên không: bản vẽ, các số liệu về chiều cao tính không, thể hiện điểm cao nhất của đường ống, đường dây (điểm thấp nhất của đường dây điện, tính cả hành lang an toàn lưới điện), công trình vượt qua luồng;
 - Đối với công trình ngầm, đường dây, đường ống dưới đáy luồng: bản vẽ thể hiện khoảng cách, cao trình đỉnh công trình đến cao trình đáy thiết kế luồng, phạm vi luồng và hành lang bảo vệ luồng đường thủy nội địa;
 - Đối với công trình đập, thủy điện, thủy lợi: bình đồ và bản vẽ khu vực cảng, bến thủy nội địa hoặc khu vực chuyển tải tại thượng lưu và hạ lưu công trình; phương án bốc xếp, chuyển tải;
 - Đối với công trình phục vụ quốc phòng, an ninh; công trình phong điện, nhiệt điện; bến phà, kè: bản vẽ thể hiện mặt bằng khu vực cảng; công trình kè, chỉnh trị khác; kích thước, kết cấu các cầu cảng, kè, công trình chỉnh trị khác và các công trình phụ trợ; vùng nước của cảng.

* Đối với các hoạt động : Hoạt động thi công công trình (bao gồm hoạt động nạo vét vùng nước bên thủy nội địa, khu neo đậu); khai thác tài nguyên, khoáng sản; Khu vực nuôi trồng thủy sản (bè cá, lồng cá, đặng, đáy cá, bãi nuôi trồng thủy sản); tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí, diễn tập, thể thao, lễ hội; họp chợ, làng nghề, thực hành đào tạo nghề, hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị thỏa thuận theo mẫu;

- Bản vẽ thể hiện phạm vi khu vực hoạt động, phạm vi luồng và hành lang bảo vệ luồng, khoảng cách đến các công trình liên quan ở khu vực và phương án bố trí báo hiệu bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa;

- Bản vẽ các mặt cắt ngang và hồ sơ mốc để xác định phạm vi, cao trình nạo vét, khai thác tài nguyên, khoáng sản (đối với hoạt động nạo vét cải tạo vùng nước bên thủy nội địa, luồng chuyên dùng vào bên thủy nội địa, khu neo đậu; khai thác tài nguyên, khoáng sản).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh, Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp tỉnh, Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm Phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thỏa thuận.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị thỏa thuận vị trí xây dựng công trình. *(theo Mẫu số 24 ban hành kèm theo phụ lục của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa)*

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Thỏa thuận vị trí xây dựng công trình (không thuộc kết cấu hạ tầng đường
thủy
nội địa) hoặc tổ chức hoạt động trên đường thủy nội địa**

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ..tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày tháng... năm... tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị xây dựng công trình (tổ chức hoạt động) (2)

1. Vị trí dự kiến xây dựng có tọa độ (3)

Từ km thứ..... đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh)

Thuộc địa phận: xã (phường) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

2. Quy mô dự kiến xây dựng (hoạt động)

3. Mục đích sử dụng

4. Phạm vi vùng đất, vùng nước sử dụng

5. Mức độ ảnh hưởng đến an toàn giao thông:

6. Hồ sơ gửi kèm gồm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan./.

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Tên Cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận.

(2) Tên công trình, hoạt động,

(3) Trên bờ hay trên đường thủy và sử dụng hệ tọa độ VN 2000.

80. Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa; Mã số TTHC: 1.009464

a) Trình tự thực hiện:

Trước khi thi công công trình hoặc tổ chức các hoạt động trên đường thủy nội địa, chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân thi công công trình, tổ chức hoạt động gửi hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền sau:

a1) Sở Giao thông vận tải: công bố hạn chế giao thông đối với các trường hợp trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trừ vùng nước thuộc thẩm quyền của Cục Đường thủy nội địa và Chi cục đường thủy nội địa dưới đây:

- + Có vật chướng ngại trên luồng gây cản trở giao thông;
- + Thi công công trình trên luồng, hành lang bảo vệ luồng, vùng nước bên thủy nội địa, khu neo đậu và vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải mà xuất hiện tình huống gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông;
- + Công trình trên đường thủy nội địa làm hạn chế chuẩn tắc luồng đã được công bố;
- + Hoạt động phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn;
- + Hoạt động bảo đảm quốc phòng, an ninh;
- + Hoạt động diễn tập, thể thao, lễ hội, vui chơi giải trí, thực tập đào tạo nghề, họp chợ, làng nghề;

a2) Cảng vụ, Sở Giao thông vận tải (nơi chưa có Cảng vụ): công bố hạn chế giao thông trong vùng nước bên thủy nội địa, khu neo đậu thuộc phạm vi quản lý.

- Bước 1: Chủ đầu tư xây dựng công trình, tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận (nếu hồ sơ đầy đủ), cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền có văn bản công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa gửi cho chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải;

- Bước 4: Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công..

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:
 - + Văn bản đề nghị công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa (ghi rõ vị trí, thời gian hạn chế thi công).
 - + Phương án đảm bảo đảm an toàn giao thông được phê duyệt.
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư xây dựng công trình, Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải; Cảng vụ Đường thủy nội địa.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ
- Cơ quan phối hợp: Trung tâm Phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

81. Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông; Mã số TTHC: 1.009465

a) Trình tự thực hiện:

Trước khi thi công công trình (công trình xây dựng: Công trình phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; Kè, đập thủy lợi, cầu, bến phà; Phong điện, nhiệt điện, thủy điện; Công trình vượt qua luồng trên không hoặc dưới đáy luồng; Công trình khác ảnh hưởng đến an toàn giao thông trên đường thủy nội địa.), tổ chức hoạt động (hoạt động thi công công trình (bao gồm hoạt động nạo vét vùng nước bên thủy nội địa, khu neo đậu); khai thác tài nguyên, khoáng sản; Khu vực nuôi trồng thủy sản (bè cá, lồng cá, đặng, đáy cá, bãi nuôi trồng thủy sản); tổ chức hoạt động vui chơi, giải trí, diễn tập, thể thao, lễ hội; họp chợ, làng nghề, thực hành đào tạo nghề; Các hoạt động khác ảnh hưởng đến an toàn giao thông trên đường thủy nội địa), chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đến cơ quan sau để đề nghị chấp thuận:

a1) Sở Giao thông vận tải chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với công trình, hoạt động trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 3 Điều 41 Nghị định 08/2021/NĐ-CP. Căn cứ tình hình thực tế, Sở Giao thông vận tải trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền, phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông;

a2) Cảng vụ, Sở Giao thông vận tải (nơi chưa có Cảng vụ): chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với hoạt động sửa chữa, cải tạo nâng cấp và hoạt động khác trong vùng nước bên thủy nội địa, khu neo đậu thuộc phạm vi quản lý.

- Bước 1: Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận (nếu hồ sơ đầy đủ), cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền có văn bản chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông gửi cho chủ đầu tư hoặc tổ chức, cá nhân.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải;

- Bước 4: Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công..

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:
 - + Đơn đề nghị chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông theo mẫu;
 - + Phương án thi công, thời gian, tiến độ thi công công trình, tổ chức hoạt động;
 - + Phương án bảo đảm an toàn giao thông;
 - + Bản sao bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể của công trình, phạm vi khu vực tổ chức thi công công trình, tổ chức hoạt động.
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải; Cảng vụ.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ
- Cơ quan phối hợp: Trung tâm Phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị Chấp thuận phương án đảm bảo an toàn giao thông (*theo Mẫu số 26 ban hành kèm theo phụ lục của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa*)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN PHƯƠNG ÁN BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Chấp thuận phương án đảm bảo an toàn giao thông

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số....ngày tháng... năm... tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị... (1) ... xem xét chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình

(2)tại..... (1)..... với các thông tin như sau:

1. Tên công trình:

2. Vị trí xây dựng công trình:

3. Thời gian xây dựng công trình:

4. Phương án bảo đảm an toàn giao thông

5. Bản sao văn bản ý kiến của tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có).

6. Hồ sơ gửi kèm gồm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về giao thông vận tải đường thủy nội địa và pháp luật khác có liên quan./.

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

(2) Đầu tư, xây dựng, thi công, khai thác... tên công trình.

(3) Tên khu vực, tuyến, luồng, vùng nước...

82. Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa; Mã số TTHC: 1.009452

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư có nhu cầu thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận (nếu hồ sơ đầy đủ) và cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

+ Đối với bến thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, trước khi có văn bản thỏa thuận, Sở Giao thông vận tải lấy ý kiến của Chi cục đường thủy nội địa khu vực.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Giao thông vận tải, Chi cục đường thủy nội địa khu vực có văn bản trả lời;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Chi cục đường thủy nội địa khu vực, Sở Giao thông vận tải có văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng gửi chủ đầu tư;

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải;

- Bước 4: Chủ đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;

- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công..

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa theo mẫu;

+ Bản sao văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

+ Sơ đồ mặt bằng vị trí dự kiến xây dựng bến thủy nội địa: Thể hiện địa danh, vị trí công trình, vùng đất, vùng nước trước bến thủy nội địa, lý trình (km) sông, kênh, rạch và các công trình liên kề (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Giao thông vận tải, Chi cục đường thủy nội địa khu vực có văn bản trả lời;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Chi cục đường thủy nội địa khu vực, Sở Giao thông vận tải có văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng gửi chủ đầu tư;

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Chi cục Đường thủy nội địa khu vực; Trung tâm Phục vụ hành chính công

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa (*theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo phụ lục của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa*)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng, bến thủy nội địa**

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày ... tháng năm ... tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị xây dựng cảng, bến thủy nội địa (tên cảng, bến thủy nội địa)

1. Vị trí dự kiến xây dựng có tọa độ (3).....

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh)

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố):

2. Quy mô dự kiến (số cầu cảng, bến; kết cấu, cao trình mặt cầu cảng, bến).

3. Mục đích sử dụng

4. Phạm vi vùng đất sử dụng

5. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có mớn nước ...m; có sức chở... hành khách.

6. Phạm vi vùng nước sử dụng: (chiều dài dọc theo bờ sông, kênh ...m, chiều rộng từ

mép ngoài cầu cảng, bến...m);

7. Thời gian thực hiện:

8. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung trong văn bản thỏa thuận xây dựng, (thiết lập) cảng (bến).

THỦ TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận.

(2) Đối với bến thủy nội địa tạm thời không phải ghi nội dung này.

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

83. Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính; Mã số TTHC: 1.009453

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư có nhu cầu thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận, huyện được phân cấp.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ (tiếp nhận nếu hồ sơ đầy đủ), cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ chuyển cho phòng chuyên môn tham mưu lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định (Sở Giao thông vận tải được phân cấp thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ ban hành văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến gửi chủ đầu tư.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải;

- Bước 4: Chủ đầu tư nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (nơi nộp hồ sơ) theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công..

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:
 - + Đơn đề nghị thỏa thuận xây dựng bến thủy nội địa theo mẫu;
 - + Bản vẽ mặt bằng vị trí dự kiến xây dựng bến thủy nội địa: Thể hiện địa danh, vị trí công trình lân cận, vùng đất, vùng nước trước bến, lý trình (km) sông, kênh, rạch.
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận, huyện được phân cấp.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận, huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải. Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận, huyện.

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm Phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính (*theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo phụ lục của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa*)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng, bến thủy nội địa**

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày ... tháng năm ... tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị xây dựng cảng, bến thủy nội địa (tên cảng, bến thủy nội địa)

1. Vị trí dự kiến xây dựng có tọa độ (3).....

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh)

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố):

2. Quy mô dự kiến (số cầu cảng, bến; kết cấu, cao trình mặt cầu cảng, bến).

3. Mục đích sử dụng

4. Phạm vi vùng đất sử dụng

5. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có mớn nước ...m; có sức chở... hành khách.

6. Phạm vi vùng nước sử dụng: (chiều dài dọc theo bờ sông, kênh ...m, chiều rộng từ

mép ngoài cầu cảng, bến...m);

7. Thời gian thực hiện:

8. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung trong văn bản thỏa thuận xây dựng, (thiết lập) cảng (bến).

THỦ TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận.

(2) Đối với bến thủy nội địa tạm thời không phải ghi nội dung này.

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

84. Công bố hoạt động bên thủy nội địa; Mã số TTHC: 1.009454**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Cá nhân, tổ chức có nhu cầu công bố hoạt động bên thủy nội địa nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận (nếu hồ sơ đầy đủ), cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố hoạt động bên thủy nội địa.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải;

- Bước 4: Cá nhân, tổ chức nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công..

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị công bố hoạt động bên thủy nội địa theo mẫu;

+ Bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng bên thủy nội địa của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu đối với bên thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng;

+ Bản sao có chứng thực giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng bên thủy nội địa hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp là bên phao;

+ Bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật của chủ đầu tư (đối với bên thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng) hoặc phương án khai thác bên thủy nội địa;

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt chiếu đứng, mặt cắt ngang công trình đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng;

+ Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông hoặc phao neo thuộc diện phải đăng kiểm (nếu sử dụng kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông làm cầu bến hoặc bến phao).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm Phục vụ hành chính công

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố hoạt động bến thủy nội địa.

h) Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đề nghị công bố hoạt động bến thủy nội địa (*theo Mẫu số 12 ban hành kèm theo phụ lục của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa*)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ BẾN THỦY NỘI ĐỊA
 TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 ----- Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Công bố hoạt động cảng (bến) thủy nội địa

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về

quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày ... tháng ... năm tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị công bố cảng (bến) thủy nội địa (2)

1. Vị trí cảng (bến) có tọa độ (3)

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

2. Cảng (bến) thuộc loại

3. Phạm vi vùng đất sử dụng

4. Quy mô về cơ sở hạ tầng (kết cấu công trình cầu cảng (công trình bến), số lượng cầu cảng, bến, kích thước cơ bản, công trình cầu cảng, bến; kho bãi, kết nối các phương thức vận tải khác).

5. Thiết bị xếp dỡ hàng hóa:

6. Phạm vi vùng nước sử dụng

7. Phạm vi vùng nước khu neo đậu.....tại vị trí có tọa độ

8. Phương án khai thác cảng (bến)

9. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có mớn nước ... m hoặc trọng tải ...tấn; có sức chở... hành khách.

10. Thời gian hoạt động: từ ngày....tháng....năm... đến ngày ...tháng...năm...

11. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định công bố hoạt động cảng (bến).

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền công bố.

(2) Tên cảng (bến).

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

- Trường hợp bến khách ngang trên cùng địa bàn cấp xã, cùng chủ bến thì chỉ ban hành 01 quyết định công bố

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký tên và đóng dấu)

85. Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính; Mã số TTHC: 1.009455

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trước khi đưa bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính vào khai thác, chủ bến nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; hoặc Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận, huyện được phân cấp.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ (của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, nếu hồ sơ đầy đủ) cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn chủ bến hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ (của Sở Giao thông vận tải) chuyển cho phòng chuyên môn (Sở Giao thông vận tải) thẩm định và tham mưu lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn (Sở Giao thông vận tải);

- Bước 4: Chủ bến nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (nơi nộp hồ sơ) theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công..

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:
 - + Đơn nghị công bố hoạt động theo mẫu;
 - + Hồ sơ thiết kế kỹ thuật, biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình (nếu có), bản sao có chứng thực giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng bến (đối với bến khách ngang sông); bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông hoặc phao neo thuộc diện phải đăng kiểm (nếu sử dụng kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông làm bến).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ bến.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận, huyện được phân cấp.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận, huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải hoặc Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận, huyện.

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm Phục vụ hành chính công.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính.

h) Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đề nghị công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính (*theo Mẫu số 12 ban hành kèm theo phụ lục của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa*)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ HOẠT ĐỘNG BẾN KHÁCH NGANG SÔNG, BẾN
THỦY NỘI ĐỊA PHỤC VỤ THI CÔNG CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Công bố hoạt động cảng (bến) thủy nội địa

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày ... tháng ... năm tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị công bố cảng (bến) thủy nội địa (2)

1. Vị trí cảng (bến) có tọa độ (3)

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

2. Cảng (bến) thuộc loại

3. Phạm vi vùng đất sử dụng

4. Quy mô về cơ sở hạ tầng (kết cấu công trình cầu cảng (công trình bến), số lượng cầu cảng, bến, kích thước cơ bản, công trình cầu cảng, bến; kho bãi, kết nối các phương thức vận tải khác).

5. Thiết bị xếp dỡ hàng hóa:

6. Phạm vi vùng nước sử dụng

7. Phạm vi vùng nước khu neo đậu.....tại vị trí có tọa độ

8. Phương án khai thác cảng (bến)

9. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có mớn nước ... m hoặc trọng tải ...tấn; có sức chở... hành khách.

10. Thời gian hoạt động: từ ngày....tháng....năm... đến ngày ...tháng...năm...

11. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định công bố hoạt động cảng (bến).

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

Ghi chú:

- (1) Cơ quan có thẩm quyền công bố.
- (2) Tên cảng (bến).
- (3) Hệ tọa độ VN 2000.

- Trường hợp bến khách ngang trên cùng địa bàn cấp xã, cùng chủ bến thì chỉ ban hành 01 quyết định công bố

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký tên và đóng dấu)

86. Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa; Mã số TTHC: 1.003658**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Người khai thác quản lý bến có nhu cầu công bố lại hoạt động bến thủy nội địa nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tiếp nhận (nếu hồ sơ đầy đủ) và cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải chuyển cho phòng chuyên môn Sở GTVT thẩm định và tham mưu Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét quyết định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố lại hoạt động bến thủy nội địa;

Trường hợp thay đổi chủ bến thì chủ mới của bến phải đề nghị công bố lại hoạt động bến thủy nội địa trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận bến thủy nội địa.

Trung tâm Phục vụ hành chính công nhận hồ sơ kết quả giải quyết tại phòng chuyên môn Sở Giao thông vận tải;

- Bước 4: Cá nhân, tổ chức nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo thời gian ghi trên giấy hẹn hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích, hoặc dịch vụ công đã đăng ký.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;
- Hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích; - Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công..

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Đơn đề nghị công bố lại hoạt động cảng, bến thủy nội địa theo mẫu;

+ Hồ sơ đối với phần thay đổi kết cấu công trình của bến thủy nội địa:

- Bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật của chủ đầu tư (đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng) hoặc phương án khai thác bến thủy nội địa;

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt chiếu đứng, mặt cắt ngang công trình đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng;

- Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông hoặc phao neo thuộc diện phải đăng kiểm (nếu sử dụng kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông làm cầu bến hoặc bến phao).

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi vùng đất, vùng nước (đối với trường hợp Thay đổi vùng đất, vùng nước của bến thủy nội địa);

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu các văn bản chứng minh việc thay đổi chủ cảng, bến (đối với trường hợp Thay đổi chủ bến thủy nội địa.).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Trung tâm Phục vụ hành chính công

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố lại hoạt động bến thủy nội địa.

h) Phí, lệ phí: 100.000 đồng/lần.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị công bố lại hoạt động bến thủy nội địa (*theo Mẫu số 14 ban hành kèm theo phụ lục của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa*)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu: ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ LẠI HOẠT ĐỘNG BẾN THỦY NỘI ĐỊA
 TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Công bố (công bố lại) hoạt động cảng (bến) thủy nội địa

Kinh gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định

về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số....ngày ... tháng năm ... tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị công bố lại hoạt động cảng (bến) thủy nội địa (2)

Nội dung đề nghị công bố lại:

1. Vị trí cảng (bến) có tọa độ (3)

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái)sông, kênh).

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn), huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

2. Thời hạn hoạt động: từ ngày...tháng... năm...đến ngày...tháng...năm...

3. Hồ sơ gửi kèm gồm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định công bố Hoạt động cảng (bến).

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- Lưu: VT,...

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền công bố.

(2) Tên cảng (bến).

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký tên và đóng dấu)

A2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

87. Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. Mã số TTHC: 1.001261

a) Trình tự thực hiện:

Nộp hồ sơ TTHC:

- Đối với kiểm định tại đơn vị đăng kiểm:

Tổ chức, cá nhân đưa phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi tắt là xe cơ giới) và các giấy tờ cần thiết đến bất kỳ đơn vị đăng kiểm xe cơ giới (sau đây gọi tắt là đơn vị đăng kiểm) nào trong cả nước đã được Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp Giấy chứng nhận hoạt động kiểm định xe cơ giới.

- Đối với kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm:

Tổ chức, cá nhân có văn bản đề nghị nêu rõ lý do, địa điểm kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm kèm theo danh sách xe cơ giới đề nghị kiểm định đến đơn vị đăng kiểm.

Giải quyết TTHC:

- Đối với kiểm định tại đơn vị đăng kiểm:

+ Đơn vị đăng kiểm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại; Nếu hồ sơ đầy đủ thì tiến hành kiểm tra, đánh giá tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới.

+ Đơn vị đăng kiểm cấp Tem kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định cho xe cơ giới đạt tiêu chuẩn hoặc thông báo cho tổ chức, cá nhân các hạng mục khiếm khuyết, hư hỏng của xe cơ giới.

- Đối với kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm:

+ Đơn vị đăng kiểm kiểm tra, xem xét theo đề nghị của chủ xe, nếu đúng đối tượng và đủ điều kiện đường thử thì trong vòng 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ xe, đơn vị đăng kiểm có văn bản gửi Cục Đăng kiểm Việt Nam đề nghị kiểm định ngoài Đơn vị đăng kiểm kèm theo danh sách xe cơ giới, các loại thiết bị cần để kiểm tra; văn bản đề nghị có thể gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác. Trường hợp không đủ điều kiện đường thử thì có văn bản thông báo cho chủ xe và nêu rõ lý do.

+ Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra, xem xét hồ sơ, trong vòng 3 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị có văn bản trả lời gửi đơn vị đăng kiểm.

+ Chủ xe đưa xe đến địa điểm kiểm tra, đơn vị đăng kiểm tiến hành kiểm định xe cơ giới theo hồ sơ, trình tự và cách thức thực hiện theo quy định như đối với kiểm định tại đơn vị đăng kiểm. Trường hợp không có kết quả kiểm tra bằng thiết bị thì để trống trên Phiếu kiểm định. Trường hợp đạt thì cấp Giấy chứng nhận và Tem kiểm định.

b) Cách thức thực hiện:

- Đối với kiểm định tại đơn vị đăng kiểm: Nộp hồ sơ trực tiếp tại các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới.

- Đối với kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: - Lập Hồ sơ phương tiện: Việc lập Hồ sơ phương tiện được thực hiện trước khi xe cơ giới kiểm định lần đầu để tham gia giao thông. Khi đưa xe cơ giới đến đơn vị đăng kiểm để lập Hồ sơ phương tiện, tổ chức, cá nhân cần xuất trình, nộp các giấy tờ sau:

+ Xuất trình bản chính giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau: Bản sao chứng thực giấy chứng nhận đăng ký xe kèm theo bản gốc Giấy biên nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực; Giấy hẹn cấp giấy đăng ký xe.

+ Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực.

+ Nộp giấy tờ chứng minh nguồn gốc phương tiện, gồm một trong các giấy tờ sau: Bản sao Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng đối với xe cơ giới sản xuất, lắp ráp trong nước; Bản sao có chứng thực quyết định tịch thu bán đấu giá của cấp có thẩm quyền đối với xe cơ giới bị tịch thu bán đấu giá; Bản sao có chứng thực quyết định thanh lý đối với xe cơ giới của lực lượng quốc phòng, công an; Bản sao có chứng thực quyết định bán xe dự trữ Quốc gia.

+ Nộp bản chính Giấy chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT xe cơ giới cải tạo (đối với xe cơ giới mới cải tạo).

- Kiểm định tại đơn vị đăng kiểm:

Khi đưa xe cơ giới đến đơn vị đăng kiểm để kiểm định, tổ chức, cá nhân cần xuất trình, nộp các giấy tờ và cung cấp các thông tin sau:

+ Xuất trình bản chính giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau: Bản sao chứng thực giấy chứng nhận đăng ký xe kèm theo bản gốc Giấy biên nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực; Giấy hẹn cấp giấy đăng ký xe.

+ Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực.

+ Nộp bản chính Giấy chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT xe cơ giới cải tạo (đối với xe cơ giới mới cải tạo).

+ Thông tin về tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và địa chỉ trang WEB quản lý thiết bị giám sát hành trình đối với xe cơ giới thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình.

- Kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm:

+ Văn bản đề nghị nêu rõ lý do, địa điểm kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm kèm theo danh sách xe cơ giới đề nghị kiểm định.

Khi đơn vị đăng kiểm đến địa điểm kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm để kiểm định, tổ chức, cá nhân cần xuất trình, nộp các giấy tờ và cung cấp các thông tin sau:

+ Xuất trình bản chính giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau: Bản sao chứng thực giấy chứng nhận đăng ký xe kèm theo bản gốc Giấy biên nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực; Giấy hẹn cấp giấy đăng ký xe.

+ Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực.

+ Nộp bản chính Giấy chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT xe cơ giới cải tạo (đối với xe cơ giới mới cải tạo).

+ Thông tin về tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và địa chỉ trang WEB quản lý thiết bị giám sát hành trình đối với xe cơ giới thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình.cho tổ chức, cá nhân đề nghị.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong ngày làm việc..

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Các Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
- Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới

h) Giá dịch vụ kiểm định và Lệ phí cấp giấy chứng nhận:

- Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới đang lưu hành tính theo biểu giá dịch vụ Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá,hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới ban hành kèm theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định : Theo Biểu mức thu lệ phí kèm theo Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai : không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đáp ứng yêu cầu tại ban hành kèm theo Thông tư số 70/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 70/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc Quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới , thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

88. Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong kiểm tra lưu hành xe chở người bốn bánh có gắn động cơ. Mã số TTHC: 1.005005

a) Trình tự thực hiện:

Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ xe hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ kiểm tra lưu hành nộp đến Đơn vị đăng kiểm.

Giải quyết TTHC:

- Đơn vị đăng kiểm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện lại ngay trong ngày làm việc. Nếu đầy đủ, hợp lệ thì hẹn ngày kiểm tra theo địa điểm chủ xe đăng ký.

- Đơn vị đăng kiểm thực hiện kiểm tra: Xe kiểm tra đạt yêu cầu, Đơn vị đăng kiểm cấp Giấy chứng nhận lưu hành và Tem lưu hành sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu. Xe kiểm tra có kết quả không đạt, Đơn vị đăng kiểm thông báo hạng mục kiểm tra không đạt của Xe cho chủ xe biết để sửa chữa, khắc phục và kiểm tra lại.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Đơn vị đăng kiểm

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: - Các giấy tờ phải nộp:

+ Văn bản đề nghị kiểm tra của tổ chức, cá nhân theo mẫu quy định đối với trường hợp không đưa được xe đến Đơn vị đăng kiểm;

+ Bản sao Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với trường hợp xe sản xuất, lắp ráp trong nước kiểm tra lưu hành lần đầu của các xe có đăng ký lần đầu sau ngày Thông tư này có hiệu lực).

- Các giấy tờ phải xuất trình:

+ Bản chính Giấy đăng ký xe hoặc bản sao Giấy đăng ký xe có xác nhận của ngân hàng đang giữ Bản chính Giấy đăng ký xe đó hoặc bản sao Giấy đăng ký xe có xác nhận của cơ quan cho thuê tài chính đang giữ Bản chính Giấy đăng ký xe đó;

+ Bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự còn hiệu lực;

+ Văn bản chấp thuận của cơ quan địa phương có thẩm quyền về khu vực cho phép xe của tổ chức cá nhân hoạt động còn hiệu lực.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong phạm vi 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Các Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận lưu hành và Tem lưu hành.

h) Giá dịch vụ kiểm định và Lệ phí cấp giấy chứng nhận:

- Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới đang lưu hành tính theo biểu giá dịch vụ Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới ban hành kèm theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định : Theo Biểu mức thu lệ phí kèm theo Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

.i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai : Văn bản đề nghị kiểm tra cấp Giấy chứng nhận lưu hành xe chở người bốn bánh có gắn động cơ theo mẫu phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 86/2014/TT-BGTVT .

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Thỏa mãn yêu cầu quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong lưu hành xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ theo Phụ lục VIII của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc Quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn

- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Phụ lục VII

(Ban hành kèm theo Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc Quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế)

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH
XE CHỖ NGƯỜI BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ**

Tên tổ chức, cá nhân **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

Vv đề nghị kiểm tra cấp giấy
chứng nhận lưu hành cho xe bốn bánh chở người

Kính gửi: Đơn vị đăng kiểm

Căn cứ Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế;

Tên tổ chức, cá nhân

Địa chỉ:.....

Hiện tại (tổ chức, cá nhân) có số lượng Xe là:

Danh sách Xe

STT	Biển số	Số khung	Số máy (nếu có)	Ngày hết hạn
1	29HC-12345			
2				

Đề nghị Đơn vị đăng kiểmđến địa điểm: từ ngày.../.../... đến ngày.../.../... để kiểm tra Xe cho (tổ chức, cá nhân)

Tổ chức, cá nhân

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

89. Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo. Mã số TTHC: 1.005018

a) Trình tự thực hiện:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ nghiệm thu, cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo đến Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc đơn vị đăng kiểm xe cơ giới (cơ quan nghiệm thu cải tạo).

Cơ quan nghiệm thu tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: Nếu thành phần hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác);

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cơ quan nghiệm thu tiến hành nghiệm thu xe cơ giới cải tạo. Nếu kết quả nghiệm thu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận cải tạo cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc nghiệm thu. Trường hợp không cấp, cơ quan nghiệm thu thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả nghiệm thu.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại trụ sở cơ quan nghiệm thu; hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị nghiệm thu xe cơ giới cải tạo theo mẫu;

- Thiết kế đã được thẩm định. Đối với trường hợp miễn thiết kế phải có bản vẽ tổng thể xe cơ giới sau cải tạo do cơ sở cải tạo lập (*Đối với các xe cơ giới cải tạo có cùng nhãn hiệu, số loại, thông số kỹ thuật và do cùng một cơ sở cải tạo thì công thì được sử dụng cùng một thiết kế, việc nghiệm thu do cùng một cơ quan nghiệm thu thực hiện thì không phải nộp thành phần hồ sơ này*).

- Ảnh tổng thể chụp góc khoảng 45 độ phía trước và phía sau góc đối diện của xe cơ giới sau cải tạo; ảnh chụp chi tiết các hệ thống, tổng thành cải tạo;

- Biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo;

- Bảng kê các tổng thành, hệ thống thay thế mới theo mẫu;

- Bản sao có xác nhận của cơ sở cải tạo các tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo, thay thế và tài liệu xác nhận nguồn gốc của các hệ thống, tổng thành cải tạo;

- Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với cần cẩu, xi téc chở hàng nguy hiểm, xi téc chở khí nén, khí hóa lỏng và các thiết bị chuyên dùng theo quy định (*Đối với các xe cơ giới cải tạo có cùng nhãn hiệu, số loại, thông số kỹ thuật và do cùng một cơ sở cải tạo thì công thì được sử dụng cùng một*

thiết kế, việc nghiệm thu do cùng một cơ quan nghiệm thu thực hiện thì không phải nộp thành phần hồ sơ này).

- Văn bản của cơ quan thẩm định thiết kế về việc đồng ý cho sử dụng thiết kế đã được thẩm định để thi công cải tạo (đối với các xe cơ giới cải tạo có cùng nhãn hiệu, số loại, thông số kỹ thuật và do cùng một cơ sở cải tạo thi công thì được sử dụng cùng một thiết kế, việc nghiệm thu do cùng một cơ quan nghiệm thu thực hiện).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong phạm vi 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc nghiệm thu đạt yêu cầu.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc Các Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo; Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo là 06 tháng.

h) Giá dịch vụ kiểm định và Lệ phí cấp giấy chứng nhận:

- Mức giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng trong cải tạo tính theo biểu giá dịch vụ Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới ban hành kèm theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận : Theo Biểu mức thu lệ phí kèm theo Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :

Bảng kê các tổng thành, hệ thống thay thế mới : Phụ lục VIII ban hành kèm theo thông tư 85/2014/TT-BGTVT

Văn bản đề nghị nghiệm thu xe cơ giới cải tạo : Phụ lục VII ban hành kèm theo thông tư 85/2014/TT-BGTVT

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

-Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn

- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Phụ lục VII

(ban hành kèm theo Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ)

Văn bản đề nghị nghiệm thu xe cơ giới cải tạo
(CƠ SỞ CẢI TẠO) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

...., ngày tháng năm .

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ NGHIỆM THU XE CƠ GIỚI CẢI TẠO

(Cơ sở cải tạo) đề nghị (cơ quan nghiệm thu) kiểm tra chất lượng xe cơ giới cải tạo như sau:

1. Đặc điểm xe cơ giới cải tạo:

- Biển số đăng ký (nếu đã được cấp):
- Số khung:
- Số động cơ:
- Nhãn hiệu - số loại:

2. Căn cứ thi công cải tạo: Thiết kế có ký hiệu của (Cơ sở thiết kế) đã được Cục Đăng kiểm Việt Nam/Sở Giao thông vận tải cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo số ngày.../.../...

3. Nội dung thi công cải tạo:

(Ghi tóm tắt đầy đủ các nội dung thiết kế cải tạo thay đổi của xe cơ giới)

(Cơ sở cải tạo) xin chịu trách nhiệm về các nội dung đã được thi công trên xe cơ giới cải tạo.

CƠ SỞ CẢI TẠO

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

90. Cấp Giấy chứng nhận lưu hành, tem lưu hành cho xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ. Mã số TTHC: 1.004325

a) Trình tự thực hiện: Chủ xe hoặc người đưa xe đến kiểm tra lưu hành (sau đây gọi tắt là chủ xe) đưa Xe và hồ sơ này đến Đơn vị đăng kiểm tại địa phương mà xe được đăng ký và cấp biển số để kiểm tra lưu hành.

- Đơn vị đăng kiểm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu không đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn chủ xe hoàn thiện lại; nếu đầy đủ, hợp lệ thì thu phí, chụp ảnh phương tiện và tiến hành kiểm tra các hạng mục theo phương pháp kiểm tra được quy định.

- Đối với trường hợp kiểm tra lần đầu, Đơn vị đăng kiểm kiểm tra và lập Biên bản kiểm tra lần đầu xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ theo quy định.

- Xe kiểm tra đạt tiêu chuẩn, Đơn vị đăng kiểm thu lệ phí, trả hóa đơn thu lệ phí và cấp Giấy chứng nhận lưu hành, Tem lưu hành theo quy định. Trường hợp xe có kết quả không đạt, Đơn vị đăng kiểm thông báo hạng mục kiểm tra không đạt của xe cho chủ xe biết để sửa chữa, khắc phục để kiểm tra lại, đồng thời thông báo xe không đạt lên mạng kiểm định.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại các Trung tâm Đăng kiểm .

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: - Hồ sơ xuất trình:

+ Bản chính Giấy đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau: Bản sao Giấy đăng ký xe có xác nhận của ngân hàng đang giữ Bản chính giấy đăng ký xe đó; Bản sao Giấy đăng ký xe có xác nhận của cơ quan cho thuê tài chính đang giữ Bản chính giấy đăng ký xe đó;

+ Bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự còn hiệu lực.

- Hồ sơ phải nộp:

+ Bản sao chụp Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với trường hợp kiểm tra lưu hành lần đầu của các Xe có đăng ký lần đầu sau ngày thông tư này có hiệu lực);

+ Giấy chứng nhận lưu hành của lần kiểm tra trước (đối với trường hợp kiểm tra lưu hành các lần tiếp theo).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Cấp ngay sau khi kiểm tra đạt yêu cầu

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Các Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận lưu hành, tem lưu hành.

h) Giá dịch vụ kiểm định và Lệ phí cấp giấy chứng nhận:

- Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới đang lưu hành tính theo biểu giá dịch vụ Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới ban hành kèm theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận : Theo Biểu mức thu lệ phí kèm theo Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai : không;

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đáp ứng quy định tại PHỤ LỤC IX : HẠNG MỤC VÀ PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH (*Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT ngày 13/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải*)

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT ngày 13/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc Quy định về điều kiện đối với xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông đường bộ

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn

- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.

91. Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng trong khai thác, sử dụng . Mã hồ sơ số: 1.005103

a) Trình tự thực hiện:

- Chủ xe hoàn thiện 01 bộ hồ sơ kiểm tra nộp cho các Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hoặc các Chi cục đăng kiểm có đủ điều kiện về trang bị, thiết bị và nhân lực thực hiện kiểm tra Xe theo quy định và được công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam (sau đây gọi là Đơn vị kiểm tra).

- Đơn vị kiểm tra tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác); Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì thống nhất thời gian và địa điểm kiểm tra (đối với Xe yêu cầu kiểm tra ngoài Đơn vị kiểm tra).

- Đơn vị kiểm tra tiến hành kiểm tra: nếu kết quả không đạt thì thông báo ngay cho Chủ xe; Nếu kết quả đạt thì cấp Giấy chứng nhận theo quy định trong thời hạn 01 ngày làm việc khi kiểm tra tại Đơn vị kiểm tra hoặc trong thời hạn 03 ngày làm việc khi kiểm tra ngoài Đơn vị kiểm tra, kể từ ngày kết thúc kiểm tra

b) Cách thức thực hiện:

Qua hệ thống bưu chính; hoặc trực tiếp tại các Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới và các Chi cục đăng kiểm có đủ điều kiện về trang bị, thiết bị và nhân lực thực hiện kiểm tra xe theo quy định và được công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị kiểm tra ATKT & BVMT Xe trong khai thác, sử dụng (sau đây viết tắt là Giấy đề nghị kiểm tra Xe) sử dụng khi yêu cầu kiểm tra ngoài Đơn vị kiểm tra theo mẫu;

+ Một trong các tài liệu sau đây đối với Xe kiểm tra lần đầu: + Bản chính hoặc bản điện tử Chứng chỉ chất lượng; + Bản sao Phiếu xuất xưởng; + Bản sao tài liệu kỹ thuật có bản vẽ tổng thể và thông số kỹ thuật cơ bản của Xe hoặc bản đăng ký thông số kỹ thuật Xe do tổ chức, cá nhân lập đối với Xe được nhập khẩu hoặc sản xuất, lắp ráp trước ngày 01 tháng 12 năm 2009 (ngày Thông tư số 23/2009/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng có hiệu lực).

+ Bản chính Giấy chứng nhận cải tạo đối với Xe có cải tạo.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Nếu kết quả đạt thì cấp Giấy chứng nhận theo quy định trong thời hạn 01 ngày làm việc khi kiểm tra tại Đơn vị kiểm tra hoặc trong thời hạn 03 ngày làm việc khi kiểm tra ngoài Đơn vị kiểm tra, kể từ ngày kết thúc kiểm tra

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan trực tiếp thực hiện: Các Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới và các Chi cục đăng kiểm có đủ điều kiện về trang bị, thiết bị và nhân lực thực hiện kiểm tra Xe theo quy định và được công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng trong khai thác, sử dụng, Tem kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng trong khai thác, sử dụng.

h) Giá dịch vụ kiểm định và Lệ phí cấp giấy chứng nhận:

- Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng tính theo biểu giá dịch vụ Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới ban hành kèm theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận : Theo Biểu mức thu lệ phí kèm theo Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :

Giấy đề nghị kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe trong khai thác sử dụng (sử dụng khi yêu cầu kiểm tra ngoài đơn vị kiểm tra) : theo mẫu phụ lục XIX ban hành kèm theo thông tư 89/2015/TT-BGTVT

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Thỏa mãn yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo QCVN 12 : 2011/BGTVT

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc Quy định về kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng.

- Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải Sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm.

- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng

nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn

- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

PHỤ LỤC XIX**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
XE MÁY CHUYÊN DÙNG TRONG KHAI THÁC SỬ DỤNG***(Ban hành kèm theo Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ
trưởng Bộ Giao thông vận tải)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE
MÁY CHUYÊN DÙNG TRONG KHAI THÁC SỬ DỤNG***(Sử dụng khi đề nghị kiểm tra ngoài đơn vị kiểm tra)*

Kính gửi:

Chủ sở hữu:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Đề nghị đến kiểm tra các loại xe máy chuyên dùng
được liệt kê ở bảng sau:

TT	Loại xe máy chuyên dùng	Biển đăng ký/ Số khung	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Thời gian kiểm tra	Địa điểm kiểm tra

Mọi thông tin xin liên hệ với Ông/Bà theo số điện thoại:

Số Fax:

....., ngày... tháng... năm ...

Người đề nghị*(ký và ghi rõ họ tên)*

B- THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP HUYỆN**I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

01. Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa. Mã số TTHC: 1.004047

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 4 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

- **Bước 2:** Bộ phận Một cửa tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp (một lần) cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 4- ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 3 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm;

(Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm; Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ;

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thị xã, thành phố;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thị xã, thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

h) Lệ phí: Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 3-ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 4 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu số 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN KÊ KHAI****ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM**

(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu
- Trụ sở chính: (1)
- Điện thoại: Email:

Loại phương tiện:

Vật liệu đóng phương tiện:

Kích thước phương tiện: ($L_{\max} \times B_{\max} \times D \times d$) =

(.....X.....X.....X.....) m

Máy (loại, công suất):/..... (cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần:

tấn.

b) Sức chở người: người.

Tình trạng thân vỏ:

Tình trạng hoạt động của máy:

Dụng cụ cứu sinh: số lượng (chiếc); Loại

Đèn tín hiệu:

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm

Chủ phương tiện (2)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

Mẫu số 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ
Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Dùng cho phương tiện đang khai thác, đăng ký lần đầu)

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu
- Trụ sở chính: (1)
- Điện thoại: Email:

Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện: Chiều cao mạn: m

Năm hoạt động: Chiều chìm:m

Công dụng: Mạn khô:m

Năm và nơi đóng: Trọng tải toàn phần:tấn

Vật liệu vỏ: Số người có thể chở:người

Chiều dài lớn nhất:(m) Sức kéo, đẩytấn

Chiều rộng lớn nhất: (m)

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):

Máy phụ (nếu có):

Phương tiện này được (mua lại, hoặc đóng tại...):
..... (cá nhân hoặc tổ chức)

Địa chỉ:

Thời gian (mua, tặng, đóng) ngày tháng năm

Hóa đơn nộp lệ phí trước bạ số ngày tháng năm

Nay đề nghị đăng ký phương tiện trên.

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyền sở hữu hợp pháp đối với phương tiện và lời khai trên.

Xác nhận của đại diện chính quyền địa ngày tháng năm...

phương cấp phường, xã

CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

(Nội dung: Xác nhận ông, bà đăng ký hộ

(Ký tên)

khẩu thường trú tại địa phương có phương tiện nói
trên và không tranh chấp về quyền sở hữu)

(Ký tên, đóng dấu)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

02. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện. Mã số TTHC: 1.004002

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 7 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

- **Bước 2:** Bộ phận Một cửa tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp (một lần) cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;
- Hoặc nộp trực tiếp cho bộ phận tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải;
- Hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
 - + Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 7- ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);
 - + 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;
 - + Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;
 - + Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.

(Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra: Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương

tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thị xã, thành phố;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thị xã, thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

h) Lệ phí : Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 7- ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính : Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI

PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu

- Trụ sở chính: (1)

- Điện thoại: Email:

Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện: Số đăng ký:

Công dụng: Ký hiệu thiết kế:

Năm và nơi đóng:

Cấp tàu: Vật liệu vỏ:

Chiều dài thiết kế: m Chiều dài lớn nhất: m

Chiều rộng thiết kế: m Chiều rộng lớn nhất: m

Chiều cao mạn: m Chiều chìm:m

Mạn khô: m Trọng tải toàn phần: tấn

Số người được phép chở: người Sức kéo, đẩy: tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):.....

Máy phụ (nếu có):

Phương tiện này được (mua lại, hoặc điều chuyển ...):

từ (ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị)

Địa chỉ:

Đã đăng ký tại ngày tháng năm

Nay đề nghị đăng ký lại phương tiện trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày tháng năm

Chủ phương tiện (2)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

((*) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu)

03. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện. Mã số TTHC: 1.003970

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 7 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

- **Bước 2:** Bộ phận Một cửa tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp (một lần) cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 7 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính), đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.

(Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra: Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển

phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thị xã, thành phố;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thị xã, thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

h) Lệ phí : Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :

Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 7 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số 7

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI****PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA***(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)***Kính gửi:**

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu

- Trụ sở chính: ⁽¹⁾

- Điện thoại: Email:

Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện: Số đăng ký:

Công dụng: Ký hiệu thiết kế:

Năm và nơi đóng:

Cấp tàu: Vật liệu vỏ:

Chiều dài thiết kế: m Chiều dài lớn nhất: m

Chiều rộng thiết kế: m Chiều rộng lớn nhất: m

Chiều cao mạn: m Chiều chìm:m

Mạn khô: m Trọng tải toàn phần: tấn

Số người được phép chở: người Sức kéo, đẩy: tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):.....

Máy phụ (nếu có):

Phương tiện này được (mua lại, hoặc điều chuyển ...):

từ (ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị)

Địa chỉ:

Đã đăng ký tại ngày tháng năm

Nay đề nghị đăng ký lại phương tiện trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày tháng năm

Chủ phương tiện (2)*(Ký và ghi rõ họ tên)*

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

((*) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu)

04. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác. Mã số TTHC: 1.006391

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 8 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

- **Bước 2:** Bộ phận Một cửa tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp (một lần) cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 8 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó.

(Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thị xã, thành phố;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thị xã, thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

h) Lệ phí : Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 8- ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Dùng cho phương tiện chỉ thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện)

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu

- Trụ sở chính: (1)

- Điện thoại: Email:

Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: Số đăng ký:

do, cấp ngày tháng năm

có đặc điểm cơ bản như sau:

Ký hiệu thiết kế:, Cấp tàu:

Công dụng:, Vật liệu vỏ:

Năm và nơi đóng:

Chiều dài thiết kế: m, Chiều dài lớn nhất: m

Chiều rộng thiết kế: m, Chiều rộng lớn nhất: m

Chiều cao mạn: m, Chiều chìm:m

Mạn khô: m, Trọng tải toàn phần: tấn

Số người được phép chở: người, Sức kéo, đẩy: tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):

Máy phụ (nếu có):

Nay đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện theo địa chỉ mới là:

(nếu lý do thay đổi địa chỉ)

Tôi cam đoan chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày tháng năm

Chủ phương tiện (2)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện t

05. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện. Mã số TTHC: 1.003930

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 9 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

- **Bước 2:** Bộ phận Một cửa tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp (một lần) cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 9 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi.

+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp đối với trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị hỏng.

(Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thị xã, thành phố;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thị xã, thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

h) Lệ phí : Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 9 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu số 9

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu

- Trụ sở chính: (1)

- Điện thoại: Email:

Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: Số đăng ký:

do cấp ngày tháng năm

Công dụng: Vật liệu vỏ:

Năm và nơi đóng:

Chiều dài thiết kế: m Chiều dài lớn nhất: m

Chiều rộng thiết kế: m Chiều rộng lớn nhất: m

Chiều cao mạn: m Chiều chìm:m

Mạn khô: m Trọng tải toàn phần: tấn

Số người được phép chở: người Sức kéo, đẩy: tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):

Máy phụ (nếu có):

Nay đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với lý do:

Tôi cam đoan lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

....., ngày tháng năm

Chủ phương tiện (2)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

06. Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện. Mã số TTHC: 2.001659**a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 10 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

- **Bước 2:** Bộ phận Một cửa tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp (một lần) cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại; nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận Một cửa của huyện, thị xã, thành phố chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân đến Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố nhận kết quả theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

b) Cách thức thực hiện:

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 10 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thị xã, thành phố;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Quản lý đô thị các huyện, thị xã, thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 10 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính : Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÓA ĐĂNG KÝ
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu

- Trụ sở chính: (1)

- Điện thoại: Email:

Đề nghị cơ quan xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện: Số đăng ký:

Công dụng: Ký hiệu thiết kế:

Năm và nơi đóng:

Cấp tàu: Vật liệu vỏ:

Chiều dài thiết kế: m Chiều dài lớn nhất: m

Chiều rộng thiết kế: m Chiều rộng lớn nhất: m

Chiều cao mạn: m Chiều chìm: m

Mạn khô: m Trọng tải toàn phần: tấn

Số người được phép chở: người Sức kéo, đẩy: tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):

Máy phụ (nếu có):

Nay đề nghị xóa đăng ký phương tiện trên.

Lý do xóa đăng ký

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày tháng năm

Chủ phương tiện (2)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP XÃ

01. Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa. Mã số TTHC: 1.004047

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 4 – ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn.

- **Bước 2:** Bộ phận Một cửa tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại (một lần); nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã, phường, thị trấn theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 4- ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 3 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm;

(Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm; Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ;

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

h) Lệ phí: Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 3-ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 4 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

Mẫu số 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI

ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC ĐIỆN ĐĂNG KIỂM

(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu
- Trụ sở chính: (1)
- Điện thoại: Email:

Loại phương tiện:

Vật liệu đóng phương tiện:

Kích thước phương tiện: ($L_{\max} \times B_{\max} \times D \times d$) =
(.....x.....x.....x.....) m

Máy (loại, công suất):/..... (cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần: tấn.

b) Sức chở người: người.

Tình trạng thân vỏ:

Tình trạng hoạt động của máy:

Dụng cụ cứu sinh: số lượng (chiếc); Loại

Đèn tín hiệu:

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm

Chủ phương tiện (2)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

Mẫu số 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ
Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Dùng cho phương tiện đang khai thác, đăng ký lần đầu)

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu
.....

- Trụ sở chính: (1)

- Điện thoại: Email:

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản
như sau:**

Tên phương tiện: Chiều cao mạn: m

Năm hoạt động: Chiều chìm:m

Công dụng: Mạn khô:m

Năm và nơi đóng: Trọng tải toàn phần:tấn

Vật liệu vỏ: Số người có thể chở:người

Chiều dài lớn nhất:(m) Sức kéo, đẩytấn

Chiều rộng lớn nhất: (m)

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):

Máy phụ (nếu có):

Phương tiện này được (mua lại, hoặc đóng tại...):

..... (cá nhân hoặc tổ chức)

Địa chỉ:

Thời gian (mua, tặng, đóng) ngày tháng năm

Hóa đơn nộp lệ phí trước bạ số ngày tháng năm

Nay đề nghị đăng ký phương tiện
trên.

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm
trước pháp luật về quyền sở hữu hợp pháp đối với phương tiện và lời khai trên.

Xác nhận của đại diện chính quyền địa ngày tháng năm...

phương cấp phường, xã

CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

(Ký tên)

(Nội dung: Xác nhận ông, bà đăng ký hộ
khẩu thường trú tại địa phương có phương tiện nói
trên và không tranh chấp về quyền sở hữu)

(Ký tên, đóng dấu)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký
tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có
đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

02. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện. Mã số TTHC: 1.004002

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 7 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn.

- **Bước 2:** Bộ phận Một cửa tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại (một lần); nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã, phường, thị trấn theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

b) Cách thức thực hiện - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 7- ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.

(Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra: Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương

tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

h) Lệ phí : Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 7- ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính : Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu

- Trụ sở chính: ⁽¹⁾

- Điện thoại: Email:

Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện: Số đăng ký:

Công dụng: Ký hiệu thiết kế:

Năm và nơi đóng:

Cấp tàu: Vật liệu vỏ:

Chiều dài thiết kế: m Chiều dài lớn nhất: m

Chiều rộng thiết kế: m Chiều rộng lớn nhất: m

Chiều cao mạn: m Chiều chìm:m

Mạn khô: m Trọng tải toàn phần: tấn

Số người được phép chở: người Sức kéo, đẩy: tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):.....

Máy phụ (nếu có):

Phương tiện này được (mua lại, hoặc điều chuyển ...):

từ (ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị)

Địa chỉ:

Đã đăng ký tại ngày tháng năm

Nay đề nghị đăng ký lại phương tiện trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày tháng năm 20.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN ⁽²⁾

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

((*) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu)

03. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện. Mã số TTHC: 1.003970

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 7 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn.

- **Bước 2:** Bộ phận Một cửa tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại (một lần); nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã, phường, thị trấn theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

b) Cách thức thực hiện: hiện - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 7 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính), đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.

(Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra: Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển

phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

h) Lệ phí : Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :

Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 7 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT.*)

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:

Mẫu số 7

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu
- Trụ sở chính: (1)
- Điện thoại: Email:

Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện: Số đăng ký:

Công dụng: Ký hiệu thiết kế:

Năm và nơi đóng:

Cấp tàu: Vật liệu vỏ:

Chiều dài thiết kế: m Chiều dài lớn nhất: m

Chiều rộng thiết kế: m Chiều rộng lớn nhất: m

Chiều cao mạn: m Chiều chìm:m

Mạn khô: m Trọng tải toàn phần: tấn

Số người được phép chở: người Sức kéo, đẩy: tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):.....

Máy phụ (nếu có):

Phương tiện này được (mua lại, hoặc điều chuyển ...):

từ (ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị)

Địa chỉ:

Đã đăng ký tại ngày tháng năm

Nay đề nghị đăng ký lại phương tiện trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày tháng năm 20.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

((*) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu)

04. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác. Mã số TTHC: 1.006391

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 8 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn.

- **Bước 2:** Bộ phận Một cửa tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại (một lần); nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- **Bước 3:** Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và xem xét quyết định.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã, phường, thị trấn theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 8 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó.

(Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

h) Lệ phí : Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 8- ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Dùng cho phương tiện chỉ thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện)

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu
 - Trụ sở chính: ⁽¹⁾
 - Điện thoại: Email:
- Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: Số đăng ký:
do, cấp ngày tháng năm

có đặc điểm cơ bản như sau:

Ký hiệu thiết kế:, Cấp tàu:

Công dụng:, Vật liệu vỏ:

Năm và nơi đóng:

Chiều dài thiết kế: m, Chiều dài lớn nhất:
m

Chiều rộng thiết kế: m, Chiều rộng lớn nhất: m

Chiều cao mạn: m, Chiều chìm:m

Mạn khô: m, Trọng tải toàn phần: tấn

Số người được phép chở: người, Sức kéo, đẩy:
tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):

Máy phụ (nếu có):

Nay đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện theo địa chỉ mới là:

(*nêu lý do thay đổi địa chỉ*)

Tôi cam đoan chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày tháng năm 20.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN ⁽²⁾

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện t

05. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện. Mã số TTHC: 1.003930

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 9 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn.

- Bước 2: Bộ phận Một cửa tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại (một lần); nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và xem xét quyết định.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã, phường, thị trấn theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 9 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi.

+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp đối với trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị hỏng.

(Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

h) Lệ phí : Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện thủy nội địa 70.000đồng/giấy.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai :

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (Mẫu số 9 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu

- Trụ sở chính: (1)

- Điện thoại: Email:

Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: Số đăng ký:

do cấp ngày tháng năm

Công dụng: Vật liệu vỏ:

Năm và nơi đóng:

Chiều dài thiết kế: m Chiều dài lớn nhất: m

Chiều rộng thiết kế: m Chiều rộng lớn nhất: m

Chiều cao mạn: m Chiều chìm:m

Mạn khô: m Trọng tải toàn phần: tấn

Số người được phép chở: người Sức kéo, đẩy: tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):

Máy phụ (nếu có):

Nay đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với lý do:

Tôi cam đoan lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

....., ngày tháng năm 20.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN ⁽²⁾

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

06. Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện. Mã số TTHC: 2.001659

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu làm đơn (*Mẫu số 10 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*); sau đó nộp toàn bộ hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn.

- Bước 2: Bộ phận Một cửa tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn trực tiếp tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện lại (một lần); nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả; Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3: Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn thẩm định và xem xét quyết định.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã, phường, thị trấn theo thời gian ghi trên giấy hẹn.

b) Cách thức thực hiện: - Thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công dichvucong.binhphuoc.gov.vn;

- Hoặc gửi qua hệ thống bưu điện;

- Hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 10 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*);

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa (*Mẫu số 10 - ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT*).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính : Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÓA ĐĂNG KÝ
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA****Kính gửi:**- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu
.....

- Trụ sở chính: (1)

- Điện thoại: Email:
.....**Đề nghị cơ quan xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: Số đăng ký:

Công dụng: Ký hiệu thiết kế:

Năm và nơi đóng:

Cấp tàu: Vật liệu vỏ:

Chiều dài thiết kế: m Chiều dài lớn nhất: m

Chiều rộng thiết kế: m Chiều rộng lớn nhất: m

Chiều cao mạn: m Chiều chìm: m

Mạn khô: m Trọng tải toàn phần: tấn

Số người được phép chở: người Sức kéo, đẩy: tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):

Máy phụ (nếu có):

Nay đề nghị xóa đăng ký phương tiện trên.

Lý do xóa đăng ký

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày tháng năm 20.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.